

Kính Bạch:

Chư Tôn Đức

Toàn thể Phật tử

Bản Việt Ngữ Chiêm Bốc pháp thuộc giáo Pháp mật Tông này xuất hiện vì nhu cầu hướng dẫn cho Phật Tử tu học nội bộ. Với tâm thanh tịnh cần cầu Chánh Pháp, người Phật tử với tinh thần cầu tiến, hãy tự mình tinh tấn tu hành để sớm được thành tựu. Việc làm này hoàn toàn không liên quan đến thương mại.

Ngưỡng cầu Tam Bảo và Chư Hộ Pháp nhũ lòng từ bi gia hộ cho tấm lòng thành của hàng thiện tín để có đủ tài liệu tu học.

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi

Âm Hán Việt:

Ông A Na Ba Tra Nã Đích

DIỆU CÁT TUỜNG CHIÊM BỐC PHÁP

Mục Lục

Tát Ca Pháp Vương Tự
Lời Tựa Của Dịch Giả

Phần I. Chuẩn Bị Tiên Đoán (Chiêm Bốc)
Lời Nói Đầu
Quán Tượng Đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Phương Pháp Tiên Đoán (Xem Bói)
Dùng Những Dụng Cụ tiên đoán khác
Qui Tắc tiên đoán
Phương Pháp Suy Đoán
Ý Nghĩa Của sáu (6) chữ Chú
Nên Biết Về Duyên Khởi và Tánh Không

Phần II. Phần Xin Quẻ
Hình Tượng 36 Quẻ
Lời Giải 36 Quẻ

Ah Ah (Quẻ 1-1)
Ah Ra (Quẻ 1-2)
Ah Pa (Quẻ 1-3)
Ah Tsa (Quẻ 1-4)
Ah Na (Quẻ 1-5)
Ah Dhi (Quẻ 1-6)

Ra Ah (Quẻ 2-1)
Ra Ra (Quẻ 2-2)
Ra Pa (Quẻ 2-3)
Ra Tsa (Quẻ 2-4)
Ra Na (Quẻ 2-5)
Ra Dhi (Quẻ 2-6)

Pa Ah (Quẻ 3-1)
Pa Ra (Quẻ 3-2)
Pa Pa (Quẻ 3-3)
Pa Tsa (Quẻ 3-4)
Pa Na (Quẻ 3-5)
Pa Dhi (Quẻ 3-6)

Tsa Ah (Quẻ 4-1)
 Tsa Ra (Quẻ 4-2)
 Tsa Pa (Quẻ 4-3)
 Tsa Tsa (Quẻ 4-4)
 Tsa Na (Quẻ 4-5)
 Tsa Dhi (Quẻ 4-6)

Na Ah (Quẻ 5-1)
 Na Ra (Quẻ 5-2)
 Na Pa (Quẻ 5-3)
 Na Tsa (Quẻ 5-4)
 Na Na (Quẻ 5-5)
 Na Dhi (Quẻ 5-6)

Dhi Ah (Quẻ 6-1)
 Dhi Ra (Quẻ 6-2)
 Dhi Pa (Quẻ 6-3)
 Dhi Tsa (Quẻ 6-4)
 Dhi Na (Quẻ 6-5)
 Dhi Dhi (Quẻ 6-6)

Phụ Lục

Ghi Thêm (Hậu Ký)

Các Pháp Tu Tiêu Tai - trừ chướng

1. Pháp Tu Nước Cam Lô
2. Phép Trừ Chướng
3. Pháp Mộc Dục (Phép Tắm)
4. Diêu Cát Tường Chiêm Bốc Pháp Nghi Quỹ
5. Thập Nhất Diện Quan Âm
6. Đại Hắc Thiên
7. Kim Cang Tát Đỏa
8. Phổ Ba Kim Cang
9. Cát Tường Thiên
10. Hoàng Tài Thần
11. Phật Đánh Tôn Thắng Phật Mẫu
12. Đại Tùy Cầu Bồ Tát
13. Lục độ mẫu
14. Di Lạc Bồ Tát
15. Cu Lô Cu Li Phật Mẫu
16. Long Vương
17. Tu Trì Tam mật

Lời Nói Đầu

Đảnh Lễ Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

Đức Văn Thù Sư Lợi (Manjushri) là hoá thân của Trí Huệ. Trong các bậc Đại Bồ Tát Phật Giáo, Đức Quán Tự Tại Bồ Tát được tôn xưng là “Đại Bi”, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được tôn xưng là “Đại Trí”.

Theo quan điểm của Mật Tông Tây Tạng, hành giả nên dùng “Tâm Bồ Đề” làm căn bản tu tập, Bồ Đề Tâm phải có 2 nhân tố: thứ nhất là Đại Bi, thứ hai là Đại Trí. Cho nên hành giả mật tạng phải đặc biệt kính ngưỡng hai vị Bồ Tát này.

Ý nghĩa của chữ “Văn Thù Sư Lợi” là “Diệu Cát Tường”, nghĩa là “tốt đẹp nhất”. Trong nghi quỹ của Mật Tông Tây Tạng, ngài Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã thị hiện thành một đồng tử. Vì vậy mà Ngài còn được tôn xưng là “Diệu Cát Tường Đồng Tử.”

Quyển “Phép Tiên Đoán của Ngài Diệu Cát Tường Bồ Tát” này rút ra từ Mật Tông Tây Tạng, phái Hồng Giáo do ngài Ninh Mã Nham Truyền Đại Bất Bại Tôn giả Tương Công Mật Bành (Jamegon Mipham 1846-1912) lập nên. Vì dùng chú ngữ của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lập thành 36 quẻ, lại dùng chú tự của chú ngữ để tiên đoán nên lại có tên là “Phép Tiên Đoán Diệu Cát Tường”. Gần đây có Jay Goldberg đã dịch sang Anh Ngữ và đã xuất bản, do Tát Ca Pháp Vương đề tựa. Nay lại dịch sang Trung Văn có tu chỉnh lại để hành giả Trung Quốc tiện sử dụng.

Bất Bại Tôn giả trong Mật Tông là một vị có tài năng đặc biệt, Ông được tôn xưng là Nham truyền Đạo sư, trên thực tế chưa nắm hết mật pháp của nham tạng. Người ta tôn xưng là (Nham Truyền), chỉ vì tất cả mật pháp đều do tự tâm, ý mà ra, như từ Nham Tạng mà ra gọi là “Ý Nham”, theo nghĩa mà nói, do tâm ý mà nói ra tức là Mật Pháp Vô thượng của Nham Tạng. Quyển “Phép Tiên Đoán Diệu Cát Tường” này cũng thuộc một trong những loại Ý Nham, cho đến phái Ninh Mã và Phái Tát Ca (Hoa Giáo) cũng tôn sùng và đều công nhận là pháp điển của ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Tôn giả sanh tại miền Đông Tây Tạng, tuy tu học pháp với Ninh Mã phái nhưng lại tinh thông giáo pháp của bốn phái lớn là Hồng, Hoa, Bạch và Hoàng, lúc sanh thời đã trước thuật nhiều tác phẩm, nội ngoại ngữ minh đều thông hiểu. Về ngoại minh, Kiến trúc và Chiêm tinh làm nổi tiếng nhất. Còn về việc chú thích Mật Tục và Phật điển, lại làm cho những nhân sĩ mật thừa cận đại tôn sùng là bậc khuôn mẫu.

Đối với phép tiên đoán này, người viết cũng có một lần chính bản thân đã thử nghiệm. Hơn 10 năm trước, Pháp Vương Ninh Mã Phái là ngài Đôn Châu Ninh Ba Xa (Dudjom Rinpoche) đến Hồng Kông lần thứ nhì, người viết đã đến yết kiến và xin Pháp Vương tiên đoán cho một quẻ xem số tiền hàng ở Đài Loan có thu hồi đầy đủ được không. Pháp Vương từ bi chấp thuận. Ngài bắt đầu lần hột và tụng niệm Thần chú của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, sau đó ngồi im lặng một chút, rồi thuận tay đang lần hột nắm tới một đoạn dài chuỗi hột, xong bắt đầu đếm cứ 6 hột là một đoạn cho đến khi số thừa còn lại là số bao nhiêu. Sau khi làm như vậy hai lần xong, Ngài nói với người viết rằng tiền hàng không thu hồi được đâu. Ngài Dudjom lại nói tiếp ngài đã dùng phương pháp tiên đoán của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, nên người viết rất thích thú về phương pháp tiên đoán này. Pháp Vương lại nói “Anh quá yêu thích về thuật số. Mật tông cũng nên biết một chút thuật số. Nhưng Mật Tông lại có quá nhiều thuật số như: Chiêm tinh và Phong thủy đều bắt nguồn từ Trung Quốc, cho nên anh thích môn thuật số cũng tốt lắm.”

Lúc đó người viết đã có ý xin Ngài truyền thọ cho phép tiên đoán này, ngờ đâu Pháp Vương đã biết trước được tâm ý của người viết nên Ngài nói “Tương lai anh nhất định có cơ

duyên để học môn này.” Thực ra rất đơn giản, Kinh Dịch của chúng ta bắt đầu rất phức tạp. Nói một cách chính xác, nếu đem phương pháp bói toán trong Kinh Dịch mà so với phương pháp này thì Kinh Dịch phức tạp hơn nhiều. Tuy nhiên, hai loại lại khác nhau. Kinh Dịch dùng Âm Dương, quẻ hào, chính nó có một phép tắc riêng biệt, còn đối với cách tiên đoán trong cuốn sách này hoàn toàn dựa vào sự “quán tưởng”, cũng như dựa vào sự “tu tri” của người đoán.

Quán tưởng: là công phu căn bản của Mật Tông Tây Tạng. Quán Bốn Tôn, quán Đàn Thành là giai đoạn căn bản phải trải qua của người mới nhập môn. Kỳ thực mà nói cách Quán Tưởng thì tất cả mọi người đều có thể đạt được, chỉ một số ít người quá đam mê; vừa nhắm mắt là thấy được hình tượng mà chính mình sùng bái và cho rằng quán tưởng được rồi.

Dùng phương pháp tiên đoán theo sách này, phải quán tưởng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu phương pháp Quán Tưởng mong quý độc giả hãy chú tâm để có thể tu tập được thành công. Kỳ thực tu tập quán tưởng cũng như làm cho vô đại não được nghỉ ngơi, dù rằng không làm việc chiêm bosc, đối với việc tu dưỡng tinh thần và dưỡng sinh chắc chắn có lợi ích rất nhiều.

I. Phép Quán Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

Phép tu mật thừa Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đặc biệt thân thể Ngài có nhiều loại màu sắc khác nhau như: Bạch Văn Thù (thân Ngài màu trắng), Hoàng Văn Thù (thân Ngài màu vàng), Hắc Văn Thù (thân Ngài màu đen), Hồng Văn Thù (thân Ngài màu hồng). Phép tu trong cuốn sách này lấy Ngài Văn Thù có thân màu vàng (Hoàng Văn Thù) để tu tập.

Cách quán tưởng của pháp này:

a) Quán chính mình hóa thành ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

b) Cũng có thể quán Đức Văn Thù Bồ Tát đối diện với mình.

Phép quán đầu gọi là “Tự Sanh”, phép quán sau gọi là “Đối Sanh.”

Chúng tôi không thảo luận về “Tự Sanh” ở đây bởi vì phương pháp tu hành pháp môn này đòi hỏi phải có trình độ căn bản về Mật tông. Người đã tu qua căn bản Mật Tông rồi thì không thể dùng bút mực để hướng dẫn được. Cho nên chỉ bàn đến “Đối Sanh” để độc giả tiện tu tập mà thôi.

Trong lúc tu tập nên quán Không, tức là tinh thần không để ý vào một chỗ nào cả kể cả chung quanh mình, chỉ chú tâm vào hoàn cảnh trước mặt mà quán thành hư không.

Trong hư không, ngang tầm nhìn trước mình có một Hoa sen màu xanh ngàn cánh, trên hoa sen có một mặt trăng tròn màu trắng.

Trên mặt trăng có một chữ tự chủng của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Chữ này đọc âm Việt là “Đi” (Dhi). Quán tưởng chữ tự chủng này màu vàng nhưng không phải là màu vàng nhạt, tốt nhất là màu vàng cam.

Quán tưởng chữ tự chủng này đang phóng ra ánh sáng hóa thành ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, thân thể Ngài cao chừng hai thước, Bồ Tát có một mặt, hai tay, thân màu vàng (như màu của tự chủng). Trên đầu ngài đội mũ Ngũ Phất, thân thể trang nghiêm, tươi mát như hoa nở, cánh tay tròn, tay đeo xuyên, chân đeo vòng. Ngài đeo ba (3) chuỗi: chuỗi thứ nhất vòng quanh cổ, chuỗi thứ nhì vòng quanh ngực, chuỗi thứ ba vòng quanh rốn. Bồ Tát ngồi kiết già trên mặt trăng, sau lưng có mặt trời màu hồng. Ngài mặc quần lụa, lưng đeo đai màu, hiện thân một đồng tử khoảng 16 tuổi. Tay phải Bồ Tát cầm kiếm, đầu mũi kiếm phóng ra ngọn lửa trí tuệ, tay trái cầm một đóa hoa Ô bà lap, trên hoa có một quyền kinh Bát Nhã. “Bát Nhã” tức là Trí Tuệ.

Chính giữa tâm luân Bồ Tát phóng ra một tia sáng màu vàng chiếu thẳng đến tâm luân của người tu tập và nơi đây cũng có ánh sáng màu vàng đang quay tròn.

Như trên đã trình bày từng bước một để quán tưởng, việc này cũng không khó khăn lắm, chỉ chuyên tập một thời gian có thể có được một hình bóng của Bồ Tát.

Điều quan trọng nhất là nên đem ánh sáng từ tâm luân của Bồ Tát phóng ra để quán tưởng thành ánh sáng thật trong sáng, càng sáng càng tốt. Trong lúc ban đầu quán tưởng có một chút tiến bộ nên trì thần chú của Ngài Văn Thù như sau:

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi

Âm Hán Việt:

Ông A Na Ba Tra Nã Địch

Trong câu chú năm (5) chữ “A Na Ba Tra Nã” đại biểu cho năm (5) vị Phật khác nhau. Chữ Địch như đã nói ở trên là chữ “Dhi”, chữ tự chủng của Ngài Văn Thù. Sau đây sẽ tường thuật thêm.

Câu chú của Bồ Tát, niệm càng nhiều càng tốt. Trong lúc niệm hãy quán tưởng “Đôi Sanh” tâm luân của Bồ Tát phóng ra ánh sáng màu vàng rất mạnh, tùy theo âm của chú mà bánh xe quay từ từ, ánh sáng màu vàng cũng quay theo.

Đó là cách thực tập quán tưởng cùng với cách niệm chú (khoảng 21 lần, tốt nhất niệm đủ một chuỗi) tức là có thể bắt đầu tiên đoán. Sau đó phải tu trì và luyện tập quán tưởng.

II. PHÉP TIÊN ĐOÁN

Trong lúc tiên đoán, trước hết phải quán tưởng đôi sanh với tâm luân của Ngài Bồ Tát Văn Thù, phóng ra ánh sáng màu vàng thật rõ ràng. Lúc này chấp tay và tụng niệm bài văn cầu xin dưới đây:

**Đại Trí Diệu Cát Tường đồng tử,
Trí nhãn tam thời vô chướng ngại.
Quy y Tam Bảo tam căn bản,
Tâm hữu nghi hoặc cầu khai thị.**

Chữ tam thời trong bài tụng trên là quá khứ, hiện tại, và tương lai. Vì có khả năng vô ngại nên quan sát được ba (3) thời, biết được nhân quả thành bại của sự vật. Do đó mà nói ra được những lời dự đoán trước.

Tam Bảo là Phật Pháp Tăng. Mật Tông Tây Tạng, chữ Tăng không những chỉ các vị xuất gia mà còn chỉ cho tất cả những người tu hành theo Phật Pháp.

Tam căn bản là: Căn bản Thượng Sư, Căn bản Bổn Tôn, và Căn bản Không Hạnh. Theo kinh Mật Tông, người được Thượng Sư truyền pháp Quán Đảnh tuy không có Tam căn bản, mà chỉ có quy y Tam Bảo cũng được.

Theo phép tiên đoán truyền thống của Mật Tông Tây Tạng, những dụng cụ để tiên đoán là hột súc sắc. Hột gồm có sáu (6) mặt khắc sáu (6) chữ của Thần chú như sau:

1 = Ah, 2 = Ra, 3 = Pa, 4 = Tsa, 5 = Na, 6 = Dhi.

Vị trí của sáu (6) chữ cũng giống như hột súc sắc thông thường. Chữ trên mặt thứ nhất (1) và mặt thứ sáu (6) đối diện nhau, mặt thứ hai (2) và mặt thứ năm (5) đối nhau, mặt thứ ba (3) và bốn (4) đối nhau.

Trong khi tụng niệm những câu cầu xin, hai lòng bàn tay chấp lại, quán tưởng ngay tâm luân Bồ Tát phóng ra ánh sáng chiếu đến hột súc sắc. Nếu như lắc hột bằng một hộp đựng hột thì sau khi niệm tụng xong dùng tay cầm hột bỏ vào hộp. Nếu không có hộp thì hai tay bùm lại tự nhiên; rồi bỏ hột vào 2 lòng bàn tay, sau đó niệm chú 21 biến, quán tưởng luồng ánh sáng màu vàng từ nơi tâm luân Bồ Tát chiếu thẳng đến hột. Trong khi niệm chú, tâm nghĩ đến sự việc cần tiên đoán, sự việc này chỉ hạn định một vấn đề mà thôi. Ví dụ: hỏi bệnh, thì quý vị có thể hỏi bệnh tình biến chuyển tốt hay xấu. Thầy thuốc có đúng chuyên khoa không, phương pháp trị liệu có thích hợp không (ví dụ: có nên nghe theo lời dặn của thầy thuốc không? ..) Nhưng không đem vấn đề đã hỏi để hỏi lại một lần nữa, mà chỉ đem vấn đề khác để xin tiên đoán mà thôi. Sau khi niệm chú của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát xong, trong tâm phải nghĩ ngay đến vấn đề muốn hỏi và tiếp tục tụng chú Nhân Duyên sau đây:

**Om Yea Dar Ma
Heh Too Pra Bah Wah
Ta Tha Ga Toe
Ha Ya Wa Tet
Tay Ken Cha Yo
Nec Ro Da
Eh Wam Wa Dee
Ma Ha Shra Ma Na
So Ha**

Chú này có thể cải thành bài tụng như sau:

**Chư Pháp nhân duyên sanh,
Pháp diệt nhân duyên diệt.
Thị chư Pháp nhân duyên,
Phật Đại Sa Môn thuyết.**

Ý nghĩa của bài tụng: nói về tất cả các pháp (sự vật và hiện tượng), tất cả đều do nhân duyên sanh, duyên đủ thì sanh, duyên hết thì diệt, nên gọi là duyên khởi. Ví dụ như trồng cây, có ánh sáng mặt trời, mưa, sương mù thì sẽ nảy mầm, nở hoa. Ánh sáng, mặt trời, mưa, móc là duyên. Nếu không có ánh sáng, mưa, móc gọi là duyên không đủ, do đó mà ta có thể quyết định là không có hoa nở. Tất cả những điều chúng ta muốn hỏi kỳ thực đều như vậy cả, đều nằm trong vòng nhân duyên của hiện tượng và sự vật mà thôi.

Tụng niệm xong, là nghĩ ngay đến vấn đề muốn hỏi, lắc hộp đựng hột, chí tâm ý để phát sanh ra một ý niệm ngưng nghĩ, lập tức ngừng lại và xem hột súc sắc đang ở chữ gì trong câu chú. Nếu không dùng hộp lắc hột, có thể với lòng thành buông thả hột xuống cũng có được một chữ của chú.

Xong một lần rồi, có thể làm tiếp lần thứ hai, lần này không nên tụng chú và tụng bài văn lại, mà chỉ quán tưởng ánh sáng vàng nơi tâm luân của Bồ Tát phóng ra chiếu thẳng vào hột súc

sắc.

Sau khi xong hai (2) lần xin quẻ, hãy tìm lời giải đoán đúng theo số và tên quẻ đã xin. Nếu không có hột súc sắc đúng với bộ sách này, có thể dùng hột thường cũng được. Nên dùng hột mới và so sánh số của hột này với số thứ tự chữ của câu chú mà biết số quẻ.

Ghi thêm: Nên nhớ một quẻ phải có hai (2) số hoặc hai (2) chữ và mỗi một số hay chữ phải xin một (1) lần.

Tiến trình xin một quẻ có 2 giai đoạn:

Giai đoạn I là xin số và chữ đầu của quẻ:

1. Tụng bài văn Cầu xin đồng thời bỏ hột vào hộp lắc.
2. Tụng chú của Ngài Văn Thù đồng thời lắc hột.
3. Tụng bài văn Nhân duyên để biết số và chữ đầu của quẻ.

Giai đoạn II là xin số và chữ thứ nhì của quẻ:

1. Không tụng chú và bài tụng lại.
2. Chỉ quán tưởng và làm những động tác như trên.

DÙNG CÁC DỤNG CỤ KHÁC ĐỂ TIÊN ĐOÁN

Ngoài các phương pháp tiên đoán theo truyền thống như dùng hột súc sắc còn có thể dùng nhiều cách khác để thay thế. Như đã trình bày ở phần trước, ngài Đôn Châu Ninh Ba Xa (Dudjom Rinpoche) đã dùng chuỗi hột để tiên đoán tức là một lòng quán tưởng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phóng quang chiếu đến chuỗi hột, trong tâm trí tưởng đến vấn đề muốn hỏi, sau đó dùng đầu chuỗi hột tức là nơi bình Cam Lộ làm trung tâm điểm, thuận tay nắm lấy một đoạn chuỗi hột, xong hướng về phía đầu chuỗi (phía có bình Cam Lộ đếm từng đoạn, sáu (6) hột cho mỗi đoạn, khi gần đến đầu chuỗi xem số thừa còn lại nhiều hay ít, nếu như thừa một (1) hột tức là quẻ chữ Ah, thừa hai (2) hột là quẻ chữ Ra. Cứ như vậy mà tìm các chữ khác. Nếu như số lượng qua hai (2) lần tức là qua hai (2) chữ của câu chú là có được một quẻ. (Một lần quán Bồ Tát và một lần quán sự việc.)

Nếu người không có chuỗi hột cũng có thể tiên đoán bằng cách dùng gạo. trong lúc xin quẻ để một chén gạo trước mặt, niệm chú quán tưởng như đã nói ở trước. Sau khi niệm quán tưởng xong liền niệm tiếp một biến Chú hay Kệ Nhân Duyên và nghĩ ngay đến vấn đề muốn hỏi. Biến quán tưởng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có phóng quang chiếu thẳng tới chén gạo; dùng tay nhúm một nhúm gạo, đếm sáu (6) hạt một lần, tiếp tục cho đến khi nào hết số lần sáu (6) thì xem số dư còn lại mà tính quẻ. Làm hai (2) lần như vậy mới được một quẻ.

Dùng phương pháp này có một khuyết điểm, đó là khi bốc mà lộn gạo nữa (tầm) vào thì không định quẻ đúng được. Vì vậy nên chọn gạo tốt trước khi xin quẻ.

(Còn có nhiều phương pháp khác như dùng con cờ, hoặc tờ giấy v.v... để xin quẻ theo cách trên.)

III. NGUYÊN TẮC TIÊN ĐOÁN

A. Nguyên tắc tiên đoán

Dùng bản phép tiên đoán phải biết một số nguyên tắc như sau:

- 1) Mỗi quẻ (tức lắc hột hai lần) nhưng chỉ hỏi một vấn đề.

- 2) Đối với vấn đề trọng đại, có thể kiểm tra lại quẻ, nghĩa là sau khi xin được một quẻ rồi lại quán tưởng vấn đề cũ muốn hỏi để xin một quẻ nữa.
 - a. Nếu như xin hai (2) lần mà được hai (2) quẻ giống nhau thì câu trả lời là rất chắc chắn.
 - b. Nếu như hai (2) chữ chú của 2 quẻ bị đảo ngược với nhau, ví dụ như quẻ thứ nhất được Ah-Ra, quẻ thứ nhì là Ra-Ah, như vậy là lời giải chưa chính xác. Nên quán tưởng tri chú lại một lần nữa, sau đó mới tiến hành xem quẻ lại.
 - c. Nếu như 2 quẻ khác nhau, lời giải đoán cũng không giống nhau. Chắc chắn lời giải đoán của quẻ thứ nhất là không chính xác, cho nên phải quán và xin quẻ lại.
- 3) Một số vấn đề cần phải phân biệt cả hai phía được tiên đoán như thừa kiện nhau, quý vị trước tiên phải xin hỏi cho chính mình có thể thắng được không. Sau đó mới xin hỏi cho đối phương có thắng hay không. Phải tham cứu cả hai quẻ thật rõ ràng, thông thường thì lời giải là chính xác. Nếu cả hai phía đều bị bại cả, thì thuộc loại cả hai bên đều được hòa giải.
- 4) Vấn đề liên hệ với nhau là dính líu đến nhiều người có thể nên quán tưởng diện mạo từng người một khi họ đến xin tiên đoán. Ví dụ: Như sự liên quan đến một nhóm người của một công ty, giả như sự kiện dính líu đến ba (3) nhân viên trong công ty đó, thì có thể chia làm ba (3) lần xin quẻ cho mỗi người riêng biệt để biết được thái độ từng người, xem ai có lợi cho mình và ai gây trở ngại cho mình.
- 5) Đối với các vấn đề: phạm pháp, những việc không hợp lý... thì không nên tiên đoán. Ví dụ: Lấy của công có thành công không?
- 6) Vấn đề thuộc về cờ bạc, ăn chơi ...không nên tiên đoán. Ví dụ: không thể tiên đoán về đua ngựa, đánh chim, các loại được, thua, thắng, bại...
- 7) Những vấn đề cần phải tiên đoán hai lần theo thời gian như: đi du lịch, nếu xin được quẻ không tốt, thì một tháng sau có thể xin lại. Còn như việc buôn bán, nếu xin được quẻ không tốt thì có thể xin lại vấn đề phát triển tiếp theo như thế nào.
- 8) Phàm khi tiên đoán thì tâm trí phải an bình, không nên nghĩ trước lời dự đoán trong trí, lời giải này ắt rằng không chính xác.
- 9) Trong khi xin quẻ lại, tốt nhất là phải nghỉ ngơi một chút, sau đó niệm chú ngài Văn Thù Sư Lợi, chờ cho tâm trí bình thản, tâm nghĩ đến tốt hay không tốt phải giảm thiểu tối đa, khi đó mới bắt đầu xin quẻ.
- 10) Không được khởi tâm nhớ đến sự thù hận củ nếu có, lòng trả thù không được dấy lên khi xin quẻ. Nên biết rằng tất cả mọi sự kiện đều liên quan đến nghiệp lực, vì thế mà bất luận tốt hay xấu, tâm khí đều phải bình lặng để có được biện pháp suy nghĩ riêng biệt. Nếu còn sanh chấp trước chắc chắn việc xin quẻ để tiên đoán sẽ không chính xác.

B. Phương Pháp Suy Đoán

Sau khi xin được một quẻ, có thể tìm lời giải quẻ ấy trong 36 quẻ ở sách này. Phương pháp tìm kiếm rất đơn giản. Ví dụ: xin được quẻ Ah Ah, tức có thể tra theo chữ, cũng có thể tìm theo số 1-1. Lại như xin được quẻ Na Pa, tức có thể tìm theo số 5-3...

Mỗi một lời giải của quẻ, đầu tiên cho thấy biểu tượng của quẻ, như là loại “Vô vân tình không” nghĩa là “Trời trong mây tạnh” Nhờ vào biểu tượng của quẻ này mà có thể đoán được sự lạnh, dữ, tốt, xấu.

Mỗi một biểu tượng của quẻ trong sách đều có ghi thêm lời giải thích, làm sáng tỏ ý nghĩa của biểu tượng. Người tiên đoán phải lưu tâm vấn đề này bởi vì có khi cho những thí dụ theo ý riêng của mình sẽ bị sai lạc với lời lý giải của quẻ trong sách. Chẳng hạn như quẻ “Vô vân tinh không”, một số người giải rằng: trong sáng, sáng sủa. Nhưng theo lời giải thích trong sách này là “Tánh không”, đây là một danh từ Phật học, người viết cũng đã vấp phải trường hợp này, nên tùy theo loại văn mà giải thích để độc giả tiện lý giải.

Sau khi có biểu tượng của quẻ rồi, sẽ thấy một tín hiệu rất đơn giản, tín hiệu này là một loại cương lĩnh để suy đoán một quẻ. Có khi một số tín hiệu lại có liên quan đến Mật tông, một số người không dễ gì lý giải nổi. Ví dụ: Quẻ “Long Thần đích vĩ”, nghĩa là “Đuôi của loại Long Thần”, người không biết thì nói rất khó mà hiểu được ngụ ý của nó. Người viết cũng đã cho lời giải thích rõ ràng.

Sau tín hiệu là các tiết mục để tiên đoán. Toàn bộ cuốn sách này đã biên soạn theo hoàn cảnh xã hội của Tây Tạng cho nên có nhiều điều không thích hợp với xã hội người Hán hiện đại. Ví dụ như chần trâu giữ dê, tu phép lợi hại, những điều này rất ít liên quan đến chúng ta, cho nên người viết đã sửa chữa lại để thích hợp với độc giả. Sự sửa chữa đã ghi ở trước, người viết cũng đã tu học xong ba (3) buổi “Hoàng Văn Thủ pháp” và đã tu một khóa Thượng Sư pháp. Trong lúc tu pháp, thấp một loại hương đèn trước bàn Hộ Pháp, tro hương đã kết thành một khối, đây là điềm rất tốt có thể tượng trưng cho phương pháp tiên đoán của cuốn sách này là đủ để truyền bá rộng rãi ra ngoài và lưu truyền mãi mãi. Nói thực ra, nếu như vì lợi ích riêng tư người viết sẽ không sửa đổi những điều cần thiết trong cuốn sách này, thà rằng để vấy danh cho người chuyên dùng lại để kiếm lợi hơn. Nay chỉ vì sự thích hợp trong vấn đề truyền bá Mật Tông tại Trung quốc cho người thế tục, nếu có người thẩm nhuận được pháp Mật thừa này mà được lợi ích, vậy là đã tiến được một bước về nhận thức Mật pháp, tu trì Mật pháp, những điều đó đã đưa đến mục đích là sửa đổi lại cuốn sách này.

Sau khi hiệu đính, sắp xếp chi tiết các mục giải đoán gồm có 12 loại được giải thích rõ ràng như sau:

- 1. Gia Trạch:** Liên quan tới sự hưng thịnh của gia đình, bao gồm sự thay đổi, tăng giảm, hao tổn về sản nghiệp, gia tộc đến con người được bình an không, nhất là sự bình an của chính người xin đoán, đôi khi cũng bao gồm cả việc thêm, bớt số người trong gia đình.
- 2. Tài Phú:** Sự giàu có hay hao tổn cá nhân, buôn bán có thịnh vượng không. Tuy nhiên loại này chỉ cho biết một loại, nếu có một mục đích đặt biệt như muốn buôn bán một loại hàng nào đó mà cần bàn thảo xem thử có thành công hay không, thì nên tham khảo lời giải đoán của mục “Mưu Vọng” hoặc “Nhờ cậy”.
- 3. Mưu Vọng:** Liên quan đến sự nghiệp, mục đích và nguyện vọng của sự việc nên làm hay không nên làm, được như ý hay không như ý. Ví dụ: Di dân có được tốt không? Tức thuộc phương diện tiến hành hay ngưng lại (thuộc sự mong muốn), hay là thi nhập học cũng thuộc vào loại này.
- 4. Nhân Sự:** Chủ yếu là liên quan đến sự nghiệp, sự giàu có của những người có quan hệ, ngoài ra liên quan đến người khác thì tham khảo mục “Nhờ cậy” nghĩa là hỏi ý kiến người khác.
- 5. Cừu Oán:** Chỉ ra cho bạn mọi mặt để bạn có thể đạt được đối với người đối nghịch, bao gồm cả sự tai tiếng tốt, xấu.
- 6. Người đi xa:** Tiên đoán Người đi xa đi xa có được bình an không, khi nào thì trở về...

7. Tật Bệnh: Liên quan đến tình trạng sức khỏe, tốt nhất là tự mình xin quẻ, hoặc trực tiếp nhờ người khác xin giúp, nếu như nhờ người khác thay mình để xin quẻ thì mức độ chính xác có sự sai khác. Như người đang lâm trọng bệnh, nên nhờ người thân thuộc trực hệ xin quẻ giúp (con, cháu...)

8. Ma Sùng: Đây là một mục có màu sắc tôn giáo, những ai đang gặp sự bất lợi hoặc bệnh tật liên miên, nên xin tiên đoán về mục này để xem thử có phải là bị ma quỷ quấy nhiễu hay không. Mục này cũng bao gồm cả nhà ở, sở làm việc, có phong thủy (địa lý) không thích hợp. Tuy nhiên cần phải chú ý là khi hỏi về mục này thì đừng hỏi về mục khác. Còn nếu có hỏi về các mục khác thì không chịu ảnh hưởng bởi mục này. Ví dụ: Hỏi bệnh thì không nên xem lời giải thích mục này vì rất dễ dàng lẫn lộn giữa bệnh hữu hình và bệnh do Ma Sùng gây nên.

9. Mất đồ: Xin quẻ để biết vật bị mất có tìm lại được không, tìm lại ở đâu.

10. Nhờ cậy (Xin Giúp Đỡ): Cùng với người khác bàn luận, xem thử có đạt được mục đích của mình không, có được người ủng hộ giúp đỡ không.

11. Hôn Nhân: Bao gồm tình huống những người đã có gia đình và nguyện vọng của những người chưa lập gia đình.

12. Linh tinh (Những chuyện khác): Mục này chỉ nói ra có tính cách suy đoán, những sự việc không có đề cập trong 11 tiết mục trên.

C. Ý Nghĩa Của sáu 6 Chữ Chú

Ah-Ra-Pa-Tsa-Na-Dhi, đây là sáu (6) chữ chú, ngoài sự lập thành mỗi quẻ 2 chữ và giải thích lời đoán còn có ý nghĩa riêng của mỗi chữ mà trong lúc giải đoán cần phải tham khảo.

1. Ý nghĩa căn bản:

AH: Chấm dứt tất cả mọi tai ách, tăng ích, tiêu trừ bốn (4) loại lực lượng. Vì vậy mà chữ này có thể nói là có một đặc tính riêng. Chính vì lý do này nên riêng lẽ chữ ấy đã cho một nghĩa có tính cách phổ biến, nên không được rõ ràng lắm.

RA: Nghĩa là hàng phục. Nếu chữ này đứng đầu trong một quẻ thì biểu thị tự mình có đủ sức để hàng phục đối phương (làm cho đối phương theo mình). Nếu chữ này là chữ thứ hai của quẻ, biểu thị chính mình sẽ nhượng bộ đối phương.

PA: Nghĩa là chấm dứt tai họa. Do đó thuộc loại hòa bình, bất động. Nếu là chữ đầu trong quẻ cho thấy tai họa của chính mình sẽ được qua khỏi, nếu là chữ thứ nhì biểu thị đối phương bất động. Do đó giả như thay người để xin hỏi bệnh. Xin được chữ PA đứng thứ hai trong quẻ, điều này cho thấy tật bệnh sẽ kéo dài triền miên (vì bất động nên đưa đến triền miên).

TSA: Nghĩa là rối loạn và phá hoại. Chữ này đi cùng với chữ RA đều thuộc về phạm vi “Hàng Phục” nhưng mức độ động, tĩnh lại khác nhau. Nếu là chữ đầu của quẻ cho thấy chính mình tâm trí bất an, có nguy cơ đến sự nghiệp ... Nếu là chữ thứ nhì biểu thị đối phương bị nguy hiểm, và cũng có thể biểu thị đối phương bất hợp tác, đều thuộc loại phá hoại.

NA: Nghĩa là tăng ích. nếu là chữ đầu quẻ cho thấy chính mình tăng ích, như lợi ích được tăng thêm, hay được thắng lợi trong các vụ tranh chấp... Nếu là chữ thứ nhì thì lợi ích thuộc về phía đối phương.

DHI: Nghĩa là ái kính. Nếu là chữ đầu của quẻ cho thấy mình được người khác tôn kính, trọng vọng, nhân duyên tốt... Nếu là chữ thứ nhì biểu thị đối phương so với mình có nhân

duyên hơn, nên dựa vào họ.

2. Lục Trần:

AH: Hư không - Là Tánh Không của nhà Phật.

RA: Lửa - Đốt, động lực, khô khan.

PA: Nước- Lạnh, phản tỉnh, ẩm thấp.

TSA: Gió - Loạn, động, không khí.

NA: Đất – Cứng cõi, sinh đẻ.

DHI: Hiểu biết - Sức mạnh siêu nhiên, thần, quý.

3. Lục Căn:

AH: Tai – Tin đồn, truyền thuyết

RA: Mắt – Quan sát, mục kích, nhìn thấy

PA: Lưỡi - Khẩu thiệt, thị phi

TSA: Thân – Va chạm, tiếp xúc

NA: Mũi – Va chạm, tiếp xúc gián tiếp

DHI: Ý – Suy nghĩ, lo lắng

4. Lục Thức

AH: Thính giác – Nhĩ thức

RA: Thị giác - Nhãn thức

PA: Vị giác - Thiệt thức

TSA: Xúc giác- Thân thức

NA: Khứu giác - Tỷ thức

DHI: Tư duy – Ý thức

5. Phương Vị (Vị Trí)

AH: Bao quát cả 5 phương (ngũ phương)

RA: Phương tây

PA: Phương nam

TSA: Phương bắc

NA: Phương đông

DHI: Trung ương

6. Phật Bộ

AH: Phật Bộ trung ương, Tỳ Lô Giá Na Phật

RA: Liên Hoa Bộ phương Tây, A Di Đà Phật
 PA: Bảo Bộ phương Nam, Bảo Sanh Phật
 TSA: Sự Nghiệp Bộ phương Bắc, Bất Không Thành Tựu Phật
 NA: Kim Cang Bộ phương Đông, Bất Động Phật
 DHI: Phần Nộ Tôn Trung ương, Đại Oai Đức Kim Cang

7. Màu Sắc

AH: Bao gồm tất cả các màu sắc như ánh sáng cầu vồng
 RA: Màu hồng đỏ
 PA: Màu vàng
 TSA: Màu lục
 NA: Màu trắng
 DHI: Màu lam

8. Khí Quan (Nội Tạng)

AH: Phổi, khí quản, hệ thống hô hấp, đại trường (ruột già)
 RA: Tim, hệ thống tuần hoàn, tiểu trường (ruột non)
 PA: Thận, hệ thống tiết niệu, bộ phận sinh dục
 TSA: Gan
 NA: Tỳ, mật, vị (bao tử)
 DHI: Tinh (đàn ông), noãn (đàn bà)

9. Hình Thể

AH: Hình thể không cố định
 RA: Hình tam giác
 PA: Hình tròn
 TSA: Hình bầu dục
 NA: Hình vuông, hình chữ nhật
 DHI: Hình thể do các hình khác ghép lại

10. Tam Giới

AH: Thiên giới (trời)
 RA: Nhơn giới (người)

PA: Địa giới (đất)
 TSA: Nhơn giới (người)
 NA: Địa giới (đất)
 DHI: Thiên giới (đặc biệt chỉ thể giới A-Tu-La)

11. Giới Tính

AH: Gồm cả hai tính: âm và dương
 RA: Dương tính
 PA: Âm tính
 TSA: Dương tính
 NA: Âm tính
 DHI: Trung tính (những vật không phân biệt được âm hay dương hoặc nam hay nữ)

12. Trí Tuệ

AH: Pháp giới thể tánh trí
 RA: Diệu quan sát trí
 PA: Bình đẳng tánh trí
 TSA: Thành sở tác trí
 NA: Đại viên cảnh trí
 DHI: Kim cang trí.

Người làm công việc tiên đoán, ngoài các lời giải của quẻ ra, phải thường xuyên tham khảo ý nghĩa của các chữ chú, thường thường phải hiểu rõ ràng chi tiết thật tỉ mỉ của một điểm. Ví dụ như thái độ của đối tượng mà mình đang giao thiệp như thế nào, người ấy là nam hay nữ. Lại như trong trường hợp hội nghị, người đó mặc áo màu gì, có ủng hộ hay giúp đỡ về sự việc gì. Tất cả những chi tiết thuộc loại này nên để ý và nên biết rõ ràng. Lời giải đoán thường hay làm cho người ta giật mình, kinh sợ. Do đó phải nghiên cứu, học tập phương pháp tiên đoán trong cuốn sách này kỹ lưỡng không nên lơ đãng bỏ sót những biểu nghĩa của chữ chú.

IV PHẦN TIÊN ĐOÁN

A. Biểu tượng của 36 quẻ:

Ah -Ah (1-1): Vô vân tình không (Trời quang mây tạnh)
 Ah- Ra (1-2): Đại nhật quang huy (Mặt trời chói lọi)
 Ah-Pa (1-3): Nguyệt cam Lồ quang (Ánh trăng êm dịu)

Ah-Tsa	(1-4): Minh tinh thiêm diêu (Ánh sao lấp lánh)
Ah-Na:	(1-5): Hoàng kim đại địa (Vàng có khắp nơi)
Ah-Dhi	(1-6): Kim cang thanh âm (Âm thanh kim cang)
Ra-Ah	(2-1): Minh đăng (Đèn sáng)
Ra-Ra	(2-2): Thiêm du (Thêm dầu)
Ra-Pa	(2-3): Tử ma (Ma chết)
Ra-Tsa	(2-4): Vương quyền (Quyền vua)
Ra-Na	(2-5): Khô thọ (Cây khô)
Ra-Dhi	(2-6): Cát môn (Cửa tốt)
Pa-Ah	(3-1): Cam Lồ bình (Bình cam Lồ)
Pa-Ra	(3-2): Tử thủy đường (Nước tù trong ao đầm)
Pa-Pa	(3-3): Cam Lồ hải (Biển cam Lồ)
Pa-Tsa	(3-4): Tai nạn ma (Ma tai nạn)
Pa-na	(3-5): Kim liên hoa (Bông sen vàng)
Pa-Dhi	(3-6): Cam Lồ dược (Thuốc cam Lồ)
Tsa-Ah	(4-1): Cát tường bạch tán (Dù trắng rất đẹp)
Tsa-Ra	(4-2): Đại hỏa diêm binh (Binh lửa qui mô)
Tsa-Pa	(4-3): Không hư tâm trí (Tâm trí hư không)
Tsa-Tsa	(4-4): Thăng dương thanh vọng (Âm thanh vang lên)
Tsa-Na:	(4-5): Tụ hội quần ma (Ma quỷ hội họp)
Tsa-Dhi	(4-6): Như ý bảo thọ (Cây quý như ý)
Na-Ah	(5-1): Kim sơn (Núi vàng)
Na-Ra	(5-2): Thiên ma (Ma trời)
Na-Pa	(5-3): Bảo bình (Bình quý)
Na-Tsa	(5-4): Sa khuru (Đụn cát)
Na-Na	(5-5): Kim ốc (Nhà vàng)
Na-Dhi	(5-6): Bảo tàng (Kho báu)
Dhi-Ah	(6-1): Diêu cát tường (Tên ngài Văn Thù)

Dhi-Ra	(6-2): Như ý kết (Kết tụ những điều như ý)
Dhi-Pa	(6-3): Mẫu kim ngư (Cá vàng mẹ)
Dhi-Tsa	(6-4): Bạch pháp loa (Vỏ ốc pháp màu trắng)
Dhi-Na	(6-5): Kim luân bảo (Bánh xe vàng)
Dhi-Dhi	(6-6): Thắng lợi tràng (Cờ thắng lợi)

B. Lời Giải 36 Quẻ

Đánh lễ thập phương Chư Phật, Chư Bồ Tát,
Đánh lễ Cam Lộ Đại Hải, Mật Thừa Pháp,
Đánh lễ Hộ Trì Mật Pháp chư Thánh Chúng,
Đánh lễ Đại Trí Diệu Cát Tường Nhục Đồng.

1. Quẻ 1: Ah-Ah (1-1)

Biểu tượng: Vô vân tình không (Trời quang mây tạnh)

Tình không vô vân nhi trình diện,
Lai vấn quái giả tu tĩnh thính.
Tình không thanh tịnh, vô ô nhiễm,
Nhữ tâm thanh tịnh ưng như thị.

Tạm dịch:

Bầu trời trong xanh không gợn tí mây
Nhưng có hiện ra, người đến xin quẻ hãy tĩnh tâm lắng nghe
Bầu trời trong vắt không ô nhiễm,
Tâm (của bạn) cũng nên giống như vậy.

Tín Hiệu: Tam bội hư không chi thanh
(Âm thanh của hư không tăng gấp ba lần)

Âm thanh truyền đi trong hư không, tuy nhỏ nhưng truyền đi lại lớn. Người đến xin quẻ, trong vấn đề xử sự nên giữ bình tĩnh, nếu chỉ hơi hoảng hốt (một tí xú) thì việc nhỏ sẽ trở thành việc lớn, khó xử lý. Nếu loại trừ được tâm suy hơn tính thiệt mà xử sự công bình, ắt là gặt hái được kết quả tốt, tuy họa mà thành phúc.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia trạch: (Nhà cửa, đất đai). Cả nhà đều bình yên, của cải và sanh mạng đều vô hại. Xin được quẻ này chỉ chủ về gia đình vui vẻ, chứ không chủ tăng thêm người.

2. Tài phú: Tiền bạc, của cải ổn định, phát triển như thường lệ, chỉ một điều là nhìn về phía trước không được lạc quan lắm. Nếu cầu được lợi to, chắc chắn sẽ thất bại, không nên kinh danh kiêu đầu cơ, nếu được vậy thì tất cả mọi việc sẽ tự nhiên tốt đẹp. Nếu gặp có sự cạnh tranh, nên

giữ tâm bình thường mà xử sự. Vì vậy mà lời giải này để kiểm thảo lại sự nghiệp cũ, bất lợi nhất là sự đầu cơ.

3. Mưu vọng: (Sự mong muốn). Phàm cứ tự nhiên mà xử sự, theo lẽ phải mà làm, chắc chắn là không gặp trở ngại, sẽ đạt được mục đích. Lời đoán này tốt nhất đối với sự tiêu tai giải nạn, vì đây là biểu tượng của bi cực thái lai (cực rồi lại sướng). Vì thế mà tất cả mọi điều xấu đã hỏi đều thay đổi. Nếu trong lòng còn mưu tính việc đầu cơ, chắc rằng biểu tượng của quẻ không tốt như bầu trời quang đăng thành linh có mây che, đó là chướng ngại dồn dập đến.

4. Nhân Sự: Trước mắt sự quan hệ nhân sự rất tốt, cũng dễ dàng thay đổi mau chóng, vì vậy phải biết nắm thời cơ mà xử sự. Chuẩn bị để gìn giữ cho “Hoa được tươi” phải tụng “Bát Nhã Tâm kinh” để cầu đạo sự cải tiến về nhân sự mà không có hại cho mình. Kinh này nói về trí tuệ Bát Nhã tức Tánh Không, làm cho con người nên biết dụng tâm bình thường (sẵn có) mà xử sự. Trí tuệ Tự Tánh đó có khả năng thay đổi mọi tình huống đối đãi; nó không nịnh bợ, không sợ sệt cho nên người biết dụng nó chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

5. Cừu Oán: Nên dùng tâm bình thường mà xử sự đối đãi với người, chắc là không có thù oán, thị phi cũng đều dứt, có sự kiện tụng cũng nên hòa giải.

6. Người đi xa: Người khách bình an, trên đường đi vui vẻ. Người đi xa sẽ đi đến nơi đúng hẹn, tin tức sẽ đến đúng kỳ.

7. Tật Bệnh: Người bị bệnh sẽ hồi phục. Chú ý đến phương pháp trị liệu, không nên giải phẫu lớn (đại phẫu)

8. Ma Sùng: Không có ma, không có sùng, không có quỷ, cũng không có Thần theo quấy phá. Phong thủy thì theo thiên nhiên đã sắp đặt, thường mở cửa để cho ánh nắng mặt trời chiếu vào nhà buổi sáng rất tốt. Không nên bày biện quá nhiều thứ trong nhà.

9. Mất đồ: Đồ vật bị mất ở một nơi không xa lắm, có thể tìm lại được. Nếu không biết được chỗ đang để đồ bị mất thì không cách gì tìm lại được.

10. Nhờ cậy:(xin giúp đỡ) Có nhờ giúp đỡ, người ta cũng đồng ý, nhưng cũng mất thời gian khá lâu, chớ người ta không giúp liền được. Nếu người ta không đồng ý giúp đỡ thì thôi, để ngày khác đến xin giúp đỡ lại.

11. Hôn Nhân: Người chưa lập gia đình, duyên đến tự nhiên thành vợ chồng. Người đã có gia đình rồi, thì không còn cách nào để thay lòng đổi dạ nữa. Nếu như người phối ngẫu của mình ngoại tình, cứ theo lẽ bình thường mà giải quyết, hoặc xử sự một cách tự nhiên, kết cuộc sẽ tốt.

12. Linh tinh: (Những chuyện khác) Trời quang mây tạnh là đại biểu cho Tánh Không, tức mọi pháp đều không có bản chất thật. Tất cả mọi sự, mọi việc trên đời đều do nhân duyên hội hợp. Hiểu được lý này thì thành, bại, thanh, suy, được, mất cũng chẳng nên bận tâm thương tiếc. Lòng tham cầu nay không còn, tâm xảo quyệt cũng chẳng có, nên cứ tự nhiên như thế mà xử sự với người, chắc chắn sẽ chuyển họa thành phúc, duy trì được sự an lạc. Muốn cầu lợi thì phải làm tiêu tan việc hung xấu. Nếu cứ tích cực tìm cầu thì cơ hội thành và bại mỗi thứ một nửa.

Hành giả Mật Tông phải niệm nhiều “Bách Tự Minh” hướng về ngài Kim Cang Tát Đỏa mà cầu nguyện. Phật giáo đồ phải niệm nhiều “Bát Nhã Tâm Kinh” hoặc “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh”.

Như ý nghĩa lời giải đoán trong quẻ này là “Được Đại Vô Úy” (Tâm không sợ sệt). Vì thế người xin quẻ cứ yên tâm mà làm việc không cần suy tính được, thua.

2. Quẻ 2: Ah-Ra (1-2)

Biểu tượng: Đại nhật quang huy (Mặt trời chói lọi)

Đại Nhật Như Lai quang huy hiệu,
Nhứt thiết ám khí tận quang minh.
Vấn giả ưu sầu đồ tán tận,
Tồn tâm quang minh tức mãn nguyện.

Tạm dịch:

Đức Đại Nhật Như Lai đến trong hào quang rực rỡ,
Đã đẩy lùi tất cả sự tối tăm mịt mù.
Những lo âu, buồn bã của người đến xin quẻ đều tan biến,
Những điều bận tâm sẽ được sáng tỏ và mãn nguyện.

Tín Hiệu: Thanh tịnh vô nhiễm chi cảnh
(Một nơi sạch sẽ không dính bụi trần)

Ngài Đại Nhật Như Lai là báo thân Phật, được tôn xưng là Đại Nhật biểu thị Phật pháp như ánh sáng mặt trời chiếu khắp mọi nơi phá tan hết tất cả bóng tối, có khả năng tiêu trừ vô minh của chúng sanh trong lục đạo. Vì vậy mà người đến xin quẻ phải giữ tâm thanh tịnh, trong sáng ngay thẳng, ắt được tốt đẹp. Tất cả những điều hung dữ đều tan biến, tất cả những điều tốt lành sẽ thành tựu. Nhưng nếu có ý tưởng mờ ám hoặc có hành vi không đứng đắn, chắc chắn là tự mình chuốc lấy tai họa. Vì ánh sáng rực rỡ của mặt trời phá tan bóng tối không kể mình hay người. Vậy nếu mình mờ ám thì ánh sáng mặt trời cũng phá luôn.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia Trạch: Mọi việc không tốt đều tan biến, mọi người đều bình an. Nếu có người đàn bà lớn tuổi nhưng chưa có con, sẽ có tin vui là sẽ được sanh con trai.

2. Tài Phú: Nên làm nhiều việc thiện, tài sản sẽ tăng thêm. Trước đây vì gặp nhiều trở lực nên sự giàu có không đạt được như ý, còn nay thì trở ngại đã giảm dần, nên bỏ củ theo mới để có thể khai triển kế hoạch mới.

3. Mưu Vọng: Dường như có một mạng lưới phiền não vây quanh mình, vì trước đây mọi sự việc đều không thuận lợi. Nếu bạn cắt được mạng lưới này, mọi việc sẽ chuyển xấu thành tốt. Lưới phiền não này bao gồm cả tâm lý và hiện thực, bạn có khả năng cắt đứt cả hai loại này. Trong khi quan hệ với người không tốt, bạn có khả năng chuyển họ thành người tốt.

4. Nhân Sự: Cách thích hợp nhất để biến thù thành bạn là anh nên thành thật. Đối phương nhất định sẽ hài lòng và anh sẽ có thêm người giúp đỡ. Có một vật giống như thủy tinh hay loại đá quý hoặc có màu đỏ mà ánh sáng của nó lấp lánh có thể giúp cải thiện được sự quan hệ với người khác. Bạn có thể mang hay đeo vật này theo mình hoặc dùng để làm quà tặng.

5. Cừu Oán: Không có cừu oán quấy nhiễu. Không có chuyện thị phi hay kiện tụng.

6. Người đi xa: Khách của bạn bình an. Tin tức sẽ đến. Không lâu nữa bạn sẽ có được tin tức chính xác, và tốt từ khách.

7. Tật Bệnh: Tật bệnh sẽ thuyên giảm nếu có, nhất là bệnh truyền nhiễm. Nếu cần nên giải phẫu. Bệnh mãn tính cũng dễ trở lại.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy nhiễu. Phong thủy được cải thiện một cách tự nhiên. Nên chặt hết những cây cối và thu dọn những đồ vật nào che khuất ánh sáng mặt trời.

9. Mất đồ: Vật bị mất ở hướng tây nam đến mà tìm. Sẽ có người cho bạn biết tin tức về đồ vật bị mất.

10. Nhờ cậy: Nếu có nhờ cậy người giúp đỡ sẽ được như ý. Trước đây người mà bạn nhờ không đồng ý giúp bạn, nay thì họ sẽ đồng ý.

11. Hôn Nhân: Người chưa lập gia đình sẽ gặp được ý trung nhân. Tốt nhất nên giải quyết hết những khó khăn, trở ngại trên con đường tình yêu đến hôn nhân. Người đã có gia đình rồi thì vui hưởng hạnh phúc vợ chồng,

12. Linh tinh: Quẻ này lợi cho tất cả những điều muốn hỏi, đặc biệt tốt cho việc giải quyết mọi khó khăn, phá trừ mọi trở ngại. Duy có các câu hỏi về đất đai, nhà cửa cùng với các vật khác như các loại bàn ghế... là hơi xấu. Cho nên nếu người xin quẻ là hành giả Mật Tông phải tụng nhiều chú Văn Thủ và cúng dường loại đèn dầu chất béo và cờ cầu đảo. Người theo đạo Phật nói chung nên tụng Bát Nhã Tâm Kinh để cầu xin. Làm được vậy thì lợi cho việc tiêu tai giải nạn.

3. Quẻ 3: Ah- Pa (1-3)

Biểu Tượng: Nguyệt Cam Lô Quang (Ánh sáng trắng ngọt ngào, êm dịu)

Nguyệt sắc thâm lương như cam lộ,
Tây dịch trần tâm quy bình tĩnh.
Lai chiêm văn giả tác thiện hành,
Tức năng an hưởng chư phước báo.

Tạm dịch:

Màu trắng tươi mát như nước cam Lộ,
Tẩy sạch hết bụi dơ trong lòng để quay về sự bình lặng, trong trắng.
Người đến xin quẻ phải làm việc thiện,
Tức có thể an hưởng tất cả phước báo.

Tín Hiệu: Vô chương ngại chi nguyện lực
(Nguyện lực không trở ngại)

Gia trì lực của chư Phật và Bồ Tát thực ra là nguyện lực của chúng sanh. Có nguyện lực trong sáng và có tín tâm thì có được lực gia trì. Khi chúng sanh phát nguyện tuy thanh tịnh, trong sáng nhưng gặp một chướng ngại gì đó thì rất dễ dàng trở thành bất tịnh. Tham, sân, và si là ba thứ độc chướng ngại một khi chúng sanh khởi.

Ánh sáng trắng trong mát, ngọt ngào có khả năng diệt trừ được ba độc gây khổ đau này, khiến cho nguyện lực chuyển thành thanh tịnh, do đó mà không có chướng ngại. Vì vậy mà người đã có phát nguyện bất tịnh nên tỉnh ngộ tìm hiểu ý nghĩa của Tánh Không, lý Duyên Khởi... nhờ đó mà có thể nhận được gia trì lực của chư Phật và Bồ Tát. Như thế thì nguyện lực sẽ được viên mãn và hưởng được mọi phúc báo.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia Trạch: Nếu tu được pháp Mộc Dục (tắm rửa), pháp Trừ Chướng Ngại, ở trong nhà tăng thêm người. Người tu phép Mộc Dục, trong lúc tắm gội hãy quán tưởng công dụng của nước để tắm rửa này sẽ được chư Phật, Bồ Tát phóng hào quang thanh tịnh đến. Người chưa tu Mật Pháp, trong khi quán tưởng phải tụng “Chú Văn Thù Bồ Tát” tức “Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi” 21 biến.

Người tu phép Trừ Chướng Ngại nên lấy Kim Cang Tát Đỏa làm Bản Tôn là tốt nhất, tuy nhiên tu các bản tôn khác cũng được. Nếu người chưa tu Mật Pháp, chỉ cần chấp hai tay hướng về chư Phật và Bồ Tát mà cầu nguyện, sám hối tất cả những ác nghiệp đã tạo từ nhiều kiếp trước đến nay, rồi quán tưởng được sức gia trì của chư Phật và Bồ Tát từ ánh sáng cam Lồ đang phóng ra.

Nhà cửa, người trong gia đình đều được bình an. Các chướng ngại và các loại khẩu thiệt đều được tiêu trừ. Nếu có người đang có thai sẽ sanh con gái.

2. Tài Phú: Tiêu trừ được chướng ngại, của cải, tài sản sẽ tăng. Việc này nên làm từ từ, không nên hành động gấp. Nếu có sự cạnh tranh thì sức cạnh tranh của đối phương sẽ tự nhiên biến mất.

3. Mưu Vọng: Đạt được mục đích, không gặp một trở ngại nào. Chướng ngại đã có thì tự nhiên bị tiêu trừ. Nếu có ý đồ dùng bạo lực để can thiệp hoặc hành động quá khích, ắt là bất lợi rõ ràng là tự tìm lấy rắc rối.

4. Nhân Sự: Cứ quan hệ với người thuận theo tự nhiên thì mọi sự tốt đẹp. Nếu như sự quan hệ trở nên xấu đi, dùng hoa màu trắng, nước sạch, thực phẩm màu trắng dâng cúng lên chư Phật và Bồ Tát. Không nên dùng quyền lực và tài lực mà gây ảnh hưởng người khác, hoặc có ý đồ buộc người khác phải giúp đỡ mình.

5. Cừu Oán: Chẳng có cừu oán. Kiện tụng đều được giải.

6. Người đi xa: Khách và tin khách sẽ đến ngay.

7. Tật Bệnh: Các bệnh cảm mạo và bệnh tiêu hóa sẽ thuyên giảm ngay. Không nên giải phẫu. Sẽ gặp được thầy thuốc giỏi.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng hay quỷ thần quấy nhiễu.

9. Mất đồ: Nếu nhờ một người đàn bà đi về hướng Nam hoặc hướng Bắc để tìm vật bị mất thì có thể tìm lại được. Người đàn bà sẽ mang đến tin vui.

10. Nhờ cậy: Đi nhờ cậy giúp đỡ đều được như ý, nhất là nhờ phụ nữ. Khi đi nhờ vả nên có thái độ ôn hòa, không nên gây áp lực với họ.

11. Hôn Nhân: Người chưa lập gia đình sẽ gặp người tâm đầu, ý hợp. Người đã có gia đình rồi, hạnh phúc vợ chồng rất tốt. Nếu như người xin quẻ gặp sự khó khăn của một người thứ ba, thì nên thẳng thắn mà giải quyết với họ.

12. Linh tinh : Nói chung, quẻ này khuyên ta không nên dùng bạo lực hoặc thủ đoạn để giải quyết vấn đề. Nếu có phụ nữ dính líu vào, hay có trung gian giới thiệu sự việc thì có thể thành công, kết quả như ý. Nếu có điều kiện bất lợi, nên tìm một vị Lạt-Ma để xin phép Gia Trì Cam Lồ, có thể giảm thiểu sự mất mát hoặc giảm nhẹ hình phạt.

Nếu là tín đồ Mật Tông nên hành trì Bạch Độ Mẫu mà cầu nguyện, cũng có thể cúng bái Long Thần, hành nghi Mộc Dục (tắm rửa), tu pháp Trừ Chướng, hoặc tu pháp Thượng Sư.

Phật giáo đồ chỉ cần đánh lễ đức Phật Bảo Sanh. Ý nghĩa chung của quẻ là “Mây Lành Kết Tụ”.

4. Quẻ 4: Ah Tsa (1-4)

Biểu Tượng: Minh tinh thiểm diệu (Sao sáng lấp lánh)

Không tể minh quang cực minh lượng,
Lai chiêm vấn giả hoạch cát tường.
Duy tu hằng tâm dữ nại tâm,
Sở cầu thương tốt nan thành biện.

Tạm dịch:

Trên trời ánh sao vằng vặc,
Người xin quẻ được cát tường.
Chỉ nên giữ Tâm bình thường, nhẫn nại,
Những điều cầu mà vội vàng thì khó thành tựu.

Tín hiệu: Viên mãn tụ hội, vô hữu tán ly
(tập trung đầy đủ không phân tán)

Tín hiệu này cho thấy mọi sự đều viên mãn, những điều chưa đạt được sẽ được, những điều đã đạt được thì không bị mất. Đây là một quẻ tốt.

Tuy nhiên sự hợp tan của sự vật đều do sự quyết định của nguyên lý Nhân-Duyên. Cho nên người xin quẻ không nên lo lắng, sốt ruột. Nếu cẩn thận và chú ý hơn thì thiện nhân sẽ đưa đến thiện quả. Vì quẻ này cho biết dựa vào tha lực và những điều kiện khách quan, nhưng đa phần thì dựa vào tự lực và những nỗ lực chủ quan. Vì vậy nên bình tĩnh chờ đợi thời cơ chín muồi.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia trạch: Nếu thắp hương và treo cờ cầu đảo để cầu nguyện thì tình hình gia trạch sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Có thể tránh được những sự cãi cọ, khẩu thiệt; đồng thời bệnh tật cũng được tiêu trừ. Nếu trong gia đình có người mang thai sẽ sanh con gái.

Ghi chú: Cờ cầu đảo là một lá cờ nhỏ năm (5) màu gồm các màu: hồng, lam, lục, trắng, và vàng. Trên lá cờ có ghi bài văn cầu đảo, kết thành râu treo trước nhà.

2. Tài phú: Tài sản tăng thêm. Sẽ nhận được tặng vật như đồ gỗ, gia súc, vải, tơ màu lục. Thời cơ đã đến

3. Mưu vọng: Đối với việc đi xa như buôn bán, du lịch rất tốt và vui vẻ. Nếu tính toán làm ăn những việc có tính cách tĩnh ắt bị trở ngại vì quẻ này chủ về động, do đó mà không nên tĩnh (thụ động hay chờ người làm dùm cho mình.)

4. Nhân sự: Có tin tức tốt đến. Có thêm thư từ và giấy tờ báo tin lành đến, nhờ vào những văn kiện và thư tín này mà có được sự giúp đỡ lớn lao. Chung chung mà nói thì quan hệ việc đời tốt, nhưng nên ở thế chủ động, không nên nhờ cậy người khác.

5. Cừ oán: Không có cừ oán, kiện tụng, hay thị phi.

6. Người đi xa: Khách và tin tức sẽ đến, khách phương xa trên đường đi rất vui vẻ.

7. Tật bệnh: Có bệnh về khí, tinh thần rối loạn bất an. Tuy nhiên không phải là bệnh nặng, nghỉ ngơi sẽ khỏe mạnh trở lại. Nên cúng Tổ Tiên. Có thể giải phẫu. Quẻ định là bình an. Bệnh mạn tính nên đề phòng bệnh gan.

8. Ma sùng : Không có loại ma hay thần nào quấy nhiễu mà chỉ do chính bản thân mình có tâm tình bất an. Do lòng nghi ngờ sinh ra quỷ ám tự thân. Vì thế cần thiết phải ổn định lại tinh thần mình.

Về phong thủy, ở hướng Đông bị khuyết điểm, hoặc có cây chắn, cột cờ, hay trụ đèn ... không thích nghi với phương hướng. Có thể treo cờ cầu đảo màu hồng hoặc hóa giải bằng chú “Luân Vương”.

Ghi chú: Mật Tông có đủ các loại Chú Luân. In các loại chú của Bốn Tôn lên vải làm cờ kỳ đảo hoặc nhưong giải.

9. Mất đồ: Đồ vật bị mất, tuy bị người mang đi, nếu mau chóng đi tìm lại thì vật sẽ trở về nguyên chủ. Hãy tìm vật bị mất ở hướng Bắc hay hướng Đông.

10. Nhờ cậy: Có chuyện cần phải nhờ người giúp đỡ đều được thỏa mãn. Người có tánh hách dịch thì nên bỏ đi, nếu không sẽ bị thất bại.

11. Hôn nhân: Đối với người chưa lập gia đình, nếu nắm chủ động thì được mãn nguyện. Còn đối với người đã có gia đình thì tình vợ chồng rất tốt đẹp. Nếu có người thứ ba xen vào, chỉ một thời gian ngắn cũng xa nhau.

12. Linh tinh: Những thứ đã hỏi đều được thành công, duy có một điều là người hỏi có liên quan đến việc dưới nước, nên có một ít trở ngại như không nên đi xa bằng thuyền, tàu thủy...

Tín đồ Mật Tông nên tu Lục Độ Mẫu Pháp (Green Tara) treo nhiều cờ cầu đảo Hộ Pháp. Tín đồ Phật Giáo chỉ cần tụng kinh Phật Bản Sanh đồng thời hướng về đức Bản Sư Thích Ca mà cầu nguyện.

Ý nghĩa chung là: Sức gió mạnh thêm, cho nên người xin quẻ nên động không nên tĩnh.

5. Quẻ 5: Ah-Na (1-5)

Biểu Tượng: Hoàng Kim Đại Địa (Đất Vàng)

Mãn địa hoàng kim,
Quái tượng khả hỷ.
Lai chiếm thử quái,
Duy bất nghi động.

Tạm dịch:

Vàng khắp cả mọi nơi,
Biểu tượng quẻ này là tốt, vui.
Đến xin được quẻ này,
Thì không nên động.

Tín Hiệu: Quái ý nan sai, đáp án vị định
(Ý của quẻ khó đoán, lời giải chưa chắc chắn)

Quẻ này chỉ lợi cho người xin có tính cách lâu dài, sự việc có tính cách cố định, không nên xem những việc có tính cách tạm thời, ngắn hạn, và có tính lưu động. Vì đất là vàng, chỉ có lợi cho đất, nên làm việc tĩnh hơn là làm việc động. Người xin quẻ phải nên nắm được ý này tức là đã nắm được yếu chỉ thành công vậy.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Nhân khẩu ổn định, nhà cửa đẹp đẽ, vui hòa. Không có tăng thêm người, di chuyển đi nơi khác không lợi.
 - 2. Tài Phú:** Tài sản, tiền bạc được ổn định. Giữ ngành nghề cũ là tốt. Sáng tạo cái mới, biến cải, hay khếch trương thì bất lợi. Bất lợi nhất là mở cái gì mới để làm ăn chung với người khác. Không nên đầu cơ. Nên giữ nguyên chỗ những tài sản đã có.
 - 3. Muru Vọng:** Đã có mục đích cố định rồi, nên lập kế hoạch dài hạn là tốt. Nếu nắm giữ không chắc chắn, ắt kế hoạch sẽ dễ dàng thất bại. Nếu gặp khó khăn, phải mất thời gian để giải quyết.
 - 4. Nhân Sự:** Lâu dài mà nói, quan hệ nhân sự tốt nhưng phải mất thời gian để tạo dựng. Nếu thời gian quá ngắn thì thiếu mất sự giúp đỡ. Nên tu pháp Kính Ái có thể cải thiện. Không nên lạm dụng tiền bạc, vật chất mà giao tế.
 - 5. Cừu Oán:** Không có cừu oán gây rối, nhưng rất dễ sinh ra hiểu lầm, thị phi, kiện tụng liên miên. Tạm thời khó mà giải quyết được, nên tu Pháp Hàng Phục, Tiêu Trừ hiểu lầm, hoặc dùng nước Cam Lộ mà tắm.
 - 6. Người đi xa:** Khách bình an nhưng có trở ngại. Tin tức sẽ đến sau.
 - 7. Tật Bệnh:** Chủ về bệnh viêm, bi đau khí quản. Bệnh tuy không nặng nhưng cứ kéo dài khó thuyên giảm. Nên treo cờ cầu đảo nhiều mặt (đa diện) hay Ma Ni Chuyển, nhờ gió thổi mà cờ chuyển động tung bay.
- Ghi chú:** Ma Ni Chuyển là một loại pháp khí của Mật Tông, hình ống tròn, bên trong có để bài chú như Lục Tự Đại Minh của ngài Quan Thế Âm. Tín đồ vừa tụng chú này vừa chuyển động Ma Ni Chuyển, nên tăng gia sức trì chú, cũng có thể treo trước nhà như cái phong linh.
- 8. Ma Sùng:** Không có ma sùng cũng như không có quỷ thần trấn yểm, nhưng phong thủy không được tốt. Vị trí nhà, đất, nước nơi chỗ hiện đang ở không thích thích hợp, nên cho điều chỉnh lại như là đổi phương hướng của cửa lớn, vị trí đặt giường nằm cũng có thể treo Chú Luân mà nhượng giải (xua đuổi)
 - 9. Mất đồ:** Do người ở trong nhà tìm lại được, hoặc tìm vật mất ở hướng Đông. Nên tìm ngay vật bị mất, nếu chậm trễ khó có thể tìm được.
 - 10. Nhờ cậy:** Nhờ cậy là phí thời gian, nhưng cuối cùng sẽ có được sự giúp đỡ. Đối với việc nhờ vả không nên quá hy vọng.
 - 11. Hôn Nhân:** Người chưa lập gia đình phải mất thời gian để tìm kiếm người vừa ý. Người đã có gia đình, sự quan hệ vợ chồng ổn định, nhưng người phối ngẫu lại thiếu đời sống vợ chồng.
 - 12. Linh tính:** Hãy hành động cấp tốc thì có thể dễ dàng giải quyết. Nếu bỏ phí thời gian làm chậm trễ ắt dễ mất cơ hội. Đối với loại tin tức thì chủ về chậm trễ. Du lịch có sự buồn bực. Có thể đến trước tượng những Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật Bảo Sanh mà cầu xin. Nói chung ý

nghĩa của quẻ là bám trụ chắc chắn, cơ sở sẽ được ổn định. Cho nên phải tĩnh chờ không được động.

6. Quẻ 6: Ah-Dhi (1-6)

Biểu Tượng: Kim Cang Thanh Âm (Âm thanh kim cang)

Đắc văn Kim Cang thanh âm,
Chiêm giả sanh đại hỷ duyệt.
Nhứt thiết tiêu tức cát tường,
Văn giả tâm hoa nộ phóng.

Tạm dịch:

Nghe được âm thanh Kim Cang,
Người xin quẻ sanh lòng vui vẻ.
Tất cả tin tức đều tốt,
Người nghe vui mừng hơn hở.

Tín hiệu: Tự Bồn Tôn tâm, tăng ích lợi cho trí tuệ.
(Tự tâm của Bồn Tôn là tăng ích lợi cho trí tuệ)

Bồn Tôn là Tâm Bồ Đề có cả hai Đại Bi và Đại Trí. Vì lòng Đại Bi mà phát nguyện độ chúng sanh; vì Đại trí mà biết được tất cả các Pháp đều là Không. Do Tâm Bồ Đề của Bồn Tôn đã khai phá được trí huệ của riêng mình, thật là một quẻ tốt. Người xin được quẻ này nên học Kinh, Luận Phật Giáo và khoa học hay nghệ thuật thì đều thành đạt. Tốt nhất là theo ngành kiến trúc.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia Trạch: Nhân khẩu bình an, không có tai nạn, vui vẻ hoàn toàn. Có thể tăng thêm người, nếu có thai sẽ sinh con trai. Chẳng hạn như tu theo Nghi quỹ Trường Thọ Phật Mẫu, hay treo chú Quán Âm Thập Nhứt Diện.

2. Tài Phú: Tài sản tăng dần rất thuận lợi. Không nên đầu cơ tích trữ. Có cơ hội để mở thêm dịch vụ mới, nên hợp tác với người khác. Trong lúc làm ăn phát đạt, phải lưu ý bảo vệ, duy trì tình trạng phát triển. Quẻ này ứng cho người phái nữ thì rất tốt, nếu phái nam xin được quẻ này tốt hơn hết là nên hợp tác với phái nữ.

3. Muru Vọng: Tất cả mọi sự tính toán, ước mơ đều được mãn nguyện.

4. Nhân Sự: Mọi sự quan hệ đều được như ý và vui vẻ. Nên dựa vào lực lượng phụ nữ.

5. Oán Thù: Nhờ có các ngài Hộ Pháp bảo vệ nên thù oán không nổi lên được. Nên tụng chú Đại Bi.

6. Người đi xa: Tin tức của khách sẽ đến ngay, trên đường đi thuận lợi và vui vẻ.

7. Bệnh: Bệnh tình thuyên giảm khá tốt. Nên tụng chú Đại Bi. Có thể giải phẫu. Nên uống thuốc thang tốt hơn thuốc hoàn (thuốc viên).

8. Ma Sùng: Không có ma sùng hay quỷ thần quấy phá. Phong thủy đều tốt nhưng trong người cảm thấy không thỏa mãn, đều là vì ảnh hưởng tâm lý. Nên tu pháp Thanh Tịnh Tự Tâm của Bồ Tôn.

9. Mất đồ: Nên treo vòng hoa màu đỏ, hoặc phủ một tấm vải điều (trọng trưng cho điềm vui) để tìm kiếm, hoặc đến nơi chỗ gần nước mà tìm. Cũng có thể thuê người tìm, nhưng người ấy phải thuộc ngành chuyên môn như thám tử tư chẳng hạn. Những đồ phụ tùng còn để nguyên ở chỗ gần đó, hãy để ý mà tìm kiếm.

10. Nhờ cậy: Nếu có nhờ cậy ai cũng đều được toại nguyện. Có trở ngại thì phải hành pháp Trừ Chướng. Tốt nhất là nhờ phái nữ.

11. Hôn Nhân: Chắc chắn hôn nhân sẽ được mỹ mãn. Phu thê hòa thuận, nhất là sự hợp tác của vợ con cùng chồng để lo sự nghiệp.

12. Linh tinh: Mọi sự đều được như ý, nếu có phụ nữ tham dự thì sẽ thấy thuận lợi cát tường.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Quán Âm, hoặc Văn Thù Sư Lợi, Kim Cang Thủ, đồng thời tu Không Hành Mẫu Pháp.

Tín đồ Phật giáo nên thờ cúng Quan Âm và treo chú Quan Âm (Om Ma Ni Phát Mê Hồng = Ân Ma Ni Bát Di Hồng)

Ý Chung: Thuận ý và gia tăng trí huệ.

Quẻ này động tĩnh đều được. Nhất là nên làm ăn ở gần nước vì có quan hệ đến nước.

7. Quẻ 7: Ra- Ah (2-1)

Biểu Tượng: Minh Đăng (Đèn sáng)

Nhược minh đăng chi phá hắc ám,
Nhữ tâm phá ám ứng như thị.
Túng hữu sầu muộn chư khổ não,
Phật pháp như đăng vi chiếu lộ.

Tạm dịch:

Nếu ánh sáng đèn phá tan được bóng tối,
Tâm bạn cũng nên như vậy để phá những u ám.
Đừng có buồn rầu khổ não,

Phật pháp như ngọn đèn soi đường.

Tín Hiệu: Minh đăng chiếu lộ, vô hữu phong xuy.
(Đèn sáng soi đường, không có gió thổi)

Con người đã sinh ra trong cõi Ta-Bà thế giới này được gọi là ngũ trược ác thế. Cái ác này đã làm cho gió nghiệp thổi lên, gây nên biết bao nhiêu khổ não rối loạn. Người mê muội đang trong khổ não nếu không hiểu được lý Không Tánh hay Duyên Khởi thì sẽ sanh tâm tranh giành mà tạo nên vô số ác nghiệp, như vậy kết quả khổ não lại tăng thêm.

Phật pháp như ngọn đèn sáng không làm cho gió nghiệp thổi lên mà còn chuyển biến được nghiệp lực, khiến cho chúng sanh lìa khổ được vui. Người xin được quẻ này chắc chắn sẽ hết ưu sầu. Nếu vì Phật pháp mà làm nhiều việc lợi ích cho chúng sanh hữu tình ắt được kiết tường.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Năm nay vận khí hanh thông, người trong gia đình bình yên. Trong nhà lại có thêm người, mua được nhà mới. Nếu trong nhà có người có thai sẽ sanh con trai.

2. Tài Phú: Tài sản tăng lên. Hãy bỏ hết sâu muộn. Về sự nghiệp, nên sửa đổi lại phương kế để được tăng trưởng lợi ích. Vì thế mà nên canh tân không nên thủ cựu (nên bỏ củ chọn mới).

3. Muru Vọng: Hãy mạnh dạn tiến hành công việc tự nhiên sẽ như ý. Người trong cảnh nguy khốn có cơ duyên được sự giúp đỡ thì theo đây mà thay đổi tình trạng hiện tại trước mắt. Cơ duyên chỉ đến một lần đừng bỏ mất cơ hội. Vì thế mà người xin được quẻ này phải nắm chắc thời cơ, nên tu hành phép Trừ Chướng. Quẻ này chủ về tự mình đổi mới, kẻ khác chỉ giúp cho cơ hội, còn mình phải cố gắng, nỗ lực mới có thể thành công.

4. Nhân Sự: Trước mắt mọi quan hệ nhân sự đều tốt. Quẻ này tốt cho người phái nam hỏi việc. Tuy nhiên cả hai phái đều có thể có sự giúp đỡ, nhưng nếu phái nữ xin được quẻ này thì sự giúp đỡ sẽ bị yếu hơn.

5. Cừu Oán: Dù rằng có nghe được những tin tức không có lợi, nhưng trên thực tế thù oán sẽ không làm hại được bạn. Những việc bị kiện tụng sẽ không thành và sự thị phi sẽ dễ dàng chấm dứt. Nên hành trì pháp Trừ Chướng.

6. Người đi xa: Sẽ biết được tin của khách, người ấy bình an, tin tức sẽ đến sau.

7. Tật Bệnh: Nên đề phòng tật bệnh vì bệnh tình sẽ trở nên trầm trọng, nhất là bệnh tim và các loại bệnh về hệ thống tuần hoàn. Bệnh sẽ kéo dài khó thuyên giảm. Không nên làm đại giải phẫu e có chuyện xảy ra bất ngờ ngoài ý muốn. Nên tụng chú Đại Bi. Còn những bệnh khác như thuộc về ruột già và ruột non dễ dàng được hồi phục.

8. Ma Sùng: Không có quỷ thần hay ma sùng quấy rối. Những rắc rối trước mắt không do quỷ thần hoặc ma sùng gây nên, mà chỉ do những hành vi nghiệp lực trong quá khứ, cho nên cũng không có hại. Người xin quẻ này phải nên thành tâm sám hối rồi dùng nước Cam Lộ mà tắm.

Phong thủy tốt, nên chú ý sự chiếu sáng của mặt trời. Có một cái hèm kệ tối tăm, nên sửa sang lại để có được ánh sáng chiếu vào, và nên treo những bài chú lên.

9. Mất đồ: Đồ vật mất ở hướng Tây Nam. Theo phương ấy mà đi tìm. Sẽ có người đến báo cho biết về tin tức của vật bị mất.

10. Nhờ cậy: Nếu có thể cứ thẳng thắn, thành thật nói lên mục đích của mình, tự nhiên người ta sẽ thông cảm và giúp đỡ cho. Đừng hy vọng rằng người ta sẽ giúp cho kế hoạch rõ ràng và đầy đủ, ngược lại người ta chỉ đứng bên cạnh nói giúp mà thôi, nhưng sự giúp đỡ đó sẽ dẫn đến thành công.

11. Hôn Nhân: Chủ động trong việc đi tìm người yêu. Người đã lập gia đình rồi nên nhường bộ người phối ngẫu. Trong lúc có đệ tam nhân (người thứ ba) nên chủ động hẹn người ấy để giải quyết,

12. Linh tinh: Các việc làm không bị chướng ngại và oan trái. Nên nắm phần chủ động. Nếu ở thế bị động sẽ không tốt.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Cu Lô Cu Li (Kurukulli) hoặc dùng pháp màu hồng của Bồn Tôn mà cầu đảo. Tín đồ Phật giáo nên hướng về Phật A Di Đà mà cầu nguyện. Cũng có thể dùng hoa màu hồng đỏ mà cúng dường lên ngài Quan Âm.

Nói chung ý nghĩa là “Tự cầu đa phước”, do đó mà đừng ỷ lại vào người khác.

8. Quẻ 8: Ra-Ra (2-2)

Biểu Tượng: Thiêm Du (Thêm dầu)

Hướng Phật tiền đăng thiêm tô du,
Quyền thế tài phú giai thiêm gia.
Mã đầu Kim Cang đàn thành hiển,
Chiêm giả chư pháp giai mãn nguyện.

Tạm dịch:

Hướng về cây đèn trước bàn Phật mà đổ thêm dầu,
Uy quyền, tài sản đều được tăng thêm.
Đàn Mã Đầu Kim Cang xuất hiện,
Người xin quẻ các pháp đều được mãn nguyện.

Tín Hiệu: Vi nguyện vọng chi đăng, nhất tái thiêm tô du
(Ngọn đèn của nguyện vọng lại được rót thêm dầu)

Những người Tây Tạng theo Phật giáo khi cúng dường lên chư thần, hay cầu đảo phát nguyện đều theo tập quán là rót thêm dầu vào cây đèn dầu, mỗi lần thêm nếu khô thì tính đến cả kí lô. Làm như vậy là để Chư Phật và Bồ Tát gia trì, người cầu sự gia trì phải giữ tâm thanh tịnh và những điều phát nguyện cũng phải thanh tịnh. Cứ nên thành tâm biểu lộ xin sám hối hết tất cả tội chướng từ xưa đến nay, sau đó mới có thể được sự gia trì. Quẻ này xin Mã Đầu Kim Cang là

hóa hiện của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát trong thân tướng dữ dằn, có sẵn Tâm Đại Bi, vì thế mà người xin quẻ có được phước lành đầy đủ.

GIẢI ĐOÁN

- 1. Gia trạch:** Phước trạch trong gia đình tăng lên, thêm người, nếu có thai sẽ sanh con trai. Người xin khí sắc tốt, dung mạo rực rỡ.
- 2. Tài Phú:** Có thể san bằng những trở ngại để tăng gia tài sản. Nên tu pháp Mã Đầu Kim Cang, dùng Cờ Kỳ Đảo màu lục, cũng có thể dùng bài chú Quan Âm. Tiến hành kế hoạch mới là thích nghi, người có chút tính mạo hiểm cũng không hại gì, nhất là đối với những đồ vật khô cằn thiên nhiên loại thượng phẩm màu đỏ đều trúng lời.
- 3. Mưu Vọng:** Tin tức chính xác sẽ đến, mục tiêu đã xác định sẽ mau chóng được mãn nguyện hãy hướng về Không Hành Mẫu mà cầu nguyện, những công việc đang tiến hành cứ phát triển, còn có thể có phát triển các mục tiêu khác. Cũng có thể hướng về ngài Quán Thế Âm mà cầu nguyện.
- 4. Nhân Sự:** Giao dịch với người tốt, tình bạn vui vẻ. Nếu chủ động tiếp xúc, chắc chắn cải thiện được những sự quan hệ không tốt. Nếu muốn hóa giải sự thù địch, tốt nhất là đốt lửa cúng để cầu đảo. Cũng có thể tu pháp Trừ Chướng và pháp Mộc Dục ắt tự nhiên chuyển thù hóa bạn.
- 5. Cừu Oán:** Không có cừu oán và sự nhiễu hại vì người xin quẻ này được người có sức mạnh ủng hộ. Nếu công kích người đối nghịch thì không bao lâu sẽ có tin tức đưa đến, bạn có thể phát động sự công kích từ hướng Đông và hướng Trung ương thì người đối nghịch sẽ bị thua một trận toại bời và bạn sẽ đại thắng. Có thừa kiện cũng được thắng.
- 6. Người đi xa:** Không bao lâu nữa khách sẽ đến. Khách đang trên đường đi vui vẻ. Tin tức sẽ đến ngay.
- 7. Tật Bệnh:** Nếu mắc bệnh tim, bệnh về máu huyết, hay bệnh truyền nhiễm ...nên đốt lửa để cúng hoặc tụng chú Đại Bi để cầu nguyện thì bệnh tình sẽ thuyên giảm. Còn các bệnh khác không lâu sẽ hồi phục. Tìm thầy thuốc, nên đi về hướng Đông, nên giải phẫu.
- 8. Ma Sùng:** Tuy không có Ma sùng khuấy phá, nhưng vì người xin quẻ này bị áp lực của công việc đè nặng, do đó trên mặt tâm lý giống như là có ma quỷ quấy nhiễu. Nên tu pháp Tĩnh Mịch Tôn, trì chú Lục Tự Đại Minh và chú Đại Bi.
Phong thủy tốt. Nên chú ý đến căn phòng chính giữa nhà, không được để đồ vật lộn xộn thiếu ngăn nắp. Khi nào dọn dẹp tề chỉnh rồi thì cảm thấy tinh thần sáng khoái. Có thể treo bài chú gần bức tường ở giữa nhà.
- 9. Mất đồ:** Nên theo hướng Tây hoặc Nam mà tìm vật bị mất. Hãy treo hoa hoặc vải màu đỏ để có được tin tức.
- 10. Nhờ cậy:** Phàm có nhờ cậy người khác, tức thì xong ngay. Nhờ cậy phụ nữ ắt có chút trở ngại, nhưng không có hại nhiều.

11. Hôn Nhân: Lương duyên do trời định, người thứ ba tự nhiên không còn nữa.

12. Linh tinh: Nói chung những điều xin hỏi đều tốt cả. Duy những điều đã hỏi nếu liên quan với nước và đất là không tốt. Những việc này như nước trong ao bị khô cạn dần, ban đầu không thấy, nhưng lâu ngày sẽ thấy không có lợi.

Người theo Mật Tông nên tu pháp Mã Đầu Kim Cang hoặc tụng chú Đại Bi. Phật giáo đồ có thể lễ bái đức Quan Thế Âm.

Ý nghĩa chung: Sự vui vẻ được giữ gìn và tăng lên liên tục. Nên tiệm tiến (tiến dần dần) Không nên cấp tiến (tiến nhanh). Nên giữ mục đích lâu dài, không nên đặt mục tiêu ngắn hạn và tạm thời.

9. Quẻ 9: Ra-Pa (2-3)

Biểu Tượng: Tử Ma (Ma của sự chết)

Tử ma giáng lâm chủ thất bại,
Hiệp như tinh hỏa tảo thủy tiền.
Nhứt thiết chiêm vân giai vô thành,
Sở lợi giả duy chủ phá hoại.

Tạm dịch:

Ma của sự chết hiện về chủ thất bại,
Gặp nhau như một tia lửa nhỏ chạm giọt nước bắn tóe lên.
Tất cả mọi điều xin hỏi đều không thành,
Chỉ có lợi cho những việc có tính cách phá bỏ.

Tín Hiệu: Đồ sát tử vong dữ phá hoại
(Giết hại, chết chóc và phá hoại)

Tử thần của Mật Tông Tây Tạng có nhiệm vụ gìn giữ thành đàn ở ngoài cửa hướng Nam. Phương Nam là cửa của đức Phật Bảo Sanh, chủ về sự giàu có và của cải báu vật. Ngoài tài bảo ra còn có Tử Thần nữa. Đàn thành này được sắp xếp với nhiều ý nghĩa thâm diệu. Trung Quốc có câu ngạn ngữ: “Nhơn vi tài tử, diêu vi thực vong” nghĩa là con người chết vì tiền của, chim chóc chết vì ăn uống. Câu này cho thấy mọi loài đều có tâm lý tương đồng như thế (Chết vì ngũ dục!)

GIẢI ĐOÁN

1. Gia Trạch: Gia trạch không được yên ổn, nhiều thị phi cãi cọ. Người trong nhà hay bị tử vong, hoặc gặp đại nạn như trọng bệnh, thất nghiệp, các loại thường là phá tài, hao tán. Nên dọn dẹp, lau chùi sạch sẽ, gọn gàng bàn Phật, sắp xếp lại kinh điển và cầu nguyện. Hãy hành trì nghi pháp “Phóng Đa Mã” để kỳ đảo. Nên làm nghi thức tắm nước Cam Lô, hoặc treo chú ngay trước đối diện cửa chính.

2. Tài Phú: Buôn bán thất bại, mất mát tiền của, người đầu cơ lại càng thất bại mau chóng. Không nên khai triển kế hoạch mới. Đánh bạc thua và mắc nợ nhiều. Nếu đi buôn bán làm ăn xa, phải tụng Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn hoặc chú Đại Bi.

3. Muru Vọng: Có tính toán thì có sự trở ngại. Nếu cứ miễn cưỡng mà làm, chắc chắn công việc sẽ bị hư hỏng. Không bằng có kế hoạch lâu dài, tạm thời không tiếp xúc thì tốt hơn. Trở ngại là do người đàn bà gây ra hoặc vì sự chú ý của người đàn bà mà gây nên sự hiểu lầm.

4. Nhân Sự: Không có một ai giúp đỡ cả. Cầu đảo thì sanh trở ngại, không có lợi khi giao thiệp với đàn bà. Muốn yêu cầu giúp đỡ lại sanh ra thị phi, giúp đỡ lại hóa thành trở lực, tự mình lại rơi vào khốn cảnh.

5. Cừu Oán: Những kẻ thù oán đang rình mò chung quanh. Hãy mau mau tụng chú Đại Bi và phép Trừ Chương, quyết không được đi về hướng Nam và hướng Bắc. Nếu không nghe lời khuyên này tức sẽ gặp những kẻ thù oán ám hại. Kiện tụng không lợi, thị phi thêm nhiều.

6. Người đi xa: Người đi xa trên đường đi không được yên ổn, hành trình gặp trở ngại, thời gian chờ tin sẽ không đến. Nên tu pháp Đại Bạch Tán Cái mà cầu đảo.

7. Tật Bệnh: Bệnh nhân hết sức nguy hiểm. Người bệnh bị lạnh hay có nước trong cơ thể, khó có hy vọng thuyên giảm. Người bệnh nên phát tâm tu hành; tụng chú để cầu nguyện, nhất là nên tu ngay phép Hộ Pháp để cầu đảo bảo vệ.

Không được đi về hướng Nam hay hướng Bắc để mời thầy thuốc. Nếu có giải phẫu sẽ để lại di chứng sau này.

8. Ma Sùng: Làm cho thức uống không được tinh khiết, sạch sẽ mục đích để làm hại. Ăn nhấm các loại thực phẩm có màu xanh đậm, màu đen, hình tròn sẽ làm cho con người phải tôn sùng họ.

Hoặc tiếp nhận những đồ vật, tài vật, đồ trang sức của một góa phụ mà trúng “Tà”. Hoặc để lộn xộn áo quần của mình với áo quần của người bệnh mà bị lây bệnh. Hoặc tự mình thất hứa mà bị ma sùng, vì thất hứa nên bị quỷ thần trách phạt. Nên đến chỗ gần bờ nước, hướng về Long Thần mà cầu đảo. Hoặc tu Phổ Ba Kim Cang pháp mà cầu xin. Phong thủy không tốt, có thủy quái, thuộc loại hồn ma quấy phá.

9. Mất đồ: Bị mất đồ rất khó tìm lại. Vật mất ở phương Nam hoặc phương Bắc. Có thể tìm được tung tích vật bị mất, nhưng cũng khó tìm lại được.

10. Nhờ cậy: Phạm có ý nhờ cậy người thì dễ dàng bị làm sai ý định, do đó mà trở ngại lại gia tăng, không được như ý nguyện. Nếu ý thế mà lăng mạ người khác, chỉ nhận lấy thù oán mà thôi.

11. Hôn Nhân: Nhân duyên không tốt. Bất hòa với người phối ngẫu, thường ngày cứ cãi cọ hơn thua nhau. Người thứ ba đã biến khách thành chủ.

12. Linh tinh: Nói chung, sự việc xin trong quẻ này là trở ngại và thất bại, chỉ gặp toàn việc hung xấu. Nhưng đối với những việc như săn bắn, chế thuốc độc, phá nhà củ... những công việc có tính cách phá hoại thì đều được thành tựu.

Ghi Chú: Chế thuốc độc như quẻ đề cập là dùng để chữa bệnh chứ không phải để hại người.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Phổ Ba Kim Cang, hoặc cúng dường Độ Mẫu, tụng chú Đại Bi hoặc chú Thập Nhứt Diện Quan Âm. Tín đồ Phật giáo có thể hướng về Bồ Tát Quán Âm và Bồ Tát Địa Tạng mà cầu nguyện. Tụng chú Đại Bi và treo Chú Thập Nhứt Diện Quan Âm. Nói chung ý nghĩa là: Chỉ nên phá hoại, không nên kiến thiết, nghĩa là có lợi cho công việc xấu, chứ không có lợi cho công việc tốt.

10. Quẻ 10: Ra-Tsa (2-4)

Biểu Tượng: Vương Quyền (Quyền lực của vua)

Phong thừa hỏa thế,
Hỏa trượng phong uy.
Quyền lực tăng trưởng,
Bất giả cầu nhơn.

Tạm dịch:

Sức gió nhờ vào lửa cháy,
Lửa lại nhờ gió thổi mà bốc dữ dội hơn.
Quyền lực lớn mạnh,
Không muốn cầu đảo người.

Tín Hiệu: Sư, hổ hồng thanh, oai trấn sơn ngục.
(Tiếng rống của sư tử và cộp oai phong trấn giữ cả vùng sơn lâm.)

Bà Diêm Mạn Đức Gia Minh, vị thần đại phá hoại đã nói: “ Ai vào được cung điện của ta, ta sẽ trao quyền cho người ấy” Quẻ này hợp với ý đó. Người xin quẻ tự nhiên quyền thế tăng thêm, danh tiếng và tài sản tự tăng lên như lửa cháy rừng. Lại thêm gió thổi làm cho lửa cháy mãnh liệt, khiến con người không dám chữa.

Người xin được quẻ này nên biết tất cả đều vô thường, vì thế nên giữ một mức độ vừa đủ, không nên ý thế lăng mạ người khác, như vậy thì được mọi người yêu kính.

GIẢI ĐOÁN

1. Gia Trạch: Vì quyền lực được tăng thêm cho nên không có ai dám hại cả. Nhân khẩu bình thường, vận nhà phát đạt, tăng thêm người, có thai sẽ sanh con trai.

2. Tài Phú: Tài sản cũng theo quyền lực mà tăng trưởng, có lợi cho việc cạnh tranh để cầu tài. Hãy để cho người được tự do tùy tiện một chút, không nên bóp nghẹt toàn diện. Đề phòng người chung quanh xâm lấn.

3. Mưu Vọng: Nếu có tính toán, mong ước đều được toại ý. Tuy nhiên có một số việc nhỏ không vừa lòng, nhưng có thể giải quyết một cách thuận lợi. Kết cuộc đều như nguyện. Nên tu pháp Tịch Tĩnh, Ái Kính, làm cho người ta phải tôn kính.

4. Nhân Sự: Nhờ ảnh hưởng quyền thế mà quan hệ người và việc đều được tốt đẹp. Phụ nữ sẽ mang đến một chút buồn bực. Chú ý nên để cho người ta một lối thoát, có chỗ xoay xở, đừng nên ý mạnh mà hiếp người.

5. Cừu Oán: Không có người chú ý sanh sự. Người xin quẻ có thể ra oai để trấn áp cừu thù trên mọi mặt. Nên nhờ sự trợ giúp của một số sức mạnh khác, theo đó mà xoay chuyển từ thù thành bạn. Hãy đề phòng người trong nhà và những người thân cận với mình. Nên cần phải giải hòa để tránh hậu hoạn nếu đã kết oán thù với người ngoài. Nếu có sự kiện tụng thì được thắng.

6. Người đi xa: Trên lộ trình đã có được lợi ích. Khách sẽ đến và mang theo lợi ích. Tin tốt sẽ đến.

7. Tật Bệnh: Bệnh tình tuy có phần nặng, nhưng không nguy hiểm đến tánh mạng. Hãy cúng dường Hộ Pháp để xin gia trì cho người bệnh. Nên treo cờ cầu đảo hoặc Chú Luân. Nên giải phẫu.

8. Ma Sùng: Nhờ sự bảo vệ của Hộ Pháp, nên ma sùng không giám quấy nhiễu. Phong thủy tốt. Người xin quẻ này tuy có cúng dường Hộ Pháp, nhưng chưa đầy đủ, nên cúng dường thêm mới được cát tường.

9. Mất đồ: Nhờ vào ảnh hưởng của thể lực và phước đức, nên vật mất sẽ được hoàn trả lại nguyên chủ.

10. Nhờ cậy: Hướng về Bồn Tôn mà cầu đảo thì sẽ thành công. Không nên nhờ cậy phụ nữ. Không nên uy hiếp người mà nên chủ động tiếp xúc tất sẽ thành công.

11. Hôn Nhân: Nhờ sức mạnh mà được thành công. Người đã có gia đình, có sự bất hòa với người hôn phối. Nếu có đệ tam nhân thì họ tự động ra đi.

12. Linh tinh: Vì sức mạnh được tăng thêm nên tất cả mọi vấn đề đều được giải quyết. Tất cả mọi điều đã hỏi đều được mãn nguyện. Chỉ có những việc liên quan đến “nước” như cầu mưa chẳng hạn đều không được như ý.

Tín đồ Mật Tông phải tu pháp “Liên Hoa Sanh Đại Sĩ”, hoặc “Phục Kim Sí Điều”, “Đại Hắc Thiên”... Tóm lại ý nghĩa của quẻ là “Sức mạnh tăng trưởng, tất cả đều được như ý”. Đây là một quẻ tốt.

11. Quẻ 11 : Ra Na (2-5)

Biểu Tượng: Khô Thụ (Cây Khô)

Như thụ vô thủy,
 Bất năng sinh quả.
 Cầu chiêm vắn giả,
 Nhứt sự vô thành.

Tạm dịch:

Như cây không tưới nước,
 Cây không kết trái được.
 Người xin được quả này,
 Một việc cũng chẳng thành.

Tín hiệu:

Tâm vi vật nhiều, do thị khổ sanh
 (Tâm bị vật chất gây rối loạn, do đó mà khổ sanh ra)

Sứ giả gửi được mùi hương của Ma La tức Càn Thát Bà nói: “Do Tâm của con người thường chịu sự hướng dẫn của vật chất, vì vậy mà sự tham muốn của họ bất tận. Sự khổ não do đây mà sinh ra.

Người học Phật, nếu tâm họ thay đổi vì vật chất tức là đã làm cho Quỷ gửi mùi hương cười chê rồi. Phải nên lấy tâm chuyển vật, sau đó mới làm chủ được mọi hiện tượng. Vì thế nên có câu: “Nhứt thiết duy Tâm tạo” tức là mọi sự vật (Pháp) đều do Tâm mà tạm có. Do đó mà phải thấy rõ Tánh Không của lý Duyên Khởi, rồi mới dùng Tâm chuyển vật. Như người đã hiểu được Tánh Không thì không bao giờ suy tính hơn thiệt, vì thế mà không gây khổ não để bị khổ đau. Người xin được quả này cũng nên như vậy, phải thể hội được lý nghiệp lực và nhân duyên.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Nhìn bên ngoài có vẻ yên ổn, nhưng tương lai không mấy lạc quan. Người trong gia đình có bệnh mà không tìm ra bệnh. Người có thai nên đề phòng hư thai.
- 2. Tài Phú:** Có những chuyện ưu sầu không thấy được, nên kiểm tra đề phòng. Đầu cơ tích trữ sẽ thất bại. Phải điều chỉnh lại kế hoạch. Cũng phải cố gắng hoạt động mạnh thêm sự nghiệp củ.
- 3. Mưu Vọng:** Như ngọn lửa bốc cháy hùng hực, tuy nhiên cũng bị dập tắt. Vì thế mà những công việc đã tính toán mong mỗi đường như phấn khởi, nhưng phải đề phòng bất ngờ bị nguội lạnh. Những khó khăn cũng có cơ hội giải quyết, nhưng phát sinh thêm trở ngại mới.
- 4. Nhân Sự:** Khó có thể có người giúp đỡ, ngay cả những kẻ đã mang ơn cũng không đến, hay là chỉ giúp một chút rồi cũng ngưng tay. Nhờ đàn bà giúp đỡ thì hiệu quả không tốt mấy, nhưng việc này cũng dễ gây ra tranh cãi, kết cuộc không được như ý.
- 5. Cừu Oán:** Sự thù hận rất ít không tác hại lắm. Kiện tụng nên hòa giải. Những tin đồn có tính cách nhạo báng không nên làm sáng tỏ vấn đề, vì càng “tỏ” thì càng “đậm đen” mà thôi.
- 6. Người đi xa:** Khách mệt mỏi không yên, tâm tình buồn bực. Người cũng như tin tức đều chậm trễ. Đi du lịch đề phòng mất đồ.

7. Tật Bệnh: Có bệnh về gan và mật, nhưng trị lạnh. Người già trị bệnh liên quan đến cơ thể, nên nghỉ ngơi mà trị liệu. Người xin quẻ này chủ về trúng độc, ảnh hưởng đến tiêu hóa và huyết phần. Nếu được phụ nữ giới thiệu thầy thuốc thì tốt hơn. Không nên giải phẫu.

8. Ma Sùng: Do Tổ Tiên hay Hương linh những người bà con gây nên, tuy nhiên không có hại, nên cầu siêu cho vong linh. Không có sự liên quan với Địa thần. Nên tế tự, nếu không sẽ bất lợi cho sức khỏe. Phong thủy không tốt, nên tế địa thần. Nên sửa đổi lại đường thông nhau giữa các phòng và vị trí của các phòng. Nên treo Chú luân.

9. Mất đồ: Rất khó tìm lại được vật đã bị trộm.

10. Nhờ cậy: Vì mình bị ảnh hưởng người khác do đó mà sự nhờ cậy là ảo mộng, cho nên yêu cầu giúp đỡ là không thực tế.

11. Hôn Nhân: Quan hệ nguội lạnh dần. Sự thương yêu không thành công. Tình cảm của người phối ngẫu không thể hiểu được. Có người thứ ba xen vào.

12. Linh tinh: Tất cả những điều đã xin đều không tốt, nhất là thuộc về hạnh phúc và vận tốt. Những việc có tính cách kiến thiết đều không được tốt đẹp. Nếu chuyển kế hoạch lại một thời gian, làm công tác chuẩn bị thật tốt hoặc nên bàn thảo lại kế hoạch.

Tín đồ Mật Tông nên tu trì phép “Trừ Chướng” và phép “Thượng Sư”. Tín đồ Phật giáo nên cầu nguyện Phổ Hiền Bồ Tát. Tụng nhiều chú Đại Bi. Tóm lại ý nghĩa là: Hư Không chẳng thật. Có cũng như mộng ảo. Cho nên hãy phản tỉnh những điều đã xin có phải là thực tế không.

12. Quẻ 12: Ra Dhi (2-6)

Biểu Tượng: Cát Môn (Cửa Tốt)

Nam môn Hộ Pháp khai thành môn,
Thủ môn tức thị cát tường môn.
Lại chiêm văn giả khai trí nhãn,
Hữu nhơn vị nhữ hiển kế mưu.

Tạm dịch:

Hộ pháp ở cửa Nam đã mở cửa thành,
Cửa này là cửa tốt lành.
Người đến xin quẻ sẽ được mở con mắt trí huệ,
Có người vì bạn mà hiển mưu kế.

Tín hiệu: Hô triệu Tây Phương Nữ Thần như hô lương hữu
(Mời gọi vị Nữ Thần ở hướng Tây như mời gọi một người bạn.)

Đức Phật A Di Đà ở phương Tây, Mật Tông Tây Tạng tên xưng là Liên Hoa Bộ. Ngài A Di Đà còn có tên là Vô Lượng Thọ, có tất cả 5 chị em Hộ Pháp. Người xin quẻ này được 5 vị Nữ Thần Hộ Pháp gia trì, cho nên chủ về tốt đẹp. Tuy có gia trì lực, nhưng nên dựa vào thanh tịnh nguyện tâm mới có thể gặt hái được, vì thế người xin quẻ này nên phản tỉnh để những điều cầu nguyện của mình được thanh tịnh. Nếu như những lời nguyện không thanh tịnh, ắt là không được như ý.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Gia vận được tốt đẹp, tương lai cát tường, trong nhà thêm người, có thể sanh con trai. Không lâu sẽ di chuyển đến nhà mới.

2. Tài Phú: Tài sản của cải ngày càng tăng. Nên theo kế hoạch mới, sự nghiệp cũ nên đổi mới, nên cùng người hợp tác. Nên đầu tư có tính cách dài hạn.

3. Mưu Vọng: Nên nghe theo lời khuyên cáo của những người bạn tốt, tức mọi việc đều dễ thành công. Nếu cứ độc đoán mà làm một mình thì sẽ sanh trở ngại. Đối với tất cả mọi việc đều nên phản tỉnh như mình soi gương để quan sát dung nhan mình hầu phát hiện được ngay một vết nhơ liền tắm rửa liền. Nếu được như vậy thì có thể sửa đổi được những khuyết điểm, mọi sự sẽ tốt đẹp.

4. Nhân Sự: Nên kết bạn với những người có trí huệ. Những người bạn có tài mà không có trí huệ đều thuộc loại bạn xấu.

5. Cừu Oán: Không có thù oán làm hại. Có thể nhờ người ta điều giải, hóa thù thành bạn.

6. Người đi xa: Trên đường đi bình an, lại hưởng thụ nữa. Muốn đi xa nên có bạn đồng hành, tin tức của khách sẽ đến ngay, khách bình an. Tiếng hay sẽ đến, nhất là có lợi trong việc tiến cử, giới thiệu, có văn thư chắc chắn, không những tới tức thì mà còn có hiệu lực nữa.

7. Tật Bệnh: Bệnh trạng không nghiêm trọng, nhưng bị kéo dài. Nên cúng chư thần Liên Hoa Bộ, vì người bệnh mà kỳ đảo.

Ghi Chú: Ngài A Di Đà, Quan Âm và Đại Thế Chí đều là chư Phật và Bồ Tát thuộc Liên Hoa Bộ.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy phá. Phong thủy tốt, chỉ nên để ý đến việc thoáng gió.

9. Mất đồ: Tìm vật mất ở hướng Nam hoặc hướng Tây, tức có thể tìm lại được. Nhờ người khác thay mình tìm giúp, sẽ có tin tức.

10. Nhờ cậy: Tất cả những điều muốn nhờ cậy đều được như nguyện. Xin người giúp đỡ thế lực, của cải không bằng cầu người giúp trí tuệ.

11. Hôn Nhân: Trời tác hợp tức thành công. Tình cảm người phối ngẫu tốt đẹp. Nếu có người thứ ba cũng phải ra đi. Nên cùng người khác điều đình.

12. Linh tinh: Tất cả những điều đã hỏi đều tốt. Nếu có việc không hợp lý, lợi mình hại người, nên quay đầu lại tức khắc (nên ngưng làm ngay); theo kế hoạch mới ắt được kiết tường, nếu không sẽ nghiêng về thất bại. Có người trợ lực, giúp đỡ chắc chắn mục đích không những đạt được mà còn có tiến triển, có thể khai triển thêm những tính toán mới.

Tín đồ Mật Tông nên hướng về Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, Hồng Diệm Mạn Đức CA kỳ đảo, nên cúng dường nhiều đèn dầu. Tín đồ Phật giáo hướng về Quan Thế Âm Bồ Tát mà kỳ đảo và tụng chú Lục Tự Đại Minh.

Ý nghĩa tóm tắt: Một lời của bạn tốt hơn cả ngàn vạn lời người khác. Vì vậy người xin được quẻ nên cùng bạn tốt tham dự kế hoạch là thượng sách.

13. Quẻ Pa Ra (3-1)

Biểu Tượng : Cam Lô bình (Bình cam Lô)

Chiêm giả chiêm đắc Cam Lô bình,
Do thị đắc thường Cam Lô vị.
Tịch tĩnh chư pháp giai thành tựu,
Nhất thiết độc pháp bất sanh khởi.

Tạm dịch:

Người xin được quẻ Bình Cam Lô, nhờ đó mà nếm được vị của nước Cam Lô. Tĩnh lặng thì tất cả các pháp đều thành tựu. Hết thấy pháp độc đều không phát sinh được.

Tín hiệu: Âm Cam Lô đắc trường sanh
(Uống được nước Cam Lô sẽ sống lâu)

Tu trì pháp Mật Tông Tây Tạng, quan trọng nhất là quán tưởng đều lấy Tánh Không làm căn bản. Thông qua quán tưởng từng bước có thể chứng ngộ được Tánh Không. Cam Lô cũng giống như vậy, không phải không quán tưởng mà thành, trong đó tuy có thêm Cam Lô bằng viên (hoàn) của Thượng Sư, nhưng thực tế tác dụng chẳng phải ở trong viên Cam Lô với rất nhiều thành phần, mà do thông qua quán tưởng, tưởng đến Cam Lô cùng theo chư Phật mà chảy ra có khả năng trừ hết vô số chướng ngại nơi sắc thân chúng ta, bao gồm từ trước đến nay biết bao nhiêu là nghiệp tội cùng với oan gia trái chủ... Mà nên biết Cam Lô cũng không có tự Tánh, tức nên thương thức Cam Lô trong Tánh Không, sau đó mới được pháp ích. Nói rằng được sống lâu ... chỉ là theo thế tục mà nói, chứ ý nghĩa của quẻ này không chỉ như thế mà quan trọng nhất là có thể được pháp ích.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Bên ngoài thấy là hưng thịnh, nhưng bên trong thì không đáng kể. Nên treo những bài chú dọc theo các đường đi trong nhà giữa hai bức vách. Có thêm người trong nhà nhưng cũng có mất người. Lạc thành nhà mới, cần nên sửa chữa lại.

2. Tài Phú: Thực tế thu nhập không đúng như sự ước tính khá cao của người ngoài. Chỉ nên áp dụng kế hoạch làm ăn lâu dài, không nên ngắn hạn, tạm thời, và đầu cơ. Nên duy trì cái cũ mà đổi thành mới, cũng được như ý.

3. Mưu Vọng: Những gì mong muốn đều được toại ý, không gặp chướng ngại. Nếu tâm nguyện Thượng Sư đầy đủ, thì những gì đã cầu đảo đều thấy thuận lợi. Nếu có đại nguyện, hãy hướng về Thượng Sư Bổn Tôn mà kỳ đảo.

4. Nhân Sự: Có nhiều sự giúp đỡ dễ đắc đạo. Những bạn thân có đề xuất những kế hoạch khá hoàn hảo.

5. Cừu Oán: Không có cừu oán, vì người ta tâm tính rất ôn hòa nên không có chuyện sanh sự. Nên tu pháp Kính Ái để cầu xin, rất dễ dàng để hóa địch thành bạn.

6. Người đi xa: Khách sẽ đến bình an ngay. Trên đường đi trẻ nhỏ bị rắc rối vì thế mà có một chút trở ngại nên đến trễ. Tin tức sẽ đến và đều tốt cả.

7. Tật Bệnh: Áp dụng vừa y học vừa cầu đảo để trị liệu đều khiến cho bệnh nhân dễ dàng phục hồi. Nếu có tiểu giải phẫu thì tốt, còn đại giải phẫu thì không nên. Đề phòng cơ quan hô hấp bị bệnh. Người đang bệnh nặng hãy hướng về đức Phật Dược Sư để cầu giải.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy phá. Phong thủy tốt, tuy có những góc xó tối tăm nên bắt đèn để có ánh sáng.

9. Mất đồ: Vật bị mất ở tại phía Nam, theo hướng đó mà tìm. Vật đó dấu tại một nơi gần nước, tìm sẽ thấy.

10. Nhờ cậy: Nhờ cậy được như ý, người được yêu cầu dốc toàn lực để giúp đỡ. Có một số sự việc được giúp đỡ đã đưa đến kết quả không tốt, tuy nhiên sự thực việc này cũng đã nằm trong dự định của người xin quẻ. Cho nên cũng không có hại.

11. Hôn Nhân: Hôn nhân có thể thành tựu, nhưng lâu ngày lại cảm thấy vô duyên. Hôn nhân sẽ không bị gãy đổ. Đối với người thứ ba nên chịu đựng họ.

13. Linh tinh: Chung chung mà nói, tất cả những điều cầu đảo đều được mãn nguyện, nhưng chưa được hoàn toàn mà thôi. Nếu những điều đã hỏi có liên quan đến vũ lực và độc vật, sẽ bị thất bại. Nếu xin được quẻ này, những điều toan tính đều có nhiều khó khăn, phải nên bỏ thí cầu phước.

Tín đồ Mật Tông nên cầu Đại Nhật Như Lai. Tín đồ Phật giáo cầu Phật Dược Sư.

Tóm lược ý nghĩa: Trọng sự phẳng lặng có hàm chứa cái nguy hiểm, vì thế bên ngoài tuy thấy ổn định, thực ra nên đề phòng để đối phó. Nên xem xét lại kế hoạch, có thể được như ý. Nếu hay làm theo ý mình thì sẽ gặp rắc rối.

14. Quẻ 14: Pa Ra (3-2)

Biểu Tượng: Tử thủy đường (Ao nước tù không có mạch)

Hoạt thủy nguyên đầu nhược cánh vô,
Trì đường điếm đích tiện can khô.
Chiêm đắc thử tượng chủ hao tán,

Nhật hữu sở giảm đồ tân lao.

Tạm dịch:

Nước chảy mà đầu nguồn lại không có,
 Trong ao một tí cũng không còn.
 Người xin được quẻ này chủ về hao tán,
 Ngày càng giảm sút chỉ cực khổ vất vả.

Tín hiệu: Sa ngân kiến thành bảo
 (Xây thành trên bãi cát)

Toàn thể bộ hạ của Ma La đang tập hợp lại, họ đang bàn cãi để xây dựng một bức thành trên một bãi cát ngoài bờ biển. Muốn xây được thành phải dùng đến những tảng đá lớn, nhưng đều vô ích, bởi vì nền móng của thành không kiên cố.

Bất luận pháp Thế Gian hay là pháp Xuất Thế Gian đều phải có cơ sở. Xuất Thế Gian pháp lấy Bồ Đề Tâm làm căn bản, tức là lấy Trí Huệ Bát Nhã mà tu hành Đại Bi Tâm. Nếu không có tâm Bồ Đề thì tất cả những pháp tu trì đều trở thành nguyên nhân của luân hồi. Rốt cuộc học Phật cũng chẳng thành tựu. Đối với pháp Thế Gian (văn chương, thi phú, khoa học, kỹ thuật, bói toán...) thì phải trọng căn cơ (có khiếu, sự thông minh, và thể chất) như mọi người đều biết. Người xin được quẻ này nên đề phòng sự vất vả uống công vô ích.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Nhìn đến nay đều bình yên nhưng thực ra đã có nguy cơ nằm sẵn. Người xin quẻ này nên tích nhiều công đức. Người có thai nên đề phòng hư thai.

2. Tài Phú: Không thấy giảm sút, ngày ngày có hao. Không nên hỏi về lập thêm sự nghiệp mới. Chi bằng trước hết chỉnh đốn lại sự nghiệp cũ là tốt nhất. Đầu cơ sẽ thất bại.

3. Mưu Vọng: Cầu người giúp đỡ không hề được ích lợi gì cả. Nên tự mình nỗ lực mà làm. Có lời hứa giúp nhưng thực ra chẳng đến. Nếu người nữ cầu người nam thì dễ dàng được sự trợ giúp, tuy nhiên sự giúp ích cũng chẳng bao nhiêu.

4. Nhân Sự: Có người giúp đỡ, kết quả có cũng như không.

5. Cừu Oán: Thù oán thì rất lớn, ngoài những mưu tính ra, tạm thời không có bị tổn hại. Nên hóa giải từ từ, làm cho kẻ thù phải cảm phục và kính nể bạn. Điều này khiến kẻ thù phải sợ lòng tốt của bạn. Nên đề phòng sự cãi cọ, thị phi tăng thêm... Kiện tụng nên hòa giải.

6. Người đi xa: Trên đường đi gặp nhiều khó khăn, cuối cùng cũng không thiệt hại to lớn lắm. Người đi xa giống như là một thương binh sẽ đến đúng kỳ hẹn. Tin tức đến ngay nhưng chưa chắc đã giống như những điều tốt mà mình đã tưởng tượng.

7. Tật Bệnh: Phòng những bệnh không tìm ra được, nên khám bệnh tổng quát. Tim, thận bất giao, dễ dàng bị mất ngủ, rối cuộc thân tâm mệt mỏi.

8. Ma Sùng: Có lấy được một gói đồ của người khác bỏ quên, bị người ta yểm, nên đã bất an. Có một con quỷ mặc áo hồng ở hướng Tây của nhà. Nên lập phép cầu đảo ngay, như tu pháp Liên Hoa sanh Đại Sĩ, Kim Cang Tát Đỏa, cũng có thể tụng chú Đại Bi và treo Chú Luân của ngài Thập Nhứt Diện Quan Âm (Ngài Quan Âm 11 mặt).

Phong thủy không được tốt, hai hướng Đông và Tây đều nên sửa lại.

9. Mất đồ: Đồ vật bị mất đã hư hỏng, tìm lại cũng vô ích. Nếu mất tiền bạc, người ta đã tiêu mất rồi, không nên truy tìm.

10. Nhờ cậy: Phàm có nhờ cậy thì tựa như được thỏa mãn, thực chất chẳng có chút ích lợi nào.

11. Hôn Nhân: Người có gia đình hay chưa có đều có chất chứa một nỗi buồn man mác. Có người thứ ba xuất hiện.

12. Linh tinh: Xin được quẻ này, tuy là khuyên không nên tiến hành nghiệp vụ mới, ngoài điều đó ra, các điều khác nếu bỏ củ thay mới đều tốt. Có lợi về di chuyển, đổi chỗ, xin chức mới, hoặc thay đổi thời gian công tác.

Tín đồ Mật Tông nên bỏ thí các thầy Lạt Ma, cúng dường Thượng Sư. Tín đồ Phật giáo nên cúng dường trai tăng, tu pháp Cam Lồ, pháp Mộc Dục...

Tóm tắt ý nghĩa: Những ngày sung sướng dần dần giảm xuống, vì thế nên xét lại các việc trước mắt, xem thử lo lắng thâm kín nằm ở đâu? để lo cải thiện lại.

15. Quẻ 15: PA Pa (3-3)

Biểu Tượng: Cam Lồ Hải (Biển Cam Lồ)

Chiếm đắc Cam Lồ hải,
Nhứt thiết giai tăng trưởng.
Hoan lạc như hải dương,
Hà hưởng thị cam Lồ.

Tạm dịch:

Xin được quẻ Biển Cam Lồ này,
Tất cả mọi sự đều được tăng trưởng.
Vui sướng như biển cả,
Hưởng gì là cam Lồ.

Tín Hiệu: Hạ thiên hà thủy trường
(Mùa hè nước sông dâng cao)

Tín hiệu của quẻ này đúng như lời dạy của ngài Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương:
“Nước sông khi mùa hè đến lại dâng lên.”

Ghi chú: Nước sông ở Ấn Độ bắt nguồn từ Tuyết Sơn (Hy Mã Lạp Sơn) khi mùa hè đến tuyết trên núi tan ra làm cho nước sông dâng cao lên. Ở Trung Quốc mùa xuân băng mới tan, nước sông lại dâng lên trong những ngày xuân, thời gian này không cần phải vét bùn.

Nước có ở đầu nguồn thì tự nhiên sẽ dâng lên, đây là cái tốt của quẻ này, quan trọng và chính yếu là tại đầu nguồn.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Hiện trạng tốt, lần lần sẽ hưng vượng, nhân khẩu thêm, có thai sanh con gái. Có niềm vui rất là tuyệt diệu.

2. Tài Phú: Giống như là cỏ trong vườn vào mùa xuân, không thấy sự tăng trưởng nhưng mỗi ngày lại lớn thêm. Sự nghiệp củ hưng long, nghiệp vụ mới rất tốt. Không nên cầu phát tài quá mạnh.

3. Mưu Vọng: Nếu có cầu mưu đều được toại ý. Nên áp dụng kế hoạch có tính cách dài hạn. Tất cả những điều kiện khách quan đối với người xin đều có lợi.

4. Nhân Sự: Sự giúp đỡ, ủng hộ là một nguồn không dứt, nhất là sự giúp đỡ của phái nữ.

5. Cừu Oán: Sự thù hằn mới không có, sự thù hằn cũ cũng không có. Thị phi không khởi. Kiện tụng có thể giải quyết được.

6. Người đi xa: Người đến thăm đến đúng kỳ hạn, tin tức đến ngay và là tin tốt. Khách vui vẻ trên đường đi.

7. Tật Bệnh: Như bị bệnh cảm lạnh, sẽ được lành, như bệnh thuộc về thủy đại tức thuộc về hệ thống nước trong cơ thể (hoặc là bệnh thận, hay hệ thống tiết niệu) thì lâu bình phục.

8. Ma Sùng: Ma sùng, quỷ, thần không quấy nhiễu nổi người xin quẻ này, phải phòng sự quấy nhiễu của người nhà. Phong thủy rất tốt. Quét vôi (sơn) trang trí lại thì tốt hơn nữa.

9. Mất đồ: Nên tìm vật bị mất tại hướng Nam hoặc hướng Bắc, có thể tìm được. Không những tìm lại được vật bị mất mà còn có tin vui bất ngờ nữa.

10. Nhờ cậy: Có nhờ cậy sẽ thấy vui vẻ, hài hòa nên chẳng phí công sức. Nhờ có một người phụ nữ xoay chuyển tình hình nên thấy hài hòa. Đi đường thấy người áo trắng sẽ mang lại tin vui.

11. Hôn Nhân: Cảm tình từ từ tăng dần, chỉ đề phòng bị đứt giữa đường. Người phối ngẫu bề ngoài thì tốt. Hãy đề phòng người thứ ba xâm nhập một cách mờ ám.

12. Linh tinh: Xin được quẻ này những điều muốn hỏi đều tốt cả. Những sự việc liên quan tới nước đều có lợi, nhưng những gì liên quan đến lửa thì không tốt.

Tín đồ Mật Tông nên quét dọn bàn Phật, bày biện sắm sửa lễ phẩm để cúng tế Long Vương, hoặc hành pháp Cam Lô Thủy. Tín đồ Phật giáo nên hướng về Phật mà sám hối tội lỗi.

Tóm lược ý nghĩa: “Tẩy sạch ô uế để nét mới được sáng sủa.” Vì vậy mà bỏ củ lập mới là rất có lợi vậy.

16. Quẻ 16: Pa Tsa (3-4)

Biểu Tượng: Tai Nạn Ma (Ma Tai Nạn)

Chiêm đắc tai nạn ma xuất hiện,
Hiệp như đại địa bị thủy yêm.
Nhứt thiết hoan lạc giai phá hoại,
Tốc hướng Bồn Tôn nương tai khiên.

Tạm dịch:

Đã xin được quẻ “Ma Tai Nạn” xuất hiện,
Như là khắp nơi đều bị nước tràn ngập.
Tất cả những niềm hân hoan đều tan biến,
Hãy mau mau hướng về Bồn Tôn xin xua đuổi những tai họa và tội khiên.

Tín Hiệu: Độc long giáo vĩ, hải thủy phiên đăng
(Rồng độc vẫy đuôi, nước biển dậy sóng)

Quỷ ác Dạ Xoa trấn giữ tại ngoài cửa ở phương Bắc đã nói: “Long Thần đã vẫy đuôi để khùng bố, làm cho nước biển dậy sóng và vẩn đục.” Trong kinh Phật, Rồng là một bộ trong Thiên Long Bát Bộ, sau khi đã tự quy y Phật đã trở thành những vị hộ trì Phật Pháp. Tuy nhiên Rồng vẫn còn nhớ tới lòng ác độc và thù oán, không giữ giới luật, làm xằng làm bậy. Điều này cũng giống như lòng người, có lúc cũng không tự khống chế mình được, tuy đã thọ giới nhưng thường phạm giới. Biển (Tâm) lặn đã trở thành dậy sóng, nước biển trong xanh đã trở nên vẩn đục. Ba độc Tham, Sân, Si đã khiến người phạm giới (nguyên nhân của sanh tử, luân hồi), cho nên thường xuyên trừ Ba Độc thì Ác Nghiệp Vương (Vua Ác Nghiệp) tự nhiên tiêu mất.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Có khó khăn trở ngại, có khẩu thiệt, thị phi, bất hòa. Gia đình có nguy hiểm như người nhà phát bệnh, thuộc loại cãi cọ thị phi đưa đến như nước xoáy liên quan đến con người. Có thai bất an.

2. Tài Phú: Đề phòng phá tài, gây ra cãi cọ. Nên tu pháp Thanh Tịnh Mộc Dục. Quyết không được hợp tác với người khác.

3. Mưu Vọng: Nếu có toan tính đều bị phá rối, khiến cho thân tâm bất an. Không bằng giữ nguyên tình trạng cũ cũng lợi như sáng tạo cái mới.

4. Nhân Sự: Bề ngoài có vẻ là tốt, trên thực tế sự quan hệ với người như gió thổi tung bụi lên, cho nên không giữ được lâu và cũng không được tốt, lại gây thêm nhiều khó khăn.

5. Cừu Oán: Có nhiều chuyện thị phi, kiện tụng triền miên. Có thù oán, đặc biệt là hai hướng Đông và Bắc, đi về hai hướng này rất dễ bị ám hại. Quyết tâm cẩn thận, có thể có người quay mũi giáo để đâm lại mình, ân đã trở thành oán, rất dễ bị người khác thừa kiện. Nên tu pháp Cam Lồ Thủy để cầu giải.

6. Người đi xa: Trên đường đi dễ bị té ngã gây thương tích. Khách bị mất đồ, bị tổn thất và gặp khó khăn. Tin lành không đến mà tin xấu lại đến ngay.

7. Tật Bệnh: Trong năm (5) đại thi phong đại và không đại bị bệnh. Không tốt cho việc đi lại. Bệnh tình khó thuyên giảm nên cúng Đa Mã, tu pháp Trừ Chướng, Độ Mầu, phóng sanh... Nên cầu đảo, tụng chú Đại Bi. Trước giường của bệnh nhân treo chú Thập Nhất Diện Quan Âm.

8. Ma Sùng: Bị Tinh Linh của rừng rậm quấy phá, ma sùng ở trong đồ gỗ, tượng gỗ, và trên các vật màu xanh lục. Cũng có thể có người yểm trấn bỏ bùa ngăn cản. Do ma sùng quấy phá nên có lúc người xin quẻ lại đến một nơi nào đó đánh phá lung tung rất dễ làm người khác bị thương, hoặc do hiểu lầm mà đánh lẫn nhau. Phong thủy không tốt, phòng ốc ở hướng Đông và hướng Bắc nên sửa đổi lại, có thể treo những bài chú và cúng để cầu nguyện.

9. Mất đồ: Đồ vật mất đã lọt vào tay của người phá hoại, nên khó tìm lại được.

10. Nhờ cậy: Tâm bạn đã loạn, nên khó đạt được mục đích nhờ cậy, chỉ nghĩ đến gặp mặt người ta là đã khó rồi huống chi là thốt lời xin giúp đỡ. Có người phá hoại gây trở ngại, nên không thành công.

11. Hôn Nhân: Người chưa kết hôn thì khó mà được gia đình bằng lòng. Người phối ngẫu thì xác thì hòa hiệp nhưng tâm hồn thì xa cách. Có người thứ ba phá rối, rất khó đuổi ra. Nên tu pháp Trừ Chướng.

12. Linh tinh: Các điều đã xin đều không được tốt. Tất cả mọi sự việc trong lòng đều buồn bực. Chỉ có hỏi về việc ác thì thành công (tạo thêm ác nghiệp!) như xúi dục vợ chồng người khác ly tán, làm cho người ta tự động xa lánh bạn ... Nhưng làm việc ác thì sẽ nhận lãnh quả ác, chỉ có thêm thù oán nguy hại. Cho nên hãy đổi lòng dạ không tốt của mình thì tự nhiên sẽ được tốt đẹp.

Tín đồ Mật Tông nên quét dọn sạch sẽ bàn Phật, sắp xếp lại kinh sách, tu pháp Tiêu tai, Kính Ái, Cúng Đường, và treo các bài chú.

Tín đồ Phật giáo, nên cúng dường tháp Phật và Miếu vũ.

Tóm tắt ý nghĩa: Trong lòng nóng như dầu đun sôi. Vì vậy mà người xin quẻ hãy tạm thời buông bỏ tất cả mọi hoài bão mà tu để kết phước, kết thiện duyên. Không nên hành động vội vã.

17. Quẻ 17: Pa Na (3-5)

Biểu Tượng: Kim Liên Hoa (Hoa Sen Vàng)

Đắc kiến kim liên hoa khai phóng,

Chiêm giả vạn sự giai như ý.

Hữu như quả nhân phát lộc nha,

Bất tu canh chủng định phong thu.

Tạm dịch:

Nhìn thấy được hoa sen vàng nở,
Người xin quẻ vạn sự được như ý.
Như một hạt nhân mọc mầm xanh,
Không cần cày cấy mà gặt hái được mùa.

Tín hiệu: Mạn Đà La hoa, đặc cam Lô vũ.
(Hoa Mạn Đà La được mưa Cam Lô)

Trong Minh Phi (*) của ngài Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có nói: “Trong đàn thành, hoa Thiên Mạn Đà La được mưa Cam Lô, nên hoa đã nở rất nhiều và rất đẹp.”

Ghi Chú:

(*) Chữ Minh Phi (明妃 = Vidyà-raja): Biệt danh của Đà La Ni (Dharani). Đức của Đà La Ni có thể phá tan phiền não, cho nên gọi là Minh; lại có khả năng làm tăng trưởng mọi công đức, nên gọi là Phi; cũng có thể dùng từ đơn gọi là Minh. Minh có nghĩa là ánh sáng của đại trí tuệ, Phi, tiếng Phạn là La Thệ (Rajni) tức là vương = vua (Raja), được phát âm theo giống cái, cho nên dịch là Phi. Phi có nghĩa là Tam muội, chỉ Đại Bi Thai Tạng Tam Muội.

Trong lúc Phật thuyết pháp, Thiên Nữ đã rải hoa Thiên Mạn Đà La cúng dường. Loại hoa cúng Phật này vốn đã tốt lành. Nay lại thấy loại hoa cát tường này được thấm ướt mưa Cam Lô, tự nó có thể tăng bội phần tốt lành nữa. Lại nữa, trước khi đức Phật Thích Ca thành đạo, trong một đời đã bỏ ra bảy (7) đồng tiền mua một đóa hoa sen vàng cúng dường lên đức Phật Nhiên Đăng, nhờ công đức này mà được thọ ký thành Phật. Vì vậy mà người xin quẻ này nên cúng dường, làm việc Phật sự, thì mọi sự đều toại ý.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Gia trạch bình an, cát tường như ý, tăng thêm người, có thai sanh được con gái. Nữ nhi chủ về sang quý. Phụ nữ được nhiều điều vui vẻ.
- 2. Tài Phú:** Tài sản của cải tăng thêm, đều được toại ý, chỉ tự mình mà nên sự nghiệp, tạo nên sự nghiệp mới không tốn sức bao nhiêu, chỉ do con người mà thành sự nghiệp.
- 3. Mưu Vọng:** Phàm có tính toán và ước mơ, càng ít tính toán càng tốt, thật là quá đổi vui mừng, không nghĩ đến mà có duyên cơ này.
- 4. Nhân Sự:** Sự quan hệ với người khác càng đến càng tốt. Đã trở thành một nhân vật trung tâm của sự xã giao. Rất nhiều sự quan hệ về công việc đều đã mang lại kết quả lợi ích. Nhất là cần sự giúp đỡ của phụ nữ. Nếu như hướng về Hoàng Tài Thần mà cầu đảo tài sản của cải sẽ được tăng lên.
- 5. Cừu Oán:** Không có thù oán với ai, chuyện thị phi đã chấm dứt, thưa kiện đều có lợi.

6. Người đi xa: Trên đường đi có một chút trở ngại, nhưng an toàn, vui vẻ. Người đi xa bình an, chỉ hơi đến trễ một chút. Tin tốt sẽ đến chậm một xíu.

7. Tật Bệnh: Tật bệnh sẽ dần dần thuyên giảm, đừng có lo ngại.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy nhiễu. Vì người xin quẻ thường hay cúng dường Tam Bảo, cũng thường giúp đỡ bạn bè, nhờ phước đức này mà không bị ma sùng. Phong thủy tốt, nhưng dời chỗ ở mới thì tốt hơn.

9. Mất đồ: Vật bị mất sẽ tìm lại được. Hiện tại thì chưa tìm được, một ít lâu sau khi không đề ý thì tự nhiên thấy lại.

10. Nhờ cậy: Phạm có nhờ cậy sẽ chậm một thời gian rồi cũng báo cho biết là như nguyện, nên nhờ cậy một người phụ nữ.

11. Hôn Nhân: Người chưa có gia đình tức sẽ gặp được lương duyên, tuy có trì hoãn một thời gian. Phối ngẫu với người mình có cảm tình càng lâu thì càng chắc chắn. Có người thứ ba xen vào, nhưng rồi họ cũng ra đi. Hôn nhân của bạn giống như: Sau cơn mưa thì trời lại sáng.

12. Linh tinh: Những điều đã xin đều tốt. Theo như tình trạng hiện tại thấy như là không tốt, nhưng sự việc có cơ hội sẽ chuyển qua tốt. Vì thế mà tương lai sẽ rất tốt đẹp.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Tịch Tĩnh Tôn.

Tín đồ Phật giáo nên hướng về Tứ Thiên Vương mà kỳ đảo.

Tóm lược ý nghĩa: Phước trạch càng tăng, vì vậy mà người xin quẻ không được gấp gáp, cứ mặc kệ cho sự phát triển tự nhiên.

18. Quẻ 18: Pa-Dhi (3-6)

Biểu Tượng: Cam Lô Dược (Thuốc Cam Lô)

Như dược Cam Lô liệu bá bệnh,
Nhứt thiết phiền não giai tiêu giải.
Lai vấn quái giả đắc thử chiêm,
Cát tường vân tập biến hoàng kim.

Tạm dịch:

Như thuốc Cam Lô trị được trăm bệnh,
Tất cả phiền não đều tiêu trừ.
Người đến xin quẻ được quẻ này,
Mây lành tụ lại biến thành vàng.

Tín Hiệu: Ư Nam phương, hoạch cát tường.
(Được tốt lành ở tại hướng Nam)

Trong Ngũ Phương Phật, phương Nam là Bảo Sanh Phật., chủ về tăng ích, tiền tài, của cải. Người xin được quẻ này chủ về được giàu có ở phương Nam, vậy nên 100 sự tính toán và

mơ ước đều được như nguyện. Trong thành đàn, người giữ cửa Bắc là Cam Lồ Minh Vương, Cam Lồ cũng như thuốc, có khả năng trị liệu tất cả các loại phiền não trong ngũ trược ác thế này như tham, sân, si, mạn, đố... Năm trước và ba độc không khởi lên, thì tự nhiên công đức sẽ tăng trưởng. Nhưng công hiệu của thuốc Cam Lồ vốn không chỉ trị phiền não trong Tâm, mà thực ra còn tăng trưởng Trí Huệ Xuất Thế Gian nữa.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Mọi người bình an, gia đình vui vẻ, sang năm sẽ tăng nhơn khẩu.

2. Tài Phú: Tình trạng hiện tại thực ra không có gì sai trái, tương lai rất đẹp đẽ. Hướng về phía Nam để cầu tài sẽ được toại ý.

3. Mưu Vọng: Tất cả kế hoạch đều mãn nguyện, lợi nhất là ở hướng Nam. Phàm có tâm nguyện lâu ngày tự nó thành công. Có nhiều đường giúp đỡ (có nhiều cách giải quyết rất thù thắng) không cần vội vã, nhưng cần phải giải trừ phiền não, tự nhiên sẽ cát tường.

4. Nhân Sự: Có nhân duyên rất tốt, được sự giúp sức, cả hai bên đều có lợi. Không nên có lòng muốn lợi tư riêng, nếu có sẽ gây oán thù.

5. Cừu Oán: Nếu có cừu thù thì cũng không có hại. Người mà đố kỵ bạn sau cùng sẽ trở thành bạn bè của bạn. Có kiện tụng cũng sẽ xoay chuyển tình hình và bạn sẽ thắng được.

6. Người đi xa: Trên đường đi bình yên, nếu đi về hướng Nam sẽ có tin vui bất ngờ, còn nếu đi về hướng Bắc tức kéo dài thêm thời gian. Khách đến đúng kỳ. Tin tức sẽ đến và là tin tốt.

7. Tật Bệnh: Theo lời dẫn của thầy thuốc, bệnh sẽ thuyên giảm. Tuy là bệnh nặng nhưng dần dần sẽ hồi phục.

8. Ma Sùng: Đến nay không có ma sùng. Có người trấn yểm mê hoặc như bà đồng, bà cốt, nhưng tất cả ma thuật đó đều bị tiêu trừ. Phong thủy tự nhiên biến thành tốt. Cảnh vật trong cũng như ngoài trong sự vô tình, vô ý đã cải biến thành tốt.

9. Thất Vật: Đi về hướng Nam hoặc Bắc mà tìm đồ bị mất nhất định là tìm lại được, nhưng phải làm ngay, chậm thì vật sẽ mất luôn.

10. Nhờ cậy: Nếu có nhờ cậy, người ta hơi do dự một chút, nhưng rồi cũng đồng ý, sau khi đồng ý người ta sẽ hết sức giúp đỡ.

11. Hôn Nhân: Nếu tri hoãn thì làm cho gia đình vui vẻ, không cần phải lo lắng. Người phối ngẫu vui đẹp dù có rạn nứt thì cũng nối lại. Người thứ ba sẽ tự động cáo lui. Sau cơn mưa trời lại sáng.

12. Linh tinh: Mọi điều muốn hỏi có thể nói chung là thành công. Lợi nhất là trong bại lại

thắng, xoay chuyển được thế cuộc. Nếu khuyên được người khác từ bỏ ý niệm xấu, những người ấy sẽ thành người tốt, mà còn được lợi ích ngoài ý muốn. Nếu phụ họa với người ta làm việc bậy, không những không thành công mà còn mang tai họa nữa.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Bảo Sanh Bộ, cũng có thể hướng về Liên Hoa Sanh Đại Sĩ mà cầu xin.

Tín đồ Phật Giáo có thể hướng về Phật Bảo Sanh mà cầu xin.

Tóm tắt ý nghĩa : Tiêu tai, giải nạn để được tốt lành. Vì thế mà người xin được quả này từ trong nghịch cảnh mà cũng chẳng lưu tâm.

19. Quả 19: Tsa Ah (4-1)

Biểu Tượng: Cát tường bạch tán (Chiếc lọng trắng cát tường)

Đại Bạch Tán Cái diêu diêu,
Thị vi cát tường chi triệu.
Chư ban tai ách giải tán,
Chiêm giả phước đức gia thiêu.

Tạm dịch:

Lọng Phật lớn trắng xoay che bóng,
Điềm tốt lành đang phóng chiếu ra.
Mọi điều tai ách tiêu ma,
Người xin được quả phước nhà thêm tăng.

Tín hiệu: Mãn viên tiên hoa, cập thời nhi khai.
(Hoa tươi nở đúng khắp vườn)

Chiếc lọng lớn màu trắng che đức Phật Mẫu. Ngài đã dùng lọng này để che bóng và bảo vệ chúng sanh khỏi nạn đao, binh, nước, lửa. Do đó người xin được quả này, có cùng một bó hoa rực rỡ, là một quả thật tốt. Tất cả nguyên nhân phát sinh ra mọi tai ách đều là cộng nghiệp của tập thể hay biệt nghiệp của mỗi cá nhân. Người thâm tín Phật lý phải thành tâm sám hối những tội lỗi của mình từ thời vô thi đến giờ, thì mới có thể chuyển đổi các trọng nghiệp thành quả báo nhẹ hơn và có thể tiêu mất. Nếu chỉ dựa vào tha lực mà không sám hối, thì chắc chắn những tai ách, quả báo đã thuần thực phải xảy đến. Nếu có được một nhân tốt đã trông từ trước thì chung cuộc sẽ có cơ hội nảy mầm, nở hoa, và kết trái. Người xin được quả này may mắn nhận được ý này.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Gia trạch bình yên. Không có chuyện thị phi khẩu thiệt. Người lâu năm muốn có con nhưng chưa có con, có hy vọng có thai. Nếu có thai sẽ sinh con trai.

2. Tài Phú: Tài sản tăng thêm. Tất cả mọi trở ngại đều biến mất. Nghiệp vụ cũ thay đổi thành tốt, lại còn lập thêm công việc mới.

3. Mưu Vọng: Mãn nguyện. Sẽ có tin tức tốt. Một đôi khi quyết định của bạn không có kết quả vì người ta không thực hiện những lời họ đã hứa với bạn. Lời hứa đó như bóng chim trên bầu trời, không tung tích. Cho nên chủ động không bằng bị động, nhưng nên chủ động trong việc giải quyết những hiểu lầm.

4. Nhân Sự: Nên xét lại sự quan hệ nhân sự trong quá khứ, để tăng thêm phần cải thiện, sau đó sự nghiệp của mình mới được người khác giúp đỡ. Có thể hướng về Hoàng Tài Thần mà cầu đảo, chắc chắn rằng dễ dàng được người giúp đỡ hơn.

5. Cừu Oán: Không nên sợ hãi, cừu oán không thể hại được. Không có thừa kiện.

6. Người đi xa: Khách sẽ đến liền, trên đường đi vui vẻ, không gặp trở ngại.

7. Tật Bệnh: Bệnh nhân sẽ phục hồi nhanh chóng. Nếu có giải phẫu cũng không gặp nguy hiểm.

8. Ma Sùng: Những trở ngại khó khăn của người xin quẻ không phải do ma sùng gây nên, mà hoàn toàn do tâm lý. Vì vậy mà không nên nghi thần, nghi quỷ về việc này. Phong thủy tốt, nên quét dọn thật sạch sẽ chỗ ở, đặc biệt là phải chú ý quét bụi đóng trên các quyền kinh.

9. Mất đồ: Đồ đã mất có cơ hội tìm lại được. Đôi khi người trong nhà là thủ phạm.

10. Nhờ cậy: Nhờ cậy sẽ gặp trở ngại, người ta nhận lời giúp đỡ, nhưng chỉ là lời hư, như hoa trong gương, trăng dưới nước. Cho nên nhờ người không bằng mình tự làm lấy.

11. Hôn Nhân: Giải quyết hết những trở ngại mới đẹp lòng người nhà. Có sự hiểu lầm với người phối ngẫu. Nên treo một bài chú trong phòng ngủ. Cần phải có thời gian mới tách người thứ ba ra được.

12. Linh tinh: Nói chung quẻ này chủ về tiêu tai giải nạn, vì thế tự lực thắng tha lực, bị động hơn chủ động. Nghĩa là cứ để tự nhiên có lợi hơn là tính toán, cầu mưu tích cực. Người xin quẻ nên hiểu ý này.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp tiêu tai.

Tín đồ Phật giáo nên hướng về đức Quan Thế Âm mà cầu đảo.

Tóm lược ý nghĩa: Đã quyết định chọn con đường mình đi thì cứ bình yên mà đến. Vì vậy người được quẻ này cứ từ từ hành động theo chương trình đã sắp đặt, không nên tiến hành vội vã (Vụt tốc bất đạt).

20. Quẻ 20: Tsa Ra (4-2)

Biểu Tượng: Đại hỏa diệm binh (Binh lửa qui mô)

Binh khí năng sanh đại hỏa diệm,
Sự nghiệp thành công bất đãi ngôn.
Thủ nãi dũng cảm chi thù báo,

Chiêm giả tu thiện hội thử ý.

Tạm dịch:

Vũ khí thường phát sinh ra ngọn lửa lớn,
Sự nghiệp thành công không cần phải nói.
Đây là phần thưởng cho sự dũng cảm,
Người xin được quả nên hiểu rõ ý này.

Tín Hiệu: Hàng địch tôi ma, tức khả thành công.
(Làm cho địch hàng phục, đẩy lui được ma tức là thành công)

Xin được quả Thành Đàn của ngài Diêm Mạn Đức Ca. Ngài Diêm Mạn Đức Ca là Phần Nộ Tôn, thống lãnh tất cả Phần Nộ quyền thuộc. Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đã hóa thân thành Phần Nộ, có khả năng trừ diệt ma oán, lại có thể giải quyết hết tất cả mọi sự khó khăn hiểu lầm. Bốn Tôn nổi giận nói: “Đánh bại địch nhân, đẩy lùi các ma.”

Có hai loại Bốn Tôn trong Mật Tông: Một loại là Tịch Tĩnh Tôn, còn loại thứ hai là Phần Nộ Tôn. Kỳ thực ra Phần Nộ Tôn là hóa thân của Tịch Tĩnh Tôn, cũng đại biểu cho sức mạnh đẩy lùi các chướng ngại. Mật Tông gọi là Ma, đó cũng chỉ là chướng ngại mà thôi. Trừ được chướng ngại tức là tự thành công rồi (hàng phục được ma).

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Thị phi khẩu thiệt từ từ được tiêu trừ. Hướng về Hộ Pháp mà cầu đảo tức tăng thêm phước trạch. Đã lâu năm chưa có con, sẽ có một con trai.

2. Tài Phú: Tài sản tiền của tăng thêm đột ngột vì chướng ngại đã không còn nữa. Trong sự cạnh tranh thì gặt được thắng lợi. Lấy yếu để thắng mạnh.

3. Mưu Vọng: Mưu cầu khắp nơi nhưng không được như ý. Lợi nhất là mưu tính việc chủ về sức mạnh làm đối thủ phải đầu hàng chịu thua, giải quyết các vấn đề hiểu lầm. Nên tu pháp hàng phục sẽ có được sự trợ giúp.

4. Nhân Sự: Nhờ những điều mình có sẵn cộng thêm sự giúp đỡ của người như là bằng vào thanh danh của chính mình cũng như sức mạnh của các vị nhân sĩ sống trong khu vực của mình (thì mọi khó khăn sẽ giải quyết được dễ dàng). Đối với đàn bà gặp một ít trở ngại nhưng cũng dễ giải quyết.

5. Cừu Oán: Có thể trấn áp được mọi sự thù nghịch, cừu oán trở thành giúp đỡ. Kiện tụng được thắng. Cải cộ thì hữu lý.

6. Người đi xa: Khách bình an, tin tức sẽ đến. Trên đường đi gặp một ít trở ngại, nếu như vậy thì cũng được phước. Tin tức thư từ sẽ đến, không cần nôn nóng.

7. Tật Bệnh: Tật bệnh sẽ nhanh chóng phục hồi. Giải phẫu rất tốt, không nên do dự.

8. Ma Sùng: Người xin quẻ có ý chí và sức mạnh nên ma sùng không thể hại được. Nên mở lòng từ bi đối với họ, chắc chắn ma sùng sẽ trở thành kẻ giúp đỡ.

Phong thủy dù xấu, tạm thời cũng không có ảnh hưởng. Nên sắp xếp lại bàn Phật, lau sạch tượng Phật và kinh sách, cũng như treo các bài chú.

9. Mất đồ: Vật đã mất tìm lại được dễ dàng. Đồ vật bị mất đã lọt vào tay người, cũng có thể nhờ sức mạnh mà lấy lại được.

10. Nhờ cậy: Nếu nhờ cậy được tức có thể thành công. Có gặp một chút trở ngại, nhưng tự nó biến mất. Nên tu pháp Trừ Chướng. Sau khi dùng sức mạnh để làm người ta qui phục rồi, nên lấy lòng từ bi mà giúp đỡ họ.

11. Hôn Nhân: Người chưa có gia đình thì hôn sự sẽ thành công. Người phối ngẫu có tính hay cãi một chút, nhưng cũng không có hại lắm. Nếu có người thứ ba họ sẽ tự động ra đi.

12. Linh tinh: Quẻ này biểu tượng dùng sức mạnh để làm người ta qui phục. Do đó mà nói chung là chủ về phá trừ chướng ngại, giải quyết hiểu lầm đạt được thành công.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Diêm Mạn Đức Ca.

Tín đồ Phật giáo hướng về ngài Thập Nhứt Diện Quan Âm để kỳ đảo, sức mạnh sẽ tăng lên.

Tóm tắt ý nghĩa: Hàng phục được người ta rất có lợi. Muốn được thành công sự việc này, người xin quẻ phải bỏ công sức của mình ra. Nhất là lấy lòng từ bi mà đối xử với những người đã qui phục. Nên dành cho họ một chỗ trống để xoay sở, chớ không nên bịt kín lối thoát.

21. Quẻ 21: Tsa Pa (4-3)

Biểu tượng: Không hư tâm trí (Tâm trí trống không)

Hữu như phong tuyên ư không cốc,
Thanh âm tuy hưởng khước không hư.
Chiêm giả ký đắc như thị chiêm,
Tâm trí không hư diệc nhược thị.

Tạm dịch:

Như có gió thổi xoáy vào trong hang trống,
Âm thanh tuy vang lên nhưng vẫn là hư không.
Người xin quẻ này đã được như thế đó,
Tâm trí trống không cũng như vậy.

Tín Hiệu: Phong quyền bạch chỉ, thùy năng tróc tri?
(Gió cuốn tờ giấy trắng, có ai chụp lại được không?)

Sứ giả của Đại Ma La đi tuần du tất cả đô thị và thôn ấp của thế giới yêu tinh. Trong lúc tuần du về phía Tây Bắc đã nói rằng: “Thật là rất khó để chụp lại một tờ giấy trắng đã bị gió thổi bay tung và cuốn đi. Ai có thể chụp lại được?” Vì vậy nên tin tức trong quẻ này không tốt. Những điều mong cầu đều như bắt gió. tất cả những sự đã mưu tính tại sao lại thất bại, e rằng trong lòng của người xin quẻ không có chủ động, chẳng có một ý định nào, thật khó mà thành công. Lại có thể vì căn bản chưa đủ, nhưng lại làm việc không tương (không thực tế) như xây lâu đài giữa không trung là một điều khó thực hiện.

Nhà Phật nói về Tánh Không, còn gọi bản chất của sự vật là không thật, chứ không nói Tâm Trí là hư không, trống rỗng. Người xin quẻ nên rõ điều này.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Người trong nhà bất an, ồn ào cãi cọ rất bức bối. Người trong gia đình hoặc sinh ra ly tán, hoặc bị tổn thương, hoặc sinh bệnh tật. Tất cả đều không tốt. Hãy mau mau cầu đảo hóa giải. Nên tụng nhiều chú Đại Bi.

2. Tài Phú: Có mưu tính thì cũng không được gì, mất tiền tốn của. Hãy gấp rút chỉnh đốn lại kế hoạch. Chưa tính toán suy nghĩ kỹ lưỡng, nhất định không khai triển kế hoạch mới. Nếu khai triển tức làm cho sự việc đã định rồi sẽ bị thay đổi. Cho nên phải suy nghĩ thật kỹ rồi hãy làm sau. Không được đầu cơ. Tiền tài vào trong tay mình, và cũng do mình mà tiền tài chạy ra.

3. Mưu Vọng: Không vì những việc nhỏ nhen mà mất quá nhiều tâm trí, không nên; phải biết mọi sự việc khi đến thì tự nhiên nó đến. Nếu nhờ người khác, chỉ bằng không nhờ, trái lại mọi việc đã tính toán đều được hữu ích. Tâm tư chưa định được, thì cũng mờ mịt như bắt gió.

4. Nhân Sự: Dem sự việc của mình mà giao phó cho người khác làm, kết quả cũng hư hỏng. Nên chỉ dẫn thật rõ ràng, sau đó người ta mới có thể thực hiện được. Nếu trong lòng mình do dự, chẳng bằng đem sự việc ấy mà bỏ đi. Phụ nữ làm việc này đều hư hỏng.

5. Cừu Oán: Người mang ơn mình lại trở thành kẻ thù. Nếu có thể gặp đối phương mặt đối mặt để khai thông những bế tắc thù oán, chắc chắn không có hại lớn. Tồn tiền để khỏi tai nạn, bạn có thể giúp đỡ cho người thù hận bạn, họ đối xử với bạn tốt ngay và bạn sẽ có lợi. Có kiện tụng nên hòa, có cãi cọ thì nên giải thích.

6. Người đi xa: Trên đường đi tuy không gặp khó khăn lớn, nhưng cũng khó đạt được mục đích. Người đi trở về với tay không, tin tức sẽ đến nhưng vô ích.

7. Tật Bệnh: Chủ về bệnh nhiễm gió lạnh, hoặc thuộc bệnh khí đại. Trong thân thể ngũ đại không điều hòa: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, và Không đại. Bởi vì sự quan hệ với người khác không tốt, nên tinh thần bức bối, tâm trí bất an, tách rời bọn họ tức được tự tại. Không kể tinh thần hay thể xác bệnh hoạn, đều phải nên điều dưỡng từ từ, không có cách gì để phục hồi ngay được, có giải phẫu cũng vô ích.

8. Ma Sùng: Tuy không có hại lớn, nhưng cũng nên cầu đảo, có thể tu pháp Thanh Tịnh Mộc Dục, hoặc Trừ Chướng. Thần quỷ đều thuộc về âm tánh, vì thế nên tế cúng nữ Bồ Tôn. Phong thủy không tốt, thiếu ánh sáng mặt trời chiếu đến. Nên treo các bài chú nơi chỗ thiếu ánh sáng.

9. Mất đồ: Vật mất rồi khó tìm lại được. Tìm kiếm chỉ phí tâm lực mà thôi.

10. Nhờ cậy: Nếu có đi nhờ cậy đều khó vừa ý. Công việc nhờ cậy mà có mục tiêu bất minh thì bạn tốt cũng khó giúp đỡ.

11. Hôn Nhân: Theo đuổi cũng giống như bắt gió. Người phối ngẫu có tâm bệnh, mỗi người mong nhớ tự thấy bóng mình. Có người thứ ba xen vào, rất khó tách ra.

12. Linh tinh: Nếu có chủ trương, người khác cũng chẳng nghe theo. Tất cả mọi hy vọng đều lạc vào hư không. Do hai điều trên mà người xin quẻ nên kiểm thảo lại kế hoạch của mình, nếu thấy rằng chính xác tức hạ quyết tâm tiến hành. Trong tiến trình phải luôn kiểm thảo, xem xét lại. Nên tích lũy công đức. độc tụng kinh luận để cầu tâm khí an bình. Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Bồ Tôn. Còn tín đồ Phật giáo nên tìm hiểu và học về Tánh Không. Nên tụng Bát Nhã Tâm Kinh.

Tóm tắt ý nghĩa: Lòng nát tan từng mảnh, vì thế mà tinh thần bấn loạn, vật chất tổn hao.

22. Quẻ 22: Tsa Tsa (4-4)

Biểu Tượng: Thăng dương danh vọng
(Danh tiếng vang lừng)

Thăng lợi cổ thanh hưởng,
Thanh vọng định thăng dương.
Chiêm giả đắc thử quái,
Kim sí điều phi tường.

Tạm dịch:

Thăng lợi tiếng trống vang xa,
Thanh danh nhất định lầy lừng.
Người xin được quẻ này,
Chim Kim Sí Điều bay xa.

Tín hiệu: Chinh phục thập phương, kỳ phiêu sơn diên.
(Chinh phục hết thấy 10 phương, cờ bay phát phới trên đỉnh núi)

Quân Trà Lợi Minh Vương nói: “Thời giờ đã đến, hãy chinh phục khắp 10 phương, phát cờ xí và cắm trên đỉnh núi.” Quẻ này chủ về danh tiếng vang lừng của người xin quẻ, tên tuổi vang dội xa gần như con của chim Kim Sí Điều đã chiến thắng rồng ác, đang rong chơi trên bầu trời. Danh vọng đã cao, công việc cũng dễ thành công, vì thế quẻ này chủ về sự nghiệp thành công, vì thế quẻ này chủ về sự nghiệp thành công, danh lợi song thu. Tuy nhiên, bạo phát cũng

dễ bạo tàn, tức thì Kim Luân Vương liền chinh phục khắp nơi, cho nên sự nghiệp đó cũng khó để lại cho muôn đời sau. Vì thế mà người xin được quả này hãy dành một ít cho người khác, không nên chiếm hết toàn bộ lợi ích về tay mình, hãy ban cho người một chút ân huệ, ắt là phước đức sẽ đến. Nếu thường làm việc công đức, hoằng dương Phật Pháp thì điều tốt lành sẽ đến.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Hiện trạng không có gì sai trái, tương lai lại tốt đẹp hơn, tăng nhơn khẩu, người có thai sanh con trai. Con trai đó không đến nỗi nghịch ngợm, bướng bỉnh. Khi vận nhà của mình đang lên, hãy để tâm săn sóc kẻ dưới.

2. Tài Phú: Tài sản tiền của sẽ tăng thêm. Không nên ý thể mà lăng mạ người khác, nếu làm việc trên thì hậu quả về sau bị ảnh hưởng không ít, trước mắt tuy có được nhiều lợi, nhưng cái được chẳng thể bù cái mất. Cũng không nên dùng sức mạnh để đấu với người, vì thâm hoạch kết quả rất ít.

3. Mưu Vọng: Phạm có tính toán thì được tốt, nên thành thật ở tốt với mọi người để thu phục họ như thế là tự giúp mình rồi. Nếu dùng uy lực để áp bức hay dụ dỗ, chắc chắn chỉ gặt hái được việc nhỏ, việc lớn không thành ví như công việc đã xong được chín (9) phần chỉ còn một (1) phần nữa mà không hoàn tất được. Đôi khi người đàn bà cũng gây sự hiểu lầm.

4. Nhân Sự: Quan hệ nhân sự tốt, tuy có người khác giúp đỡ cũng rất tốt.

5. Cừu Oán: Kẻ thù tuy muốn gây cản trở, nhưng cũng thất bại, kiện tụng được thắng, không có thị phi.

6. Người đi xa: Trên đường đi vui vẻ, hết sức vui mừng, khách sẽ đến ngay, lại có mang tin tức tốt. Tất cả tin tức đều tốt.

7. Tật Bệnh: Nguyên nhân là Phong đại không điều hoà, nên cũng không có trở ngại lớn, trị liệu sẽ hồi phục dần dần, không cần giải phẫu.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy phá, nhưng trong nhà có một người nữ thường thấy những điều quái dị. Lý do gây nên việc này hoàn toàn do tâm lý tác dụng. Phong thủy tốt, chỉ cần quét vôi (son) lại mới một lượt là xong, chẳng cần làm thêm gì nữa.

9. Mất đồ: Hãy mau mau đi tìm vật bị mất ở hướng Đông Bắc, thì có thể tìm lại được.

10. Nhờ cậy: Có nhờ cậy thì được như ý, nhưng đối xử với kẻ dưới lịch sự một chút, thì người dưới sẽ tận tâm tận lực giúp mình.

11. Hôn Nhân: Trời tác hợp, nhân duyên sẽ thành tựu. Không có hiềm khích gì với người phối ngẫu. Vợ chồng hoà hiệp, nghe lời nhau. Có người thứ ba cũng không đủ để gây nên tay họa. Hãy tu pháp Cam Lô Thủy.

12. Linh tinh: Ngoài sự liên quan đến đất và nước (Địa đại và Phong đại) ra không hề có một trở ngại nào cả, không cần hao hơi tốn sức mà cũng thành công. Tuy nhiên những công việc liên quan đến Địa đại và Thủy đại tức có gặp trở ngại, nên tìm sự giúp đỡ để giải quyết.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Hộ Pháp.

Tín đồ Phật giáo nên hướng về Đức Thích Ca mà sám hối cầu xin.

Tóm tắt ý nghĩa: Thành công tức thì lại còn có thanh danh. Quẻ này thật đúng là “Danh lợi song thu”. Thật là một quẻ tốt.

23. Quẻ 23: Tsa Na (4-5)

Biểu Tượng: Tụ hội quần Ma (Quần Ma tập trung)

Đại Ma La tụ hội,
Phàm sự giai bất tường.
Chiêm giả phùng thử quái,
Mộc đoạn tại trung ương.

Tạm dịch:

Thế giới Ma đang tập hợp lại,
Tất cả mọi sự đều không tốt.
Người xin được quẻ này,
Như cây bị chặt đứt giữa thân.

Tín hiệu: Cây cỏ bị cắt ngay chính giữa thân.

Người giữ cửa Đông ngoài Thành Đàn Thế Giới đã lớn tiếng gào thét: “Hãy dùng lưỡi liềm mà cắt sạch tất cả các loại cây cối.” Tín hiệu này cho biết công việc sẽ thất bại giữa đường, giai đoạn giữa không hoàn tất được. Người xin được quẻ này thật là không tốt. Tuy nhiên cũng có nhiều sự việc, Ma do Tâm sanh ra, như hành giả của Mật Tông tu trì Mật pháp, tự nhiên cảm thấy chán nản, nửa đường bỏ tu. Như thế gọi là “Trung Đoạn Ma”, đó cũng do tâm Ma tức do Tâm mà thôi. Người xin được quẻ này, phải có thành tâm quyết chí, cắt nhưng không bỏ thì mọi sự việc có thể thay đổi, không nên nản lòng thoái chí.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Hiện trạng không được tốt đẹp, cãi cọ phiền não, sanh nhiều khẩu thiệt, hoặc có bệnh nặng đến nỗi tử vong....Đề phòng sảy thai hoặc sanh non

2. Tài Phú: Bị thiếu thốn khó khăn, tạm thời chưa có cơ hội thay đổi. Nên tu pháp trừ chướng. Cũng phải nên tính trước tình huống bị thất nghiệp. Đầu cơ là đại bất lợi, thời cơ sẽ mang đến lầm lẫn, sai trái.

3. Mưu Vọng: Tính toán và ước mong đều bất lợi, kế hoạch sẽ đổ vỡ nửa đường.

4. Nhân Sự: Tuy có bạn tốt nhưng họ không thể giúp đỡ được.

5. Cừu Oán: Ở trong thành hoặc hướng Đông của thành, có cừu thù quấy phá, có thể tập kích rất mạnh, nên chú ý hết sức cẩn thận. Kiện cáo bất lợi, khó mà biện minh nổi oan cho mình.

6. Người đi xa: Trên đường đi gặp nhiều trở ngại, chi bằng không đến. Khách bị trở ngại và chậm trễ, sau này người ta mới hối hận về chuyến đi này. Tin tức không đến được.

7. Tật Bệnh: Bệnh nhân bị bệnh đàm có phần nghiêm trọng, giống như loại trúng gió. Chủ về bệnh thuộc hệ thống hô hấp, đưa đến tình trạng khó thở. Thử đổi bác sĩ, nhưng không được mời bác sĩ ở giữa thành phố hoặc phía Đông thành phố vì rất bất lợi. Giải phẫu cũng không giúp ích được gì. Nên hướng về bảy (7) đức Phật Dược Sư mà cầu đảo và trì tụng chú Đại Bi.

8. Ma Sùng: Vì có Địa Thần xâm quấy. Người trần yểm đã làm một gói đồ màu vàng, một gói đồ hình vuông, hoặc một nhà nhỏ hình vuông. Người đó đã bỏ những món đồ đó vào rồi, nên mình phải nhanh chóng hóa giải ngay. Vật mà người ta bỏ cho mình do một người đồng cốt đứng van vái rồi, và qua tay một người đàn bà để đưa đến bỏ ở nhà mình. Người xin quẻ này đã ở tại một nơi trước đây mà chưa có người ở, phong thủy quá xấu, nên dời đi nơi khác là tốt nhất. Tạm thời có thể treo chú Quán Âm Thập Nhất Diện đối diện với cửa ngõ hay cổng vào để hóa giải.

9. Mất đồ: Tiền bạc đã vào tay kẻ vô loại (vô luân thường, đạo lý) tiêu xài. Nếu là đồ vật đã lọt vào tay kẻ tham lam, cả hai tiền bạc và đồ vật bị mất đều không thể tìm hay lấy lại được.

10. Nhờ cậy: Người được yêu cầu giúp đỡ đã buộc mình phải làm đủ các loại kiến nghị, đến nỗi yêu cầu phải quan tâm săn sóc họ vô thời hạn, rồi kết quả chung cuộc cũng chẳng như ý. Người được yêu cầu giúp đỡ đầu tiên là có ý thành thật, nhưng vì bị xúi dục nên giúp đỡ nửa chừng đành nghỉ luôn.

11. Hôn Nhân: Lời thề non hẹn biển cũng trở thành không có. Người phối ngẫu cũng rất dễ xa nhau. Có người thứ ba vào phá. Tình cảm của người thứ ba này tuy có nhưng cũng không giữ được bền.

12. Linh tinh: Ngoài việc trừ tà ác ra đều rất khó thành công. Chỉ có làm việc ác là thành công nhưng cuối cùng lại nhận quả xấu.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp phóng Đa Mã, hiến Mạn Đạt, cúng dường Thượng Sư, đồng thời tu pháp Thanh Tịnh Mộc Dục, pháp Trừ Chướng.

Tín đồ Phật giáo nên cung hành nghi thức Sám Hối.

Tóm lược ý nghĩa: “Trên đầu bị hòn núi đè nặng” cho nên tất cả mọi sự việc đều phải tạm hoãn tiến hành để tiêu trừ áp lực.

24. Quẻ 24: Tsa Dhi (4-6)

Biểu Tượng: Như Ý bảo thọ (Cây quý Như Ý)

Chiêm đắc Như Ý bảo thọ,
Trị dương vạn sự như ý.
Hung sự diệt năng giải tán,
Chiêm giả cát tường vô lượng.

Tạm dịch:

Xin được quả cây quý Như Ý,
Tự nhiên vạn sự đều được như ý.
Mọi chuyện hung dữ đều tan biến,
Người xin được quả này có cát tường không kể xiết.

Tín hiệu: Khai thành bố công, vạn sự hanh thông.
(Công khai thành thật, mọi việc đều hanh thông.)

Người giữ cửa hướng Đông của Thành Đàn nói rằng: “Bạn đã tiến vào được cung điện vận may.” Vì vậy mà quả này thật là thuộc vận may, đến lúc vui mừng quá đổi. Cây quý như cây Như Ý sanh ở trên trời (Thiên giới), nếu có sự cầu xin, cây đó liền có thể ra trái Như Ý. Có thể sanh ra người trời. Tất cả là đại phước báo do cây công đức sanh ra, nên người xin quả này cũng phải vun trồng công đức, thì sau mới hưởng được quả tốt lành.

Quả này khuyên rằng nên thành thật khai báo. Nếu người làm ác mà xin được quả này thì phải thành thật thú nhận tội lỗi và sám hối thì sẽ chuyển họa thành phúc, còn làm trái lại là không tốt. Như vậy nhất định là không nên làm xằng làm bậy thì khỏi phải rắc rối về sau.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Nhà cửa bình yên đầy phước trạch. Mọi sự đều được viên mãn, có điềm vui tăng thêm người. Người có thai bình an. Nếu có sinh non cũng không có hại. Nếu có thể cảm hóa được người trong nhà thì thật là một điều phước đức cho gia đình.

2. Tài Phú: Không nên dùng sức mạnh để giành giật, nước chảy đến đâu thì thành mương, rãnh đến đó. Lập nghiệp vụ mới ắt có lợi, không nên cạnh tranh mang tánh xấu ác. Của cải, tiền bạc sẽ dần dần như mầm nảy mùa xuân, thời cơ đã đến lúc chín muồi.

3. Mưu Vọng: Tất cả mọi toan tính đều được cát tường, chỉ thời gian ngắn tức được thành tựu. Những công việc mà người khác bỏ, bạn cứ nhận lấy mà làm, nhất định thành công không cần do dự.

4. Nhân Sự: Sự hợp tác với nhau lâu dài, ta và người được hòa khí, phát tài, người khác quây hương sẽ đem đến vận khí tốt. Chư Thần bảo vệ, gặp được cơ duyên, vì thế mà cùng với người ta bàn bạc tức gây được sự chú ý hoặc được sự giúp đỡ đặc biệt.

5. Cừu Oán: Hãy mở rộng lòng mình thì không có một ai là cừu oán cả. Mọi sự thù oán đều theo tâm hòa giải của bạn mà chuyển biến. Nên tu pháp Cam Lộ Mộc Dục, chuyện thị phi dễ chấm dứt. Kiện tụng có thể thắng (được minh oan).

6. Người đi xa: Đang đi thì gặp được người bạn tốt, trên đường đi rất vui vẻ. Khách đến ngay lại có mang theo tin tốt.

7. Tật Bệnh: Cứ theo lời dặn của thầy thuốc tức dễ thuyên giảm. Nếu có giải phẫu thì cũng không có trở ngại. Duy chỉ hệ thống sinh đẻ bị bệnh có phần khó lành, nên nghỉ ngơi để lấy thời gian mà trị liệu.

8. Ma Sùng: Muôn điều lành vẫn tập lại, nên 100 thứ xấu cũng chẳng hại được. Phong thủy tốt, nếu cửa chính và đường đi đối xứng nhau thì tốt.

9. Mất đồ: Nên tìm đồ vật đã mất tại hướng Đông hoặc hướng Bắc.

10. Nhờ cậy: Kế hoạch đang làm có phần chậm, nhưng một khi tiến hành chắc chắn được sự trợ giúp trên nhiều phương diện. Phàm có nhờ cậy đều được vui vẻ.

11. Hôn Nhân: Người chưa lập gia đình chắc chắn lập được gia đình. Người đã có gia đình thì được tốt đẹp, không có hiềm khích nhau. Không có người thứ ba xen vào.

12. Linh tinh: Mọi sự đều như ý, tốt đẹp. Nếu có tính toán đi làm ăn xa, thì cơ sự có thể hơi bị kéo dài, điều này cũng không trở ngại vì kết cuộc rồi cũng như ý muốn.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Tứ Tỳ Đại Hắc Thiên.

Tín đồ Phật giáo nên hướng về ngài Bảo Sanh Như Lai mà cầu đảo.

Ý nghĩa chung: Mang tin tức tốt đẹp và vui vẻ lên đỉnh núi.

25. Quẻ 25: Na-Ah (5-1)

Biểu tượng: Kim Sơn (Núi Vàng)

Hoàng kim vi sơn tại Nhân tiền,
Bất đán phong nhiêu thả kiên ổn.
Chiêm giả năng đắc thủ quái tượng,
Định thị tiền sanh hữu túc nhân.

Tạm dịch:

Vàng đã tạo nên một hòn núi trước mắt,
Không những vô số mà còn vững chắc nữa.
Người xin được quẻ này cũng được như biểu tượng của quẻ,
Nhất định kiếp trước đã có đủ nhân duyên.

Tín Hiệu: Bất biến chi cát tường tấn hiệu.
(Tín hiệu tốt không đổi thay)

Tín hiệu tốt lành không thay đổi, nghĩa là được điềm tốt lành đến một cách chắc chắn. So sánh những vận may đã đến với những điều ước muốn thì quá nhiều. Người xin được quẻ này đã

có đủ thiện nghiệp để hưởng phước báo. Nhà Phật rất coi trọng nhân quả. Tất cả nhân quả căn bản đều do nghiệp lực, nhưng để tạo ra kết quả nghiệp lực cũng có vô số trợ duyên. Như trồng hoa thì phải bón phân, tưới nước, sẵn sóc, tía nhánh, bắt sâu... Do đó muốn có kết quả được mỹ mãn, cũng phải tạo trùng trùng thiện duyên tương trợ. Người được quẻ này đừng say sưa mãi nguyện mà nên làm việc thiện, chắc chắn sẽ đạt những điều tốt đẹp lâu bền. Nếu như một khi mà ác nghiệp sanh quả, tức thì các điều tốt lành không còn tồn tại lâu bền nữa.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Gia trạch hưng long không suy sụp, tăng thêm nhân khẩu. Người có thai bình an.

2. Tài Phú: Tiền của tài sản tiếp tục tăng thêm. Sự nghiệp ổn định, có thể phát triển thêm sự nghiệp mới. Nên mở văn phòng địa ốc có thể thu lợi.

3. Mưu vọng: Phàm có tính toán làm ăn đều được kết quả tốt đẹp, và được chắc chắn lâu bền. Chuyện lớn chắc có chậm trễ một chút, nhưng kết cuộc so với dự tính thì rất tốt.

4. Nhân Sự: Có một người bạn lớn tuổi sẽ tăng phần giúp đỡ. Sự giúp đỡ sẽ nối tiếp nhau không dứt.

5. Cừu Oán: Vì người xin quẻ có sức mạnh nên kẻ thù không thể làm hại được. Chuyện thị phi cũng dễ chấm dứt. Kiện tụng cũng được thắng.

6. Người đi xa: Trên đường đi gặp chuyện phiền phức như mất đồ, lỡ chuyện... Khách tuy chậm nhưng đến được, tin tức sẽ đến sau, chờ không lâu.

7. Tật Bệnh: Không tai họa, chẳng bệnh hoạn.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng nào đến quấy phá cả. Phong thủy tốt, không cần thay đổi, sửa sang lại là tốt, dùng các màu sắc tươi sáng để trang hoàng. Nên treo Chú luân và cờ câu đảo.

9. Mất đồ: Đồ vật mất chưa lọt vào tay người khác.

10. Nhờ cậy: Kế hoạch trước mắt phàm đi nhờ cậy người ta giúp đỡ đều sinh chương ngại về người, hoặc trả lời chậm, nhưng một khi đã tiến hành kế hoạch, tức thì thuận lợi. Những việc đã xin giúp đỡ đều được thành công.

11. Hôn nhân: Lương duyên do trời tác hợp, nên tình yêu keo sơn. Người phối ngẫu tình cảm rất hòa mỹ. Không có người thứ ba phá rối.

12. Linh tinh: Tất cả những điều đã hỏi đều được tốt đẹp. Duy chỉ việc hỏi đường đi làm ăn, buôn bán ở xa, chắc có chuyện trì trệ, nhưng cũng chẳng cần vội vã, cuối cùng cũng sẽ thành.

Tín đồ Mật Tông có thể tu pháp Liên Hoa Bộ, hoặc pháp Mẫu Tục Phần Nộ Tôn. Cũng có thể cúng dường Hoàng Tài Thần và Đa Văn Thiên Vương.

Tín đồ Phật Giáo hướng về ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát để sám hối và kỳ đảo.

Tóm lược ý nghĩa: Đứng thật vững chắc chẳng lay động. Vì thế mà quẻ này nên Tĩnh chớ nên Động. Giữ sự nghiệp củ tốt hơn là kế hoạch mới. Tất cả mọi sự việc đều đã có cơ sở tốt lành và ổn định.

26. Quẻ 26: Na-Ra (5-2)

Biểu tượng: Thiên Ma (Ma Trời)

Ma La Thiên Ma dĩ xuất hiện,
Sở chiêm giai kiến bất cát tường.
Hiệp như hỏa thiêu tân phòng xá,
Chiêm giả nan miễn tân ưu phiền.

Tạm dịch:

Ma La và Thiên Ma đã xuất hiện,
Những điều xin hỏi đều không tốt.
Giống như ngọn lửa đốt cháy ngôi nhà mới,
Tâm người xin quẻ khó tránh khỏi nỗi ưu phiền.

Tín Hiệu: Hy vọng chi hỏa, phần thiêu tự thân.
(Ngọn lửa hy vọng, đốt cháy chính mình)

Trong lúc tuần du ở cửa Tây ngoại thành đàn (Mạn Đà La) Ma Lừa Dối đã nói rằng: “Ngọn lửa hy vọng một khi đã cháy lên tức kết quả đã trái ngược là tự đốt cháy chính bản thân mình.” Vì vậy mà tín hiệu của quẻ này không tốt. Ý của quẻ nói rằng: “Con người khi có bất cứ sự mong cầu nào đều đưa đến kết quả trái ngược là sợ hãi và ưu phiền.”

Nhà Phật từ trước đến nay đã nói rằng Vô Minh là gốc rễ dẫn đến luân hồi. Gọi là Vô Minh là vì sự chấp trước về Ta và Người (Ngã, Nhân) hay Ta và Pháp (Ngã, Pháp). Niềm hy vọng đều do sự chấp trước của Tự Ngã mà sinh ra. Vì thế mà ngọn lửa hy vọng có thể đốt cháy tự thân. Người xin quẻ này cũng chưa nếm được vị của đạo lý Không nên có trở ngại cho việc phản tỉnh bản thân mình. Một niềm hy vọng, một sự mong muốn không chỉ cầu một việc tự lợi cho chính mình mà còn cầu cho được những sự tốt lành nữa.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Nhà cửa không yên, sanh nhiều chương ngại. Chuyện thị phi khẩu thiệt đã phát sanh nhiều do các sự hiểu lầm dẫn đến. Càng muốn thêm người lại càng khó có.

2. Tài Phú: Rất dễ dàng đưa đến tổn thất, nhất là đầu cơ. Sự nghiệp củ vốn đã không yên, lập nghiệp vụ mới lại không dễ dàng. Hãy cẩn thận! Nghiệp vụ có nhiều trở ngại lớn, chủ về cạnh tranh có tánh xấu ác.

3. Mưu vọng: Tất cả mọi sự tính toán, mong cầu mờ mịt như bắt bóng. Có một nam nhân sẽ đem đến nhiều rắc rối, nhưng lại có thể góp được ý tốt.

4. Nhân Sự: Bạn bè cũng giống như đám tro tàn của gấm, lụa vừa đốt xong, rất là mềm yếu. Nên tụng chú Đại Bi để cầu nguyện..

5. Cừu Oán: Cừu oán sẽ tăng phần phá hoại nhất là tại hướng Tây Nam, phải hết sức cẩn thận. Chuyện thị phi có thể tăng nhiều thêm. Kiện tụng sẽ bị thất bại. Nên tụng chú Đại Bi để cầu nguyện.

6. Người đi xa: Trên đường đi gặp nguy hiểm, tiền bạc và tánh mạng khó bảo toàn. Người đi xa đang ở trong vùng nguy hiểm, tin tức đã bị thất lạc.

7. Tật Bệnh: Chủ về bệnh đàm, nhiệt, và máu huyết. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, thử hỏi thầy thuốc xem sao. Nên tụng chú Đại Bi và treo Chú luân của ngài Quán Âm Thập Nhất Diện. Không nên giải phẫu.

8. Ma Sùng: Những vật mà người ta làm cho mình phải kinh sợ đó là những vật có hình tam giác, vật màu đỏ, hoặc là những gói đồ có máu và thịt từ hướng Tây đem đến để hại bạn. Nếu bạn đốt những tạp vật hoặc rác rến ở nhà bếp trong đó có những vật lạ xâm hại bạn sẽ dẫn đến nguy hiểm cho bạn. Phong thủy bất lợi, đổi chỗ ở là tốt. Tạm thời có thể treo chú Quán Âm Thập Nhất Diện ở hướng Đông.

9. Mất đồ: Vô phương tìm lại vật đã mất. Không nên phí công.

10. Nhờ cậy: Do vì chướng ngại đến quá nhiều, nên có nhờ cậy cũng không có kết quả. Sau khi được sự trả lời, mình lại ân hận. Chỉ nói chơi một lời, mọi việc tốt đều hỏng.

11. Hôn nhân: Người mình yêu không phải là người tốt, không bằng tìm lại đối tượng khác. Người yêu đó, dung mạo thì được, nhưng lòng dạ lại xa cách. Người thứ ba đang chiếm hết ưu thế.

12. Linh tinh: Tất cả mọi việc xin hỏi đều không tốt. Muốn làm việc hư hỏng lại trở nên thành công. Nên phải cẩn thận để ý về hậu quả, nhất định chịu đựng sẽ bất lợi, sẽ bị luật pháp trừng trị.

Nên tu pháp Trừ Chướng. Ngoài pháp này ra không còn một pháp nào nữa hết. Nếu không biết tự tu pháp này thì cũng không thể tìm người tu thế cho mình được. Cho nên chỉ có cách là đến trước bàn Phật thành tâm sám hối vô lượng tội khiên, đồng thời tụng chú Đại Bi 100 biến.

Tóm tắt ý nghĩa: Đau khổ làm cho người sinh phiền não. Vì vậy mà người xin quẻ nên biết về nghiệp lực và nhân quả, phải tích đức và làm việc thiện để bù đắp lại.

27. Quẻ 27: Na-Pa (5-3)

Biểu tượng: Bảo Bình (Bình Báu)

Bảo bình mãn tải định phong thu,
Thử tượng hựu danh như ý ngư.
Chiêm giả đắc ngư vi canh khẩn,

Bắt lao khí lực bội thu thành.

Tạm dịch:

Bình báu chứa đầy những loại định thu vào,
Biểu tượng này lại có tên là Con Trâu Như Ý.
Người xin quẻ được con trâu khai khẩn cây bừa,
Chẳng tốn công sức mà kết quả lại bội thu.

Tín Hiệu: Ký đắc kim bình, hựu đắc Cam Lô.
(Đã được bình vàng, lại được nước Cam Lô)

Ngài Bạch Văn Thù Sư Lợi dạy rằng: “Được Bình Báu bằng vàng chứa đầy nước Cam Lô, mười phần tốt đẹp.” Trong biểu tượng của quẻ này nói về bình báu là một trong tám (8) biểu tượng cát tường của Mật Tông Tây Tạng. Thông thường dùng Bảo Bình để đựng đồ ăn như các loại lúa mạch. Cho đến cả Con Trâu Như Ý cũng là thuộc loại thần vật trong truyền thuyết dùng để cày đất. Người cày có thể được thỏa mãn tất cả những điều như ý nguyện. Nay trong Bảo Bình đã đựng đầy nước Cam Lô, đương nhiên là điều kiết tường.

Ngài Bạch Văn Thù có khả năng hóa giải tai nạn, vì thế mà quẻ này làm tiêu trừ tai ách, là một điềm tốt thu hoạch được sự thành công gấp đôi. Trở ngại từ trước không còn nữa, nên từ nay trở đi mọi sự mưu tính đều không phí mất sức lực nữa.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Trong gia đình vui vẻ, sau cơn mưa trời lại sáng. Người đã lâu chưa có con, nay có tin vui sẽ sanh được một cháu gái.
- 2. Tài Phú:** Nghiệp vụ từ đây sẽ rất thuận lợi và hanh thông, tài sản cũng từ đây mà tích tụ lại. Những tổn thất trong quá khứ nhất định sẽ được bù đắp lại. Có thể hợp tác với người để tiến hành kế hoạch mới.
- 3. Mưu vọng:** Trong lòng sinh vui vẻ, không còn những điều bất lợi nữa. Những tính toán trước đây còn có những sự trở ngại, nay thì thuận lợi hoàn toàn. Đàn bà xin được quẻ này thì tốt.
- 4. Nhân Sự:** Trở lực nay đã biến thành trợ lực. Chỉ cần mở miệng tức thời thành tựu.
- 5. Cừ Oán:** Không có cừ oán, cũng chẳng bị trộm cướp. Trước đây thì gặp chuyện thị phi rắc rối, những điều đó đã tan thành mây khói.
- 6. Người đi xa:** Trên đường đi có chút trở ngại nhưng cũng vui vẻ nhiều. Khách đến trễ một chút cũng chỉ vì vui thích, cao hứng. Tin lành sẽ tới.
- 7. Tật Bệnh:** Bệnh nhân từ từ hồi phục. Không cần giải phẫu, không cần đổi bác sĩ.

8. Ma Sùng: Tuy có yêu tinh yểm trấn, nhưng không có hiệu quả. Phong thủy nếu có thể sửa đổi thì tốt hơn. Hãy chú ý đến một vật hình tròn ở hướng Nam hoặc hướng Bắc.

9. Mất đồ: Đối với chỗ ở thì ngay ở giữa hoặc phía Đông mà tìm. Đối với chỗ vật bị mất thì vật đang ở về hướng Nam.

10. Nhờ cậy: Đối với người được yêu cầu giúp đỡ, nếu họ không tận lực, họ sẽ ân hận. Một lần yêu cầu thì không thành, lần thứ nhì tức được toại nguyện. Nên yêu cầu người vợ vì bà có ảnh hưởng với người chồng.

11. Hôn nhân: Chớ vì những chuyện nhỏ không vừa ý trước mắt mà thôi lui. Người yêu còn giữ vẻ chưa thân mật nhưng cảm tình đã phát triển. Người thứ ba sẽ tự động rút lui.

12. Linh tinh: Tất cả mọi điều xin trong quẻ đều được tốt lành như ý. Nếu được tiếp nhận pháp Quán Đảnh của Tài Thần càng tốt đẹp hơn.

Tín đồ Mật Tông có thể tu phép “Tượng Vương Kim Cang” hoặc tu “Hộ Pháp Bí mật Cúng Đường.”

Tín đồ Phật Giáo hướng về ngài Tỳ Lô Giá Na Phật mà cầu đảo, hoặc tụng chú Văn Thù Sư Lợi.

Tóm tắt ý nghĩa: Đất tốt sẽ mọc lên cây Như Ý lớn, vì thế người xin quẻ này sẽ được tâm nguyện.

28. Quẻ 28: Na-Tsa (5-4)

Biểu tượng: Sa Khuru (Đụn cát)

Sa khuru trình hiện chằm phàn đăng,
Tâm nguyện do như phong quyện trần.
Chiêm giả nhược nhiên đắc thử quái,
Đồ lao không tưởng uống lao tâm.

Tạm dịch:

Đụn cát xuất hiện làm sao mà trèo lên?
Những gì mà tâm đã nguyện giống như gió cuốn bụi trần.
Người xin nếu tự nhiên mà được quẻ này,
Đã phí công vào chuyện không tưởng lại còn phải lao tâm.

Tín Hiệu: Kim ốc di vi bình địa.
(Nhà vàng đã sang bằng thành bình địa)

Sứ giả của Ma-La ở hướng Đông Bắc nói rằng : “Ngôi nhà bằng vàng sẽ dần dần bị sang bằng và trở về với cát bụi. Vì thế mà quẻ này biểu tượng cho sự thất bại. Hãy nhìn lại những sự việc rất thành công từ trước đến nay có khi cuối cùng lại tan nát thất bại. Vì thế người chiêm

được quẻ này nên cẩn thận, để tâm theo việc, không nên chủ quan mà khoe khoang. Từ xưa đến nay các hành động đều vô thường, cho nên người đã thành công cũng có thể chỉ một ý nghĩ thoáng qua mà trở nên thất bại, vì không tự chế được một xử sự nhỏ, chung cuộc có thể thành đại nạn. Người xin quẻ nên hiểu ý này. Nếu còn giữ cái cũ, hoặc những điều ước muốn, mong cầu đã tiêu tan, hãy chờ thời cơ thì vô sự, nhưng sự nghiệp cũ cũng chẳng sợ hãi lắm.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Gia đạo dần dần đi xuống, chuyện thị phi ngày ngày phát sinh. Có tổn hao nhân khẩu.

2. Tài Phú: Của cải, tài sản ngày càng hao mòn. Nếu trong lòng vẫn thủ cựu, phải kiểm thảo những khuyết điểm, khắc phục những việc làm thiếu suy nghĩ để đổi mới. Như thế mới có thể giữ được những điều may mắn. Nhất định không nên đầu cơ, cũng như đừng mạo hiểm mà đầu tư.

3. Mưu vọng: Nửa đường làm ăn gặp một sự biến đổi to lớn; những sự tính toán không thành. Đừng bao giờ có ý định dốc hết túi đánh ván bài cuối cùng.

4. Nhân Sự: Không nên dựa vào những quan hệ mới, còn những quan hệ cũ thì hoàn toàn bất lực. Đừng tin vào những lời mà người ta vui miệng nói lung tung.

5. Cừu Oán: Có kẻ thù oán xen vào để lấy bớt lợi ích và tài sản. Chuyện thị phi tự nhiên gia tăng. Chuyện kiện tụng đột nhiên trở nên phức tạp, thậm chí đến chỗ thua kiện. Nên tu pháp Cam Lộ Mộc Dục.

6. Người đi xa: Trên đường đi vẫn bình an, rất đáng tiếc là sau khi đến được mọi sự đều không được như ý. Khách sẽ đến ngay, cũng đáng tiếc là đã mang đến đau thương, phiền muộn. Tin tức sẽ đến ngay nhưng chỉ là tin xấu.

7. Tật Bệnh: Bệnh nhẹ không có hại lắm, có thể bình phục nhanh. Nếu có giải phẫu phải suy nghĩ cẩn thận.

8. Ma Sùng: Tuy không có ma sùng lớn, nhưng cũng đủ để làm cho thân tâm khốn khổ. Đã từng gây ra những việc bất thiện nên khiến cho ma sùng phát sinh, lập tức sám hối để cầu xin. Nên tu pháp Cam Lộ Mộc Dục. Phong thủy không tốt. Bạn đã từng sửa lại những điểm sai ở đây, nhưng những sửa sang này đã làm hư phong thủy.

9. Mất đồ: Vật bị mất để càng lâu càng khó tìm lại.

10. Nhờ cậy: Nhờ cậy ngay thì được như ý, nhưng trên thực tế cũng vô ích mà thôi. Phàm có nhờ cậy, đều có khó khăn. Người ta không thương bạn đâu!

11. Hôn nhân: Có thành công trong việc đi tìm cũng chẳng làm đẹp lòng gia đình được. Người phối ngẫu đã biến đổi sự nhớ thương và đã thay lòng đổi dạ. Nhười thứ ba không ngừng nghĩ thắt chặt sự thân mật.

12. Linh tinh: Những điều đã hỏi đều không có kết cuộc. Chỉ những công việc có tính cách phá hoại có thể nói là thành công. Tín đồ Mật Tông nên hướng về ngài Liên Hoa Sanh Đại Sĩ mà cầu nguyện thật nhiều. Cũng nên tụng kinh Mai Tàng Kim Tử để tiêu trừ tai ương. Tín đồ Phật Giáo nên hướng về Bảo Sanh Phật mà kỳ đảo. Có thể thành tâm tụng chú Đại Bi.

Tóm tắt ý nghĩa: “Núi lở tan tành thành cát bụi.” Vì thế mà biểu tượng tợ như không có gì là xấu nhưng thực chất đã nhìn thấy những hao tổn không thấy nằm chờ sẵn bên trong. Người xin quẻ nên hiểu ý này.

29. Quẻ 29: Na-Na (5-5)

Biểu tượng: Kim Ốc (Tòa lầu đài bằng vàng)

Kim ốc xuất hiện ư quái tượng ,
Phạm sự quang đại thả cát tường.
Chiêm giả sở vấn giai ổn cố,
Hạnh vận tiền trình vô hạn lượng.

Tạm dịch:

Tòa lầu đài bằng vàng xuất hiện,
Tất cả mọi sự đều rất tốt đẹp.
Những điều xin hỏi đều bền chắc và ổn định,
Tương lai vận may không hạn định.

Tín Hiệu: Hoàng kim địa thượng, kiến thất bảo lâu.
(Trên mặt đất bằng vàng, xây lầu bảy báu.)

Đa Văn Thiên Vương nói rằng: “Trên mặt đất bằng vàng xây lầu bảy báu, làm cho người ta phải kinh ngạc và vui vẻ.” Lấy vàng thay đất thì nền móng rất chắc chắn, vì vậy quẻ này chủ về ổn định và rộng lớn. Người xin được quẻ này, những điều đã cầu đảo chắc chắn sẽ tốt đẹp trong tương lai. Tuy nhiên lấy vàng thay đất, xây lầu bảy báu thực ra là diễn tả cảnh giới Tịnh Độ. Nhà Phật nói về Tịnh Độ không phải chỉ vàng ròng sáng chói, mà chỉ để so sánh với thế giới ngũ trược ác thế này: đất này dơ bẩn (do tâm chúng sanh nhơ bẩn), đất Phật thanh tịnh (do Tâm Phật thanh tịnh). Vì thế mà nói có vô lượng của báu trang nghiêm. Nếu Tâm chúng sanh thanh tịnh thì Tâm tức là Tịnh Độ. Do đó người xin quẻ phải hiểu ý trên. Tâm không còn nhiễm độc, biết được sự tiến thoái, lại có thể biết được công đức của Niết Bàn, ắt là tự phát sinh điều tốt lành.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Thời vận gia trạch đang lên, tương lai rạng rỡ, tăng thêm người, có thai sẽ sanh con gái.

2. Tài Phú: Hiện tại rất tốt, tài nguyên không dứt, có thể phát triển tốt trong tương lai, giữ củ tạo mới đều tốt cả. Cùng người hợp tác phát triển càng nhanh.

3. Mưu vọng: Do cơ sở đã ổn định, cho nên những mưu tính đều được kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên cũng có sự chậm trễ kéo dài đó là điều không thể tránh khỏi.

Nên cúng tế Thổ Thần và Tài Thần chắc chắn sẽ được mãn nguyện.

4. Nhân Sự: Sự quan hệ với người phát triển nhanh chóng, các nguồn giúp đỡ các nơi đều đưa đến. Đây là một biểu tượng thật vui mừng. Đặc biệt là chủ về sự giúp đỡ của đàn bà.

5. Cừu Oán: Chung quanh không có cừu oán và nhòm ngó, cứ yên tâm không có thị phi hay kiện tụng. Chỉ có một chút hiểu lầm, chỉ cần một lời để thông cảm là xong.

6. Người đi xa: Khách đã bị chậm lại vì lạc đường, trên đường đi bình an vui vẻ, không cần lo lắng. Khách sẽ đến ngay. Đi ra khỏi cửa là đã bình an, nhưng có một chút không vừa ý như việc lạc đường. Mục đích sẽ đạt được. Tin tức tốt sẽ đến.

7. Tật Bệnh: Tuy bị trọng bệnh nhưng không nguy hại đến tính mạng. Giải phẫu kết quả sẽ tốt. Không nên thay đổi bác sĩ.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng, cũng chẳng có đồng cốt, mà chỉ cần nghỉ ngơi một thời gian rồi làm việc lại. Sau thời gian nghỉ ngơi sẽ khỏe khoắn. Phong thủy tương đối tốt, chỉ có một chút là âm thịnh dương suy (Xem phần Linh tinh để chuyển hóa)

9. Mất đồ: Đồ bị mất đang còn để tại chỗ chưa di chuyển, nếu quá lâu không tìm lại thì vật mất sẽ lọt vào tay kẻ khác.

10. Nhờ cậy: Phạm có tham khảo, nhờ cậy nên làm ngay, nếu không thì công việc sẽ kéo dài chậm chạp. Nên nhờ cậy người đàn bà.

11. Hôn nhân: Người chưa lập gia đình thì có quá nhiều đối tượng, vì thế khó lòng chọn lựa hay quyết định. Việc tình duyên cần nên lựa chọn người có đức độ hơn là sắc đẹp. Còn người đã có gia đình rồi chớ nên thay lòng; sanh thêm tà ý nếu không thì ba năm sau sẽ nhận sự đau khổ.

12. Linh tinh: Công việc ổn định. Quẻ này rất tốt. Nếu hỏi về những việc có tính biến động như các loại đi đây đó, thay đổi nghề nghiệp, chức vụ... chắc chắn sẽ bị trở ngại và chậm trễ. Quẻ này chỉ lợi cho việc xây dựng không lợi về việc phá hoại.

Tín đồ Mật Tông nên cầu Tài Thần Phật Mẫu, và nên chôn dấu một Bảo Bình tại hướng Đông của nhà ở thì sẽ được lợi ích.

Tín đồ Phật Giáo nên hướng về ngài Địa Tạng Bồ Tát mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Đề vật báu này chồng lên vật báu kia.” Thật là một quẻ tốt và phát triển ổn định. Quẻ này nghiên Tịnh không nên Động.

30. Quẻ 30: Na-Dhi (5-6)

Biểu tượng: Bảo Tạng (Kho Báu)

Tây môn thủ hộ cáo hỷ tấn ,
 Bảo tàng dĩ khai quân hoạch thủ.
 Tùng thủ vận trình tắc hanh thông,
 Phóng tâm tiền hành định như ý.

Tạm dịch:

Người giữ cửa Tây báo tin vui,
 Kho báu đã mở cửa mà bạn đang nắm giữ.
 Nhờ đây mà thời vận được hanh thông,
 Cứ yên tâm tiến hành công việc, sẽ được như ý.

Tín Hiệu: Do nhũ đặc lạc, tự hải thái châu.
 (Do sửa mà có bờ, nhờ biển mà lượm được ngọc.)

Vị giữ cửa Tây của Mạn Đà La nói: “Cửa Đông của kho báu đã mở ra.” Ý câu này muốn nói nhờ sửa bờ mà làm được bờ như trong đại dương mà tìm được ngọc quý. Theo Mật Tông Tây Tạng, Bảo Tàng còn có nghĩa riêng là “Tạng báu của Pháp”. Tạng này có nhiều Pháp như đá núi động rừng (Sơn nham lâm động), chờ sẵn người có duyên cầu học, nghiên cứu. Đó là “Nham truyền”. Nếu có một số Đại Đức đối với Mật Pháp đã đặc biệt thành tựu, do tâm ý mà Mật Pháp được nói ra ắt được gọi là “Ý truyền”. Do đó mà mở kho báu làm cho Tài và Pháp, hai loại này có ý vị. Người xin được quẻ này nên bố thí, tốt nhất là Tài thí và Pháp thí. Thường bố thí tất gặp nhiều may mắn.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Gia trạch ổn định và bình an, tương lai tốt đẹp. Gia đình tăng thêm người. Trong nhà nếu có người có thai thì sẽ sanh con trai.
- 2. Tài Phú:** Hiện tại nghiệp vụ phát triển thuận lợi. Thuận buồm xuôi gió, không có chuyện bất lợi. Mở thêm nghiệp vụ mới ắt gặp trở ngại. Nhưng trước sau đều khắc phục được, sau tiến trình này thì được nhiều may mắn vô kể.
- 3. Mưu vọng:** Căn bản được ổn định, mưu vọng tự nhiên thành. Trong vòng một năm so với nhiều người đã có ý kiến khác, nên kiên nhẫn để giải thích cho họ, tức sẽ có nhiều người giúp đỡ.
- 4. Nhân Sự:** Quan hệ nhân sự tốt, nhưng cần phải gia tăng thêm sự giải thích để thông cảm. Một khi đã giải thích thì mình nói điều gì người ta cũng nghe theo.
- 5. Cừu Oán:** Hiện chưa có oán thù, nhưng về sau sẽ có người đổ ky. Nên đề phòng sự ám hại. Chuyện thị phi tạm thời không có, tuy nhiên sự kiện thừa bất lợi.
- 6. Người đi xa:** Đi du lịch thuận lợi vui vẻ. Người đi sẽ về đến, tuy trên đường đi có gặp trở ngại nhỏ, nhưng chưa đủ để gây ra tai họa. Tin tức sẽ đến, không cần nôn nóng.

7. Tật Bệnh: Mọi tật bệnh đều được phục hồi mau chóng. Có thể nghe theo lời bác sĩ mà giải phẫu.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng quấy nhiễu. Nhưng nên cúng Địa Thần.

Phong thủy không tệ lắm, nên treo Chú luân thì tốt hơn.

9. Mất đồ: Nên tìm đồ vật mất ở gần chỗ đã mất thì có thể tìm lại được.

10. Nhờ cậy: Lâu dài mà nói, nhờ cậy có thể thành công. Nếu có mục đích muốn kết bạn với những người hiểu biết có sức lực giúp đỡ, nên mất một thời gian giao tế. Chớ không thể nhờ cậy ngay được.

11. Hôn nhân: Ra công tìm kiếm thì sẽ có duyên đẹp. Đối với người phối ngẫu nên tha thứ cho nhau. Có người thứ ba nên cần phải dành thời gian mà nói chuyện để hóa giải.

12. Linh tinh: Tất cả mọi chuyện đã hỏi đều dễ thành công. Nếu hỏi về tài phú tất hướng về Tài Thần mà cầu đảo. Những sự liên hệ đến đất (đại địa) thì tương lai rất rục rờ.

Tín đồ Mật Tông có thể hướng về Hoàng Tài Thần, Đa Văn Thiên Vương mà kỳ đảo, ngoài ra cũng nên tu pháp Địa Thần cúng dường.

Tín đồ Phật Giáo nên hướng về ngài Địa Tạng Bồ Tát mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Đất bằng dựng lên lâu cao.” Đây là do nền móng vững chắc biểu thị sự thuận lợi và phát triển. Vì vậy mà người xin được quẻ này trước hết phải lo kiểm tra lại phần cơ sở có vững chắc không, sau đó mới tính chuyện phát triển.

31. Quẻ 31: Dhi Ah (6-1)

Biểu tượng: Diệu Cát Tường (Ngài Văn Thù)

Diệu Cát Tường Đồng Tử gia tử ,
N như châu bảo đặc nhập thủ trung.
Chiêm văn giả ký đặc thủ tượng,
Tự nhiên sự sự tận hưng long.

Tạm dịch:

Diệu Cát Tường Đồng Tử đã che chở cho bạn,
N như viên ngọc quý lọt vào tay.
Người xin được quẻ này,
Mọi sự tự nhiên được hưng thịnh.

Tín Hiệu: Bỏn giác trí khai, giác tánh tự lai.
 (Bỏn tánh đã giác ngộ, trí huệ đã khai mở thì giác tánh tự đến)

Đại Lạc Thần Kỳ của Tâm đã nói: “ Một khi mà Trí Bỏn Giác thanh tịnh mở ra tức tự có thể thành tựu. Nhà Phật đã nói về Tánh Giác còn gọi là Tánh Không đó là sự chứng ngộ rất cần

thiết cho người tu. Chứng ngộ được cảnh giới này cũng giống như cá gặp nước, lạnh nóng tự tri, không thể nói được vì cảnh giới này vượt ngoài ngôn ngữ. Đã ngộ nhập được Tánh Không tức đắc được Bốn Giác Trí. Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Diệu Cát Tường Đồng Tử) được gọi là Đại Trí. Trí huệ đó cũng là trí Bát Nhã còn gọi là Tánh Không. Vì vậy mà Ngài cầm pháp khí gồm cây kiếm lửa trí huệ và một quyển kinh Bát Nhã trên hoa sen để làm biểu tượng. Người xin được quẻ này cũng như được Ngài Diệu Cát Tường Đồng Tử hiện thân thuyết pháp cho, khi đã được đại trí rồi thì tự nhiên thành tựu. Tuy nhiên quẻ này cũng không lấy trí huệ của thế gian làm chủ, nên người xin được quẻ này cũng không nên đắm đuối quá đáng trong thế gian pháp vậy.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Thời vận gia trạch tốt, yên bình và không chướng ngại. Trong nhà tăng thêm người. Có thai sẽ sanh con trai.
 - 2. Tài Phú:** Tài sản tăng thêm hoàn toàn như ý, cầu tài thuận lợi, không có chướng ngại.
 - 3. Mưu vọng:** Mọi sự mong cầu, tính toán đều không có gì trở ngại, vì là một người có sức mạnh nên không bị bắt nạt, lừa bịp; do đó cũng không nên tự tâm phát lòng nghi ngờ. Nếu chuyên cần tu Mật Pháp, tức tất cả mọi việc sẽ dễ dàng thành công.
 - 4. Nhân Sự:** Quan hệ về nhân sự không ngừng gia tăng.
 - 5. Cừu Oán:** Những người cừu oán bạn sẽ quay lại tôn kính bạn, không cần phải lý lẽ cãi cọ, chuyện thị phi sẽ tự nhiên chấm dứt. Kiện tụng có thể được giải hòa.
 - 6. Người đi xa:** Trên đường đi bình yên và lại an nhàn thoải mái. Khách đến đúng hẹn. Chẳng bao lâu tin tức sẽ đến.
 - 7. Tật Bệnh:** Bệnh nhân nên nghỉ ngơi để mau hồi phục. Không cần giải phẫu.
 - 8. Ma Sùng:** Không cần lo lắng. Không có ma sùng quấy nhiễu. Tương lai cũng không có ma sùng sanh sự cho nên không có sự xâm hại nào.
- Phong thủy tốt, có một chút việc cần sửa đổi lại là thỏa mãn.
- 9. Mất đồ:** Đồ vật mất dễ tìm lại, tự nó sẽ trở lại không cần lo buồn.
 - 10. Nhờ cậy:** Phạm có nhờ cậy đều được như ý.
 - 11. Hôn nhân:** Trời ban cho nhân duyên nên không có chuyện bất lợi. Người yêu tình cảm rất tốt. Không có người thứ ba phá rối.
 - 12. Linh tinh:** Tất cả mục đích đều được thành tựu.

Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Liên Hoa Sanh Đại Sĩ và pháp Ngài Văn Thù.

Tín đồ Phật Giáo nên hướng về Văn Thù mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Vị đã thống trị 36 thành” vì vậy mà cả thế gian và xuất thế gian, trí tuệ đều được như nguyện.

32. Quả 32: Dhi Ra (6-2)

Biểu tượng: Như Ý Kết (Nút Như Ý)

Vô tận Như Ý kết,
Chiêm giả tâm an lạc.
Như nhon chí hoa phổ,
Mãn Nhân xuân quang tại.

Tạm dịch:

Gút Như Ý vô tận,
Người xin quả tâm an lạc.
Như người đến vườn hoa,
Ánh sáng mùa xuân hoa ngợp mắt.

Tín Hiệu: Mãn Nhân phong quang, thỉnh quân nhập mục.
(Quang cảnh ngợp mắt, mời bạn nhìn xem)

Nút Như Ý còn gọi là Gút Vô Tận vì tượng trưng cho sự tốt lành nên cũng gọi là cát tường vô tận. Cũng giống như dưới ánh sáng xuân ngợp mắt, nhìn xem không cùng, mệnh mệnh bát ngát. Người xin được quả này có thể nói là sự mong ước thành tựu một cách lộng lẫy mê hồn. Vì thế mà quả này lợi về sự hoàn thành tất cả mọi kỳ vọng cũng như ý muốn nói về con đường phía trước đầy tươi sáng. Những việc mong muốn đều lấy những việc trước mắt làm cơ sở, không thể nào không làm mà thành tựu được. Lại còn gọi là Cát Tường Vô Tận là chỉ về sự tốt lành mà nói. Nếu làm việc không tốt thì người xin quả phải chịu sự bất tường. Ở Tây Tạng xin quả để chế thuốc độc, dùng để sát trùng hoặc trị bệnh hoặc đi săn, đều không coi quả này là quả tốt. Do vậy cứ theo phương pháp loại suy mà luận ra ý quả này.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Nhìn bên ngoài có vẻ bực bội, nhưng thực tế thì ồn ào nhộn nhịp. Nhân khẩu cứ tiếp tục tăng thêm, gia đạo cũng theo đó mà được đầy đủ. Có thai sanh được con trai.

2. Tài Phú: Tuy không thấy được sự đại phát, nhưng thấy được sự tiến bộ dần dần. Không cần tính toán kế hoạch mới, sự nghiệp cũ cũng đã tốt lành rồi.

3. Mưu vọng: Do mục đích đúng đắn nên không có sự bất lợi. Nếu cầu sự việc được hài hòa và cát tường, tất được mãn nguyện. Nếu không thì khó tránh được sự chậm trễ và chướng ngại sẽ phát sanh.

4. Nhân Sự: Sự quan hệ giao tế được tốt đẹp mỹ mãn. Một lần nói chuyện lâu dài với người ta, có thể mang lại nhiều kết quả lợi ích. Tất cả mọi người xem bạn như là hạt nhân của phạm vi phát triển công việc, do đó sự giao tế, quan hệ nhân sự đã tăng trưởng.

5. Cừu Oán: Không có cừu oán. Cuộc sống yên ổn như mặt nước hồ thu. Có những chuyện thị phi nhỏ nhặt không cần quan tâm. Không có chuyện kiện tụng.

6. Người đi xa: Trên đường đi chơi an nhàn thoải mái, cũng có dừng chân một chút. Tin lành sẽ đến.

7. Tật Bệnh: Sẽ mau mạnh không cần lo lắng. Hãy nghe theo lời chỉ dẫn của bác sĩ là tốt nhất.

8. Ma Sùng: Tâm của bạn thanh tịnh, ma sùng tự nhiên sẽ không sanh. Nhưng nếu bạn có ác tâm, tức ma sùng sẽ khởi dậy. Phong thủy bình thường, nhưng có sức mạnh lâu dài.

9. Mất đồ: Phải đi tìm đồ vật bị mất ngay lập tức.

10. Nhờ cậy: Nếu có nhờ cậy ai giúp đỡ đều được thuận lợi. Nếu còn nuôi ác ý trong việc nhờ cậy đối với người, tuy là có thuận lợi nhưng rồi cũng đưa đến tai họa.

11. Hôn nhân: Lương duyên đẹp đôi tự nhiên thành tựu. Tình cảm của người yêu càng lâu càng bền vững. Không nên nghi ngờ thần, quỷ, không có người thứ ba quấy phá.

12. Linh tinh: Nói chung quẻ này chỉ lợi cho việc làm thiện chứ không có lợi cho việc làm xấu, ác như sát sanh để cúng tế... Những việc làm tốt mới có thể duy trì được sự nghiệp liên tục. Tín đồ Mật Tông nên tu pháp Liên Hoa Sanh Đại sĩ hay Kim Cang Tát Đỏa. Tín đồ Phật Giáo nên hướng về Văn Thù hay Quan Thế Âm Bồ Tát mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Nguyện vọng sung mãn trong tình hữu nghị.” Do đó phải nên hiểu quẻ này chỉ lợi cho hòa hợp không có lợi cho giải tán. Lợi cho việc thiện, không lợi cho việc ác.

33. Quẻ 33: Dhi Pa (6-3)

Biểu tượng: Mẫu Kim Ngư (Cá Mạ Vàng)

Mẫu Kim Ngư chiêm đắc tại thủy,
Bát thích thích sung mãn sanh khí.
Đổi lai hảo vận thủy sanh cơ,
Chiêm giả phùng chi thật cát lợi.

Tạm dịch:

Nhìn được cá mạ vàng dưới nước,
Làm cho nước bắn tung tóe lên đầy sức sống.
Đem lại vận tốt và nhựa sống,
Người xin được quẻ này thật là tốt đẹp và lợi lạc.

Tín Hiệu: Cam Lò mộc dục, phước huệ câu tăng.
(Tắm nước Cam Lò, phước huệ đều tăng.)

Cõi Tịnh Độ của Phật gồm có ao bảy báu, nước tám công đức, thực ra đó là nước Cam Lò. Thường tắm nước ấy tự nhiên sanh ra mọi sự tốt lành, phước đức trí huệ đồng thời tăng trưởng. Vì vậy người xin được quẻ này, sức sống dạt dào như cá vàng lướt sóng ra biển để sanh cá con đông đúc. Thật là vận may đến nên với hai bàn tay trắng đã làm nên đại nghiệp. Gặt hái được điều này là đã có nhân trước về phước huệ tăng trưởng rồi. Phước, huệ hai thứ này: Phước là phước báo của thế gian. Huệ là trí tuệ xuất thế gian. Cả hai thứ đồng thời tăng trưởng, chắc chắn sự nghiệp phải thành công. Cho nên người xin quẻ hãy dựa vào Phật Pháp mà tu trì để chứng ngộ được Tánh Không, nhờ đó mà được pháp Cam Lò Vị.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Trong nhà xương thanh, của cải và nhân khẩu một đường đi lên. Người có thai lại chủ về sanh con gái.

2. Tài Phú: Của cải tăng gia thuận lợi, không có trở ngại. Cá vàng ra biển, theo diềm này mà tạo ra tình thế mới; của cải tự nhiên theo đó mà đến.

3. Mưu vọng: Mưu vọng thành công. Thật là điều vui mừng hết sức.

4. Nhân Sự: Giao tế nhân sự tăng lên dần dần, sự quan hệ với người ta càng ngày càng rộng lớn. Phái nữ sẽ mang đến sự giúp đỡ to lớn nhất.

5. Cừu Oán: Kẻ thù oán không có cơ hội để hại bạn được. Chuyện thị phi dù có cũng chẳng hại gì.

6. Người đi xa: Trên đường đi rất vui vẻ, không có trở ngại. Người sẽ đến ngay. Tin tốt đến chậm.

7. Tật Bệnh: Bệnh nhân sẽ hồi phục.

8. Ma Sùng: Ma do Tâm mình sanh. Tinh thần cõi mờ Tâm Ma tự nó biến mất. Tụng kinh nhiều, chuyên cần tu Mật Pháp thì không những không có Ma mà còn có thể giúp cho mọi điều cầu mong đều được thành đạt. Phong thủy tốt, làm thêm sẽ sinh ra tai họa. Chỉ nên treo Chú Luân ở những nơi tối tăm âm u.

9. Mất đồ: Vật bị mất đang ở nguyên chỗ cũ, rất dễ tìm, không cần sốt ruột.

10. Nhờ cậy: Thời cơ đã đến, nếu nhờ cậy thì sẽ có kết quả, nhờ một giúp mười, hết sức vui vẻ.

11. Hôn nhân: Lương duyên sẽ mau thành tựu. Người phối ngẫu hòa nhã và đẹp.

12. Linh tinh: Những điều đã hỏi đều được thuận lợi hài hòa, đạt được thành công. Tốt nhất là việc hỏi thăm về y dược.

Tín đồ Phật Giáo Mật Tông nên Đốt Lửa Cúng, tu pháp Di Lạc Bồ Tát, tự nhiên mọi sự cát tường đều tăng trưởng.

Tín đồ Phật Giáo nên hướng về ngài Di Lạc Bồ Tát mà sám hối kỳ nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Có động cơ và tâm nguyện đều được thành tựu.” Vì thế mà quả này chủ về tương lai tươi sáng, do sự phát triển nhỏ từ từ thuận lợi cát tường, cuối cùng đều được mãn nguyện và thành tựu vượt quá mức mong muốn.

34. Quả 34: Dhi Tsa (6-4)

Biểu tượng: Bạch Pháp Loa (Tù Và Trắng)

Bạch pháp loa thanh vận du trường,
Bạch pháp loa thanh âm hưởng lượng.
Chiêm giả hỷ đắc thử quái pháp,
Định nhiên như ý thả cát tường.

Tạm dịch:

Thanh vận của tù và trắng vang rất xa,
Âm thanh của tù và trắng rất trong.
Người xin rất vui được quả pháp này.
Mọi ý định tự nhiên được tốt đẹp.

Tín Hiệu: Vinh dự như mỹ diệu nhạc âm.
(Vinh dự như âm thanh của nhạc diệu tuyệt vời)

Tù Và (pháp loa) là một loại pháp khí của Mật Tông. Ở miếu của các vị Lạt Ma sớm tối đều thổi tù và. Quan trọng nhất là lúc cử hành nghi lễ cũng có thổi tù và, vì tù và được thổi lên một tiếng là có nghi thuyết pháp của một vị Đại Đức hoặc vị đó đang tu trì Mật Pháp. Trong Mật Đàn Bát Cúng, một trong tám thứ cúng dường là Pháp loa đại biểu cho nhạc khí. Nhìn một cách đúng đắn về pháp loa so với các loại khác như linh, trống thì quan trọng hơn. Pháp nhạc của Mật Tông đều có tác dụng làm trang nghiêm cho nghi thức. Pháp loa là một loại pháp khí trang nghiêm nhất trong các loại. Vì vậy quả này lấy âm thanh của pháp loa làm biểu tượng vinh dự của người xin quả được tăng trưởng. Trong ngôn ngữ và hành động đều lấy vinh dự làm đầu. Có như vậy thì tự gặt hái được sự tốt lành.

GIẢI ĐOÁN:

1. Gia Trạch: Hiện tượng không xấu, ảnh hưởng được tốt và đem lại sự vui vẻ. Nhân khẩu tăng thêm, gia đạo tốt. Có thai sinh con trai, mang lại cho gia tộc thanh danh và vinh dự.

2. Tài Phú: Có cơ duyên đến, những tính toán về kinh doanh được đạt lợi. Có một số tin tức chính xác sẽ đến có lợi về tài nguyên. Không nên đầu cơ là điều tốt nhất.

3. Mưu vọng: Mưu vọng có thể như nguyện, sẽ có tin tức tốt. Những công việc đã tính toán cùng với giọng nói và âm nhạc đều có quan hệ với nhau, đặc biệt rất tốt, cũng có lợi về biện luận nữa.

4. Nhân Sự: Sự quan hệ nhân sự đúng, cũng nên giải thích rõ ràng với tất cả tấm lòng cởi mở của mình với mọi người để thuyết phục được đối phương. Bạn chỉ cần nói rõ lý do về những đề nghị của bạn tức thì được mọi phía ủng hộ.

5. Cừu Oán: Không có kẻ thù muốn hại. Những thù oán cũ đã tiêu tan hết rồi. Tất cả chủ trương sẽ phụ giúp bạn. Chỉ cần bạn thốt một lời là tất cả chuyện thị phi đều tan biến. Kiện tụng được thắng.

6. Người đi xa: Trên đường đi có kết giao được người bạn tốt. Khách sẽ mang tin vui đến, thông tin sẽ đến ngay, tin tức đều vui.

7. Tật Bệnh: Đối với thân thể chẳng có sự tổn hại nào lớn cả, tuy nhiên tinh thần chịu đựng mọi điều khó khăn. Nên tụng kinh và tu các Pháp để ổn định tinh thần. Trì tụng chú Đại Bi cũng được. Nếu xả bỏ hết tất cả những chuyện khúc mắc trong lòng, vạn sự như ý định sẽ cát tường.

8. Ma Sùng: Không có ma sùng, quỷ, thần, hay đồng cốt xen vào quấy phá. Phong thủy tốt nhưng màu sắc không được ổn.

9. Mất đồ: Sẽ có tin tức xác thực đến, không cần phải lo lắng hay nôn nóng.

10. Nhờ cậy: Phạm có nhờ cậy chỉ nên cùng đối phương mà trình bày lợi hại, tức có thể được đối phương giúp đỡ. Đạo lý cùng tranh luận càng sáng tỏ. Sự nhờ cậy được đáp lại.

11. Hôn nhân: Bạn là người có sức hấp dẫn nên hãy tự tin. Người yêu rất thích thú vì cùng một ý chí và cùng một đường đi. Nếu có người thứ ba xen vào tình yêu, thì nên thuyết phục khiến họ tự tách ra.

12. Linh tinh: Những điều đã hỏi đều được như ý.

Tín đồ Phật Giáo Mật Tông nên tụng: “Tứ Tỳ Đại hắc Thiên Pháp”.

Tín đồ Phật giáo có thể hướng về Phổ Hiền Bồ Tát mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Tin vui càng đến càng nhiều, thanh danh càng đến càng tốt” Vì thế quẻ này nghiên về danh và lợi. Nhưng cầu danh thì tốt hơn cầu lợi, tuy nhiên cầu lợi cũng không tệ lắm. Nhưng trên thực tế thì “Tiên danh hậu lợi” tức là trước có danh sau mới đạt lợi.

35. Quẻ 35: Dhi Na (6-5)

Biểu tượng: Kim Luân Bảo (Ngôi Báu Của Ngài Kim Luân)

Kim Luân Vương thống trị bát phương,

Phổ thiên chi hạ giai vương thổ.

Trị hạ bách tánh tâm thành phục.

Chiêm giả đắc thử tài thể tăng.

Tạm dịch:

Vua Kim Luân thống trị tám phương,
Trên trời dưới đất đều của Người.
Cai trị trăm họ đồng đem lòng thành quy phục,
Người xin được quẻ này, tiền tài thể lực đều gia tăng.

Tín Hiệu: Bất phí xung hô lực, khai đắc đại bảo tang.
(Không tốn một chút hơi sức mà mở được kho báu)

Thời cổ đại nước Ấn Độ có rất nhiều Vương quốc nên sanh ra sự tranh giành. Các vương quốc chinh phục lẫn nhau. Người thống nhất nước Ấn Độ gọi là Kim Luân Vương (vua Kim Luân). Tuy nhiên vua Kim Luân thống trị chỉ trọng đạo đức chứ không trọng sức mạnh. Chỉ có người có đức mới có thể khiến cho dân trăm họ vui vẻ mà thành thật khâm phục. Người xin được quẻ này đức và lực đều quan trọng cả vì thể mà được lợi ích, cũng giống như không tốn một chút sức nào mà mở được kho báu đó là điềm chỉ đưa tay ra là được. Người xin quẻ phải lưu ý, nếu chỉ trọng tài thể mà không trọng đức nghiệp ắt giống như vua Kim Luân không có đức, chinh chiến không ngừng, dù cho thắng thế đi nữa thì dân chúng cũng lầm than.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Gia đạo xương long, hạnh phúc yên ổn, ngày ngày đều tốt cả. Nhân khẩu tăng; tiếng tăm gia đình ngày càng lên. Có thai sức khỏe bình an, sinh nam hay nữ theo ý nguyện.
- 2. Tài Phú:** Như nước thủy triều dâng trong mùa xuân, tài sản tự nhiên tăng lên. Trong quá khứ cơ sở đã bị xuống, nhưng nay nghiệp vụ lại dần dần tăng lên phát đạt thịnh vượng.
- 3. Mưu vọng:** Lâu dài mà nói, sự phát triển được ổn định, cơ sở đặt xuống là tốt rồi, do đó danh lợi đều như ý. Mọi sự việc đã tính toán thuộc về những cái dẫn đầu trong trào lưu mới thì rất dễ thành công mà lợi ích lại lâu dài, sự nghiệp to lớn. Lấy đức để cảm hóa người hơn là lấy thể mà thu phục người.
- 4. Nhân Sự:** Được nhiều sự giúp đỡ, quan hệ giao tế càng ngày càng tốt. Sự liên hệ với người càng ngày càng rộng. Đừng theo những kẻ a dua, nịnh bợ.
- 5. Cừu Oán:** Tất cả mọi sự thù oán đều bị bạn không chế, vì vậy nên dùng ân huệ để cảm hóa địch thành bạn. Chuyện thị phi trở lại đem về những lợi ích. Không có chuyện kiện tụng khẩu thiệt.
- 6. Người đi xa:** Người ra đi không những hưởng thụ mà còn lợi lạc. Người ấy sẽ hoàn thành nhiệm vụ và trở lại. Tin mừng sẽ đến, lợi lạc sẽ vượt quá mức dự định.
- 7. Tật Bệnh:** Vì quỷ thần không được vui nên bệnh nhân có bệnh kéo dài. Nhưng không lo ngại lắm, hơi chậm nhưng sẽ bình phục. Có thể hành pháp Thanh Tịnh Mộc Dục.

8. Ma Sùng: Con người mà thời vận đang chuyển thì trăm tà cũng không xâm nhập được. Quỷ thần đã bị ếm nên cũng khó làm hại, hãy kỳ đảo Bồn Tôn, hoặc cúng tế Thủy Thần hoặc Long Tộc hay Địa Thần tức tốt. Phong thủy hiện tại không có trở ngại lớn, những chỗ mới sửa lại có một chút không ổn, như là có một góc đối xứng với một hình vuông chẳng hạn, nên tu sửa lại là tốt.

9. Mất đồ: Dành thời giờ thêm vào việc tìm kiếm thì có thể tìm được.

10. Nhờ cậy: Nhờ cậy thì có sự trễ nải, nhưng tương lai rất mỹ mãn. Tất cả các vị anh hùng đều luôn luôn kính cẩn lắng nghe những điều Ngài căn dặn. Đáng tiếc họ đã chủ trương bất nhất, do đó mà lại bỏ lỡ thời cơ.

11. Hôn nhân: Hôn nhân do trời tác hợp, đừng nên lo lắng, người yêu sẽ sống đến trăm năm.

12. Linh tinh: Lâu dài mà nói, mọi sự sẽ thành công.

Tín đồ Phật Giáo Mật Tông nên tụng Đại Oai Đức Kim Cang hay pháp Vô Năng Thắng Kim Cang, chắc rằng quyền lực tự nhiên tăng trưởng. Tu pháp Trí Huệ Đại Hắc Thiên ắt có lợi lạc và danh vọng đều tăng thêm.

Tín đồ Phật giáo có thể hướng về Tỳ Lô Giá Na Phật mà cầu nguyện.

Tóm tắt ý nghĩa: “Bước lên bản tòa” Vì quẻ này chủ về tài phú và quyền thế tăng trưởng nên người xin quẻ phải làm việc ân đức tự nhiên sẽ được cát tường như ý.

36. Quẻ 36: Dhi Dhi (6-6)

Biểu tượng: Thắng Lợi Tràng (Cờ Thắng Lợi)

Cao cử thắng lợi tràng,
Thắng lợi thập bát phương.
Chiêm giả đắc thử tượng,
Khả dị quái trung vương.

Tạm dịch:

Hãy phát ngọn cờ thắng lợi,
Chiến thắng cả tám phương.
Người xin quẻ được biểu tượng này,
Có thể gọi là quẻ vua trong các quẻ.

Tín Hiệu: Y thiệp cù lực Như Ý Vương.
(Hãy dựa vào sức mạnh của vua Như Ý)

Đây là một tín hiệu tốt đẹp, gọi người xin được quẻ là người đã được sự che chở của Vua Như Ý bằng mọi sức mạnh. Phạm được dựa vào vị vua này, mọi sự đều như ý. Vua lại có nhiều sức mạnh nên đủ để ngăn chặn tất cả những điều bất lợi xâm đến. Vì thế người xin được quẻ này

có thể gọi là vận may, chủ về người có sức mạnh đem hết lực đó để ủng hộ. Kết cục mọi sự mong cầu tính toán đều được thành công như ý. Trong lúc phát ngọn cờ chiến thắng lại không được say sưa mãn nguyện, mà nên hiểu rằng đây là phước báo ở đời trước, cho nên trong đời nay cần phải làm thêm việc thiện, tích tụ thêm phước đức và công đức để làm tư lương cho đời này và đời sau để cho các pháp thể gian và xuất thế gian đều được mãn nguyện. Dhi là tự chủng của ngài Diệu Cát Tường Đồng Tử, liền được hai thứ biểu tượng cho phước huệ đều tăng.

GIẢI ĐOÁN:

- 1. Gia Trạch:** Vận trình của gia trạch kiên cố, rắn chắc như kim cương, không có tai họa, bình hoạn, cũng không có thị phi khẩu thiệt. Nhon khẩu tăng dân, vận nhà thịnh vượng. Có thai sức khỏe bình an, sinh nam hay nữ theo ý nguyện.
- 2. Tài Phú:** Tài sản không bị tiêu hao, cũng không bị thất bại. Tài đến có chỗ, không cầu nhiều tài cũng tự đến. Không được đầu cơ.
- 3. Mưu vọng:** Mười phần mỹ mãn, chỉ tính một phần cũng được mười phần. Phàm có mong cầu tính toán đều được vui vẻ vô cùng. Nên hướng về Bồ Tát hoặc Hộ Pháp mà cầu nguyện chẳng hạn như ngài Văn Thù.
- 4. Nhân Sự:** Quan hệ nhân sự càng phát triển càng tốt, giúp đỡ càng ngày càng nhiều. Người xin được quẻ này như có được viên ngọc quý Ma Ni trong tay, cho nên không có việc gì mà không mãn nguyện. Được người giúp đỡ vui mừng quá sức.
- 5. Cừu Oán:** Không có một ai thù oán cả, cũng chẳng có thị phi, kiện tụng.
- 6. Người đi xa:** Ra đi trên đường thoải mái, vui vẻ. Người sẽ đến bình an, tin vui sẽ đến.
- 7. Tật Bệnh:** Có bệnh nhẹ, cần nghe theo lời bác sĩ là sẽ hồi phục. Nếu bệnh nặng lâu ngày, sẽ có người tự nhiên đến để giới thiệu bác sĩ giỏi.
- 8. Ma Sùng:** Không có ma sùng xâm quấy, cũng chẳng có Thần nhiều phá, hoàn toàn bình an vô sự. Phong thủy tốt, không nên sửa đổi cũng không nên mở rộng thêm.
- 9. Mất đồ:** Bạn tốt đã có chủ ý, mau mau đi tìm lại. Có người có sức mạnh xuất hiện can dự vào, nên vật sẽ trở về nguyên chủ.
- 10. Nhờ cậy:** Phàm có nhờ cậy đều thuận lợi, tất cả mọi việc đều thành công, hướng về người có sức mà nhờ cậy, chỉ yêu cầu là được, khiến bạn phải vui và nỗ lực.
- 11. Hôn nhân:** Người chưa lập gia đình đi tìm thì chắc chắn thành công. Người có gia đình rồi, vị phối ngẫu tuy tuy thấy tướng bình thường nhưng là người chung thủy. Người thứ ba không gây ra ảnh hưởng nào cả.

12. Linh tinh: Nói chung những điều đã hỏi đều được thành tựu, vì thế mà người xin quẻ cứ bằng vào tâm nguyện mà làm tức là đạt được. Tuy nhiên nên tích đức hành thiện để có thể duy trì được sự an lành đầy đủ.

Tín đồ Phật Giáo Mật Tông nên tu pháp Phổ Ba Kim Cang, Hỷ Kim Cang, Mật Tập Kim Cang, Kim Cang Trì...ắt được cát tường. Cũng nên trì tụng Văn Thù Chơn Thật Danh Kinh hoặc Văn Thù Căn bản Chú.

Tín đồ Phật giáo có thể hướng về Ngũ Phương Phật mà cầu đảo.

Tóm tắt ý nghĩa: “Phát cao bảy ngọn cờ thắng lợi” Vì vậy người xin quẻ mọi việc đều được thắng lợi như ý.

Điều Cát Tường Chiêm Bốc Pháp Đến Đây Là Hết.

Phụ Lục

Ghi thêm (Hậu Ký)

Đối với Mật Tông Tây Tạng, thuật số có nhiều loại. Trong đó loại lưu hành phổ thông nhất là loại Chiêm Bốc Pháp (Mo).

Các vị Đạt Lai Lạt Ma và các đại tự viện đều có một bộ Chiêm Bốc Pháp, các hệ phái không giống nhau, cách truyền thừa khác nhau, nên Chiêm Bốc Pháp cũng dị biệt. Phái Ninh Mã (Hong Phái = Nyingmapa) dựa trên phương diện truyền thừa mà nói, quan trọng nhất là dùng cuốn kinh “**Cát Tường Thiên Mẫu Linh Quái**” để xem quẻ, người dùng sách Chiêm Bốc phải thuần thực phép Cát Tường Thiên Mẫu, phải tụng 90 vạn biến tức 900.000 (chín trăm ngàn lần) Chú Cát Tường Thiên Mẫu. Vì thế mà người bình thường không thể thành tựu được. Điều này đã khiến cho các vị học tập Mật Tông Tây Tạng e sợ rằng rất ít người như pháp mà thành tựu được. Nên họ đã đi tìm loại khác, Ngài Tôn giả Bất Bại Mật Bành Tổ Sư đã soạn ra cuốn “**Điều Cát Tường Chiêm Bốc Pháp**” rất giản dị, dễ hiểu, phù hợp với con người đang sống trong cuộc sống bận rộn hiện đại, cũng như những vị học tập Mật Tông, chỉ cần thuộc được “Chú Văn Thù Căn Bản” là có thể tiến hành được công việc xem quẻ.

Trong thời gian bút giả lánh nạn ở tại Đảo Di, ngoài việc nghiên cứu Phật Giáo còn đề ý đến ngành thuật số của Mật Tông. Ngành thuật số xuất xứ từ hai nguồn gốc trọng yếu: một là Trung Quốc, hai là Ấn Độ. Nguồn gốc ngành thuật số của Trung Quốc có thể nói đã có mặt rất sớm, trong thời kỳ Công Chúa Văn Thành lấy Vua Tạng Xích Tùng Đức Chân, ngoài Phật Giáo ra cũng đã có thuật số của Đạo Gia như Chiêm Tinh, Phong Thủy, Xem Ngày... nhưng chẳng ảnh hưởng gì đến văn hóa Tây Tạng cả. Tuy nhiên trong thuật xem bói lại chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ quá lớn, vì phép xem bói theo Kinh Dịch của Trung Quốc, có một số người Tây Tạng rất am tường. Nhưng đối với Chư Phật và Bồ Tát cũng chẳng liên quan gì, nên chưa phát sinh ra một sự ảnh hưởng nào cả.

Dem việc xem bói mà nhờ Bồ Tát hoặc Không Hạnh Mẫu thì rất dễ dàng làm cho con người đang sống trong cuộc sống hiện đại cho là Mê Tín, nhưng kỳ thực tất cả các loại Chiêm Bốc không phải là không thuộc về cảm ứng giữa tự nhiên với con người. Người hỏi và người xin quẻ đề trả lời cùng nghĩ về một sự việc, khiến cho tự nhiên và con người có sự khai thông nối liền nhau, do đó mà tiềm thức cho ra đáp án. Dựa vào Bốn Tôn cũng chỉ là con đường khai thông nối liền mà thôi. Còn nếu thừa nhận đúng là Bốn Tôn đã giáng lâm mà cho chỉ thị cũng chưa hẳn đã sa vào mê tín.

Bút giả đã từng dùng phương pháp xin quẻ này để thí nghiệm, có nhiều lần xảy ra rất kỳ lạ. Chẳng hạn, có người hỏi về bệnh, quẻ đã xin được là: “Do phái nữ giới thiệu bác sĩ thì rất tốt.” Lại có người hỏi về vấn đề người đi xa (hành nhơn), quẻ trả lời “Ngày hôm nay đến.” Hai quẻ xin được này đã làm cho người đến hỏi đều kinh dị. Điều đặc biệt đủ để làm cho người đến xin phải kinh dị là trong quẻ có những lời đoán đã làm rung động cõi lòng của người đến xin, như đã trả lời thẳng vào vấn đề. Trong khi độc giả tự làm việc xin quẻ, quý vị sẽ phát hiện được điểm này, chỗ kỳ lạ là tại đây.

Quyển sách này Bút giả có sửa đổi và bổ túc thêm một ít để thích hợp với xã hội hiện đại khi ứng dụng. Đã tu pháp Ngài Hoàng Văn Thù, lại hướng về Bồn Sư để cầu đảo, hy vọng những chỗ đã sửa đổi vẫn có sức cảm ứng như cũ.

Phật Giáo Ấn Độ có phép chiêm Bốc, có lẽ là do Bồ Tát Long Thọ truyền thừa, vì theo Phật Giáo Tiểu Thừa, thuật xem số mạng theo tinh tú coi như bị cấm kỵ. Duy chỉ có Ngài Long Thọ hoằng dương Đại Thừa Phật Giáo đã xử dụng khả năng đa tài, đa nghệ của chính Ngài để phát huy “Ngũ Minh”⁽¹⁾ do vậy mà môn học Chiêm tinh theo đó mà phát triển.

Trường hợp này cũng giống như thời Phật Giáo nguyên thủy xem việc tạo lập tượng Phật là điều cấm kỵ. Tuy nhiên tại nước Kiền (Càn) Đà La đã hấp thụ nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp; tạc một bức tượng đứng của Ngài Bồn Sư Thích Ca. Từ đó nghệ thuật tượng Phật đức, họa tượng Phật đã phát triển nhảy vọt. Ngày hôm nay Phật Giáo vẫn xem tạo tượng Phật, Bồ Tát là việc làm có nhiều phước đức, lại không một ai cho là cấm kỵ cả.

Vì vậy mà chiêm Bốc Pháp trong Mật Tông Tây Tạng, có thể gọi là rất khác hẳn với đời, hoàn toàn lấy việc quán Bồn Tôn làm phương tiện, trong lúc quán tưởng lại phải quán đến Tánh Không của sự việc muốn xin quẻ. Do đó mà trong phép chiêm bốc trình bày ở trên phải tụng “Chú Bồn Tôn”, tụng Chú hay Kệ Nhân duyên. Đây cũng là phép tu “Chỉ Quán”, trong lúc tụng Chú Bồ Tôn, tâm phải dừng vọng niệm, tập trung vào Bồn Tôn để hỏi sự việc, trong khi tụng Chú Nhân Duyên lại phải quán Tánh Không, cách này gọi là “Chỉ Quán Song Vận.” Đây cũng là một cách để cân bằng hai pháp “Chỉ - Quán”.

Phép chiêm bốc này, tất cả mọi độc giả đều ứng dụng được, cuốn sách này công khai phổ biến, duy nhất một điều là quý độc giả nên luyện tu phép Chỉ Quán trước, sau mới bắt đầu áp dụng phép xin quẻ. Trước khi áp dụng, tối thiểu phải tụng thuộc lòng hai bài chú đã nói ở trên, đồng thời thường quán tưởng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, thấy được ánh sáng từ tâm luân của Ngài phóng ra, người thực hành phải biết được mình đang ở trong luồng ánh sáng màu vàng đỏ, tức đã đạt được bước đầu căn bản của phép Chỉ Quán. Tinh tấn thực tập lâu ngày chắc chắn sẽ được thành tựu.

Ghi chú⁽¹⁾: Ngũ Minh: **1. Thanh Minh:** thuyết minh về ngôn ngữ, văn tự... **2. Công Xảo Minh:** Thuyết minh về công nghệ, kỹ thuật, toán pháp, lịch số... **3. Y Phương Minh:** Thuyết minh về y thuật, y học... **4. Nhân Minh:** thuyết minh về lẽ chính tà, chân ngụy... **5. Nội Minh:** Thuyết minh về tôn chỉ của học phái mình, như Phật Giáo lấy Kinh, Luật, Luận làm nội minh.

Các Pháp Tu Tiêu Tai - Tăng phước

1. Phép Tu Nước Cam Lồ

Đề trước mặt một chén nước sạch, đốt hương tốt cúng dường tượng Phật, cúng dường Thập Nhứt Diện Quan Âm và các bài chú là tốt nhất. Trên bàn Phật đơm hoa quả và vật cúng.

Tĩnh Tâm kỳ đảo:

Tay trái: Bưng chén, ngón tay cái và ngón tay trỏ bấm hai đầu ngón lại với nhau thành vòng tròn, còn lại ba ngón kia duỗi thẳng ra, lòng bàn tay giữ chặt khu chén. (Bảo Thủ ấn)

Tay phải: Ngón tay trỏ và ngón tay giữa duỗi thẳng, còn lại ba ngón kia bấm đầu với nhau. Trong lúc niệm chú trên dưới vậy hai ngón tay trỏ và giữa. (Cam Lồ ấn)

Niệm chú: **Om Ah Mi Ri Ta Hung Ra Ta**

Trì chú 21 biến, trong lúc trì chú quán tưởng đức Phật phóng ánh sáng trắng đến chén nước để gia trì cho nước thanh tịnh..

Nước Cam Lồ này có thể dùng để tẩy uế, pha nước trà, hoặc hòa vào trong bồn nước để tắm, hay dùng để lau mặt, mình cho bệnh nhân.

Nếu dùng chú Đại Bi để gia trì vào chén nước theo nghi lễ trên cũng tốt.

2. Phép Trừ Chướng

Những vị tín đồ của Mật Tông có thể lấy ngài Kim Cang Tát Đỏa làm vị bản tôn, niệm “Bách Tự Minh Chú” 21 biến. Quán tưởng Bản Tôn trên đỉnh đầu của mình, hai ngón cái của Ngài chảy ra nước Cam Lô màu trắng nhập vào đấng môn và chảy khắp thân thể của mình, thế là tự thân của mình chảy ra các loại máu mủ, chất dơ, cặn bã ... bài tiết ra lỗ chân lông mà ra ngoài, rồi thấm sâu vào lòng đất, biến thành màu đỏ và được loại “Ma Ngưu” nuốt vào.

Trong lúc thu kết, hãy quán tưởng hang ở dưới đất đóng cửa, không thấy được “Hồng Ngưu”. Ngài Kim Cang Tát Đỏa đã biến thành ánh sáng dung nhập vào tâm luân của chính mình, ánh sáng màu trắng cháy hừng hực.

Người chưa từng tu qua Mật Tông, có thể niệm chú “Đại Bi”, hướng về ngài Thập Nhất Diện Quan Âm mà cầu nguyện, và sám hối tội nghiệp của bản thân từ vô lượng kiếp đến nay. Đồng thời quán tưởng ngài Quan Thế Âm phóng ra ánh sáng màu trắng chiếu thẳng tới thân mình, làm cho tự thân mình được thanh tịnh.

3. Pháp Mộc Dục

Hãy quán tưởng ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phóng quang chiếu thẳng đến nước tắm khiến cho nước ấy thanh tịnh, đồng thời tụng chú Văn Thù Sư Lợi Bồ tát:

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi

Hoặc tu “Đại Bi Chú Thủy” (Tham khảo Quật Trước trong “Thuyết Quan Thế Âm Bồ Tát dữ Đại bi Chú”) về phương pháp tu chú Thủy này, xong đem nước đổ vào bồn tắm mà tắm. Trong lúc tắm, hãy quán tưởng nước sạch này đã mang đi hết tất cả những nghiệp chướng trên thân thể mình. Cũng có thể dùng nước này để lau thân thể, hoặc rửa mặt cho người bị bệnh ma, quán tưởng những bệnh ma đều bị tịnh thủy trừ sạch.

4. Diêu Cát Tường Chiêm Bốc Pháp Nghi Quỹ

Nghi thức xin quẻ:

Đảnh lễ Diêu Cát Tường Đồng Tử
(Chấp tay niệm ba biến)

1. Tán: (Trước hết là chấp tay, sau đó niệm một biến, tay lắc hột 1 lần)

Đại Trí Diêu Cát Tường Đồng Tử,
Trí nhãn tam thời vô chướng ngại.
Quy y Tam Bảo tam căn bản,
Tâm hữu nghi hoặc sở khai thị.

2. Tụng Chú Văn Thù căn bản :

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi (21 biến)

Trong lúc niệm hãy quán tưởng Diêu Cát Tường Đồng Tử, tức Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cao khoảng 2 thước ngồi giữa không trung đối diện với mình. Ngài có 1 đầu, 2 tay. Tay phải cầm kiếm, mũi kiếm phóng ra ngọn lửa trí tuệ. Tay trái cầm một cành hoa sen xanh, cọng hoa sen tựa vào vai trái và hướng lên trên. Đóa hoa này màu xanh nở bên lỗ tai trái của Ngài. Trên đóa hoa có một cuốn kinh Bát Nhã. Tướng của Bồ Tôn giống như một thiếu niên 16 tuổi, đầu đội mũ ngũ Phật, suốt thân thể có đeo những tràng hạt châu trang nghiêm, hai chân ngồi kiết già phu tọa, tạc thân màu vàng, ngay giữa ngực cũng có một bài chú, từ bài chú đó phóng ra ánh sáng màu vàng chiếu thẳng đến hột súc sắc. Niệm chú xong (21 biến), cầm hột thuận tay bỏ vào hộp và lắc hột.

3. Vừa lắc hột vừa tụng bài Kệ Nhân Duyên:

Âm Hán Việt:

Chư pháp nhân duyên sanh,
Pháp diệt nhân duyên diệt.
Thị chư pháp nhân duyên,
Phật đại sa môn thuyết.

Trong lúc tụng bài kệ Nhân Duyên chấp tay tiếp tục quán tưởng Ngài Diêu Cát Tường Đồng Tử đang ngồi trong hư không ngay trước mặt mình và phóng ra ánh sáng màu vàng từ giữa ngực Ngài, chiếu thẳng đến hột súc sắc. Tụng xong bưng hộp lên nghĩ đến vấn đề muốn hỏi, lắc hộp đựng hột súc sắc, lắc lâu hay mau là tùy theo tâm ý mình mà định. Lắc xong một lần, nếu muốn xin quẻ lại một lần nữa thì lắc lại thêm một lần nữa. Trong lúc lắc, đương nhiên quán tưởng ngài Diêu Cát Tường Đồng Tử đang phóng ra ánh sáng màu vàng từ ngực chiếu thẳng đến hột và nghĩ đến vấn đề muốn hỏi như lần trước.

4. Sau khi lắc hột xong:

Chấp tay niệm: Cát Tường Hoàn Mãn (1 lần).

Nghi thức đã trình bày trên đối với người đã được pháp Văn Thù Quán Đánh từ Mật Tông (thí dụ như Mật Tông Tây Tạng) có thể quán tưởng tự thân biến thành Diệu cát Tường Đồng Tử tuyên thuyết bài kệ Nhân Duyên nói trên đối thành bài Chú Nhân Duyên như sau:

a) Bài chú gốc như sau:

Om yeadarma Hetu Pra – bahwah Hetunte KhenTa Thagato Haya Watet te Khen Tsayo Nirodha Evam Wadi Maha Shramana Soha.

b) Phát âm Tạng ngữ:

Om / yea Dar ma / Heh too / Pra Bah Wah / Heh Tun Tay / Ken / Ta T 'a Ga Toe / Ha Ya / Wa Tet Tay / Ken / Cha Yo / Nee Ro Da / Eh Vam / Wa Dee / Ma Ha / Shra Ma Na / So Ha.

Nghi thức đã trình bày trên đây rất đơn giản, hy vọng độc giả sẽ làm đầy đủ để đạt được mục đích lợi sanh. Nếu hằng ngày thường trì tụng Văn thù Tâm chú này và quán tưởng đều đặn thì chắc chắn sẽ thành tựu. Trong khi đọc lời giải thích các quẻ, nên đồng thời lý giải một số pháp nghi, do đó mà có thể nhập vào Phật Đạo (thông suốt nhân quả). Đây là mục đích chính của việc biên chép quyển sách Chiêm Bốc Pháp này. Chỉ hy vọng độc giả không dùng quyển sách này để mưu lợi, nếu mưu cầu lợi ích cá nhân sẽ mất hết những gì đã đạt được từ trước.

Kính chúc quý vị độc giả vạn sự cát tường viên mãn.

5. Thập Nhất Diện Quan Âm (Quan Âm 11 mặt)

Hạnh Nguyên:

Thần chú của ngài Thập Nhất Diện Quan Âm có khả năng làm cho tất cả ma, quỷ, thần không thể khởi sanh những chướng nạn, hiện thân có được 10 điều thắng lợi.

Thập Nhất Diện Quan Âm, tiếng Phạn là Ekadasa-Mukha, dịch ý từ Phạn văn là có 11 điều tốt nhất, hoặc là 11 đầu. Là một trong sáu vị Quán Âm. Nói đầy đủ là Thập Nhất Diện Quan Âm Bồ Tát là hóa thân của ngài Quan Thế Âm, có lúc lại xưng Đại Quan Âm Phổ Chiếu Quan Âm.

Theo kinh Phật thuyết Thập Nhất Diện Quan Âm Thần chú viết: Lúc ấy Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn, con có Tâm Chú tên là Thập Nhất Diện. Tâm chú này 11 ức chư Phật đã nói, vì tất cả chúng sanh nay con nói lại, mong muốn tất cả chúng sanh nhớ đến thiện pháp, muốn chúng sanh tránh khỏi tất cả những chướng nạn do ma, quỷ, thần khởi lên.”

Chú Thập Nhất Diện Quan Âm này có sức mạnh rất rộng lớn, có khả năng tiêu trừ mọi tai chướng. Theo kinh Thập Nhất Diện Thần Chú nói rằng: Chí tâm khấn niệm mỗi sáng như pháp thanh tịnh. Tụng chú này 108 biến, nếu làm được như vậy, hiện tại sẽ được 10 loại lợi ích:

1. Thân không có bệnh tật
2. Thường được 10 phương chư Phật bảo vệ
3. Tài bảo, y phục, thực phẩm thường dùng không thiếu thốn

4. làm cho người thù oán phải kính phục và mình không còn lo sợ nữa
5. Khiến mọi người đều tôn kính
6. Trùng độc, ác quỷ không hại được
7. Tất cả đao gây không làm hại được
8. Không bị chết chìm
9. Lửa đốt không cháy
10. Suốt đời không bị chết bất đắc kỳ tử

Trong kinh cũng nói, nếu có người một ngày không ăn, một đêm thanh tịnh nhất tâm tụng niệm, tức được vượt qua sanh tử trong bốn vạn kiếp (40,000 kiếp). Tất cả các loại hữu tình chỉ xưng niệm danh hiệu Như Lai, đều được Bất Thối Chuyển, viễn ly tất cả bệnh hoạn, tránh mọi tai họa hoạnh tử yểu vong, không bị nghiệp bất thiện do thân, khẩu, ý gây ra. Nếu y theo giáo pháp tương ứng mà quán hành, quả Phật và Bồ Tát chắc chắn là dễ đến được.

Lại còn có những sự quan hệ giữa Thập Nhất Diện và Thập Nhất Diện Quan Âm, trong kinh Hữu Vô Biên Phật Độ Công Đức nói: Thập Nhất Diện Quan Âm còn được gọi là Thập Nhất Phật, phía trước có ba mặt với tướng hảo rất từ bi, phân rõ là: Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Phật, An Lạc Thế giới Vô Ngại Quang Phật, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cang Kiên Cố Hoan Hỷ Phật.

Bên trái 3 mặt, tướng hảo từ bi là: Bất Thối Luân Âm Cực Diệu Viên Mãn Hồng Liên Phu Thân Phật, Tuyệt Trần Thế Giới Pháp Tràng Phật, Đăng Minh Thế Giới Sư Tử Phật.

Bên phải 3 mặt, tướng răng trắng là: Trang Nghiêm Thế Giới Nhất Thiết Thần Thông Tuệ Quang Phật, Kính Luân Thế Giới Nguyệt Giác Phật, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Phật.

Phía sau, mặt Phật với nụ cười vui vẻ là: Nan Siêu Thế Giới Thân Phóng Pháp Quang Phật, Tối Thượng Phật Diện Nguyên mãn Túc, cũng là Diệu Giác Thế Biến Chiêu Như Lai. Sau đây là công đức và cách tụng niệm, trong “Giác Thiên Sao” có đưa ra bài Thập Nhất Diện Quan Âm như sau:

Nam Mô Đương Tiền Tam Diện Từ Bi Tướng
 Nam Mô Tiền Tam Từ Diện Cầu Như Ý
 Nam Mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Bệnh
 Nam Mô tả Biên Tam Diện Sân Nộ Tướng
 Nam Mô Tả Tam Diện Phục Oán Tặc
 Nam Mô Hữu Biên Tam Diện Bạch Nha Tướng
 Nam Mô Đương Hậu Nhất Diện Báo Tiểu Tướng
 Nam Mô Đảnh Thượng Nhất Diện Như Lai Tướng
 Nam Mô Đảnh Thượng Phật Diện Trừ Tật Bệnh
 Nam Mô Tối Thượng Phật Diện Nguyên Mãn Túc.

Lại nói: Nếu trong nước người và súc vật bị bệnh dịch, một biển chú gút một nút để lên trên đỉnh cao nhất của Phật Diện, khiến cho bệnh dịch sẽ tiêu trừ. Cũng theo trong Giác Thiên Sao nói: Nếu theo kinh này đã nói, có thể nói rằng trên đỉnh Phật Diện trừ được bệnh dịch mà còn theo tiếng nói rõ ràng phát ra từ trên đó cho người cầu đầy đủ mãn túc nữa. Kinh dạy rằng (Thất La Phiệt) từ trên miệng của Phật Diện cao nhất đã phát ra âm thanh ca tụng người hành giả này rằng: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử, con có thể cầu nguyện như thế, ta sẽ làm cho con được mãn nguyện đầy đủ.” Nếu y theo như trong bản văn này, Cổ đức đã nói rằng: “Trên đỉnh Phật diện trừ bệnh dịch, còn đỉnh của Phật diện cao nhất là để thỏa mãn những cầu nguyện.”

Trong Thập Nhất Diện, phía trước ba mặt (Tam diện) với tướng tĩnh lặng, đó là công đức của Đông Phương Đại Viên Cảnh Trí, là Bất Động Phật từ xưa đến nay luôn tĩnh lặng, biểu thị cho ý nghĩa chấm dứt các tai nạn.

Hình Tượng Thập Nhất Diện Quan Âm:

Căn cứ theo kinh Thập Nhất Diện Quan Thế Âm Thần Chú, hình tượng là thân dài 1 thước ba tấc, có 11 đầu, phía trước có ba mặt, làm theo mặt của bồ tát, bên trái có ba mặt sân tướng, bên phải có ba mặt, làm theo mặt bồ tát, nhẹ răng dữ, phía trên sau có một mặt, làm mặt cười vui, trên cao một mặt làm mặt Phật, một mặt hướng về phía trước, sau có ánh sáng. Mười một mặt đó đều có đội mũ hoa, trong mũ hoa đều có tượng Phật A Di Đà. Tay trái Ngài Quan Thế Âm cầm một bình đựng nước, trong miệng bình có một hoa sen mọc ra, tay phải Ngài có đeo một tràng hạt và kiết Ấn Thí Vô Úy.

Mười một mặt của Thập Nhất Diện Quan Âm, mỗi mặt đều có ý nghĩa tượng trưng khác nhau. Trong 11 mặt, ba mặt trước là Đại Từ tướng, trong lúc Bồ Tát nhìn thấy được chúng sanh hành thiện, cho nên sanh ra tướng vui vẻ và lòng đại từ. Ba mặt ở phía bên trái là Sân tướng khi thấy chúng sanh hành ác, sanh ra lòng từ bi và tướng Đại bi cứu khổ. Ba mặt phía bên phải, xuất tướng hàm răng trắng ở trên là thấy được tịnh nghiệp của chúng sanh nên phát xuất ra sự tán thán, Khuyến tấn tướng. Một mặt ở phía sau là mặt cười trong khi thấy sự thiện ác, tạp uế của chúng sanh khiến cho cái ác quy thiện nên phát xuất ra nụ cười. Mặt Phật ở trên hết là Tướng thuyết pháp cho chúng sanh tu tập pháp Đại Thừa.

Từ trước đến nay chỉ nhìn thấy bằng tượng vẽ và sự diễn tả trong kinh điển hoặc nhiều hay ít đều có sự khác nhau, đó là sự xếp đặt 11 mặt không giống nhau, cũng như có tượng hai tay, bốn tay, hoặc tám tay...

Hình Tam Muội Da của Thập Nhất Diện Quan Âm là Quân Trì tức là bình đựng nước tắm (Tảo bình), còn gọi là Hiền Bình. Hiền Bình chứa nước Cam Lồ năng trừ tất cả lửa phiền não hay đốt chúng sanh. Trị liệu bệnh khổ của chúng sanh, trong Tập Kinh quyển thứ 12 nói rằng: “Vị Tọa Chủ có tên là Thập Nhất Diện Quan Âm, ngồi trên hoa sen cầm bảo bình có ánh sáng rực rỡ vây quanh.” Lại nói: “Ấn Cam Lồ là ấn đệ nhất để, trừ hết tất cả mọi tật bệnh ở những nơi phát ra. Chí tâm niệm chú tức được lành bệnh.” Hoặc là dùng MA (Ma Ni) này thành bình đựng nước tắm. Quán chữ Hrih thành bông sen có 12 cái gương sen hoặc chữ MA thành quân trì. Trong quân trì có 11 chữ Hrih, có nước từ bi, đó là nước Cam Lồ vậy. Hoặc nói nước Cam Lồ trong bình có chữ Hrih màu trắng.

Tự chủng của Thập Nhất Diện Quan Âm là: **MA, SA, HRIH**

Chon ngôn:

	Om 	Mahà 	Karunika 	Svaha
Âm Hán Việt:	Qui mạng	Đại	Bi	Thành tựu
	Om 	Loke 	Jrala 	Hrih
	Qui mạng	Thế gian	Quang minh	Hất rị (Thông chủng tự)

6. ĐẠI HẮC THIÊN

Đại Hắc Thiên là một vị Trời rất kính ái Tam Bảo, hộ trì người tu hành, thỏa mãn đầy đủ tư tài (tiền bạc, của cải cho tất cả chúng sanh thế gian và xuất thế gian). Trong Phạn ngữ, Đại Hắc Thiên là Mahakala, là một trong những vị thần thủ hộ Mật Giáo, còn trong tiếng Hán Việt là Ma Ha Ca La hoặc Mặc Ha Ca La, Đại Hắc, hoặc Đại Thời, hoặc còn gọi là Ma Ha Ca Thần....

Trong Ấn Độ giáo (Hindu) vị thần có biệt danh là Siva (Thấp Bà hay Bà Đột Ca, hậu của Thấp Bà hóa thân) chủ phá hoại, chiến đấu. Phật giáo lại thấy đây là hóa thân của Đại Tự Tại Thiên, hoặc ngài Tỳ Lô Giá Na Phật hóa thân. Các thuyết không giống nhau, trong đó có thuyết xem ngài Đại Hắc Thiên như một vị Phước Thần để cúng bái cầu xin. Trong Đại Nhật Sớ kinh nói rằng đây là vị Thần Phần Nộ, Hàng Phục Đồ Cát Ni. Cũng có thuyết nói rằng vị thần này là Ma Ê Thủ La (Đại Tự Tại Thiên) hóa thân, tức là Trùng Gian Thần, Chiến Đấu Thần. Thuyết này đã công nhận Đại Hắc Thiên là Ma Ê Thủ La hóa thân cùng với vô số quyến thuộc quỷ thần ban đêm du hành ở trong rừng, ăn máu thịt của người sống để có sức mạnh cho các phép chiến đấu đạt toàn thắng. Do đó Đại Hắc Thiên còn gọi là Chiến Đấu Thần.

Căn cứ vào kinh Đại Tập Đại Phương Đẳng, quyển 55, phẩm Phân Bố Diêm Phù Đề đã nói rằng: “Đại Hắc Thiên Nữ và Thiện Phát Cát Thát Bà đều hộ trì cho nước Bà La Nại.”

Trong Mật giáo Tây Tạng, Đại Hắc Thiên được gọi là Mahakala, là vị Tôn chủ hộ pháp trọng yếu. Sự truyền thừa hình tượng Ngài trong các trường phái Tây Tạng thì không đồng nhau, tánh chất và tác dụng cũng bất đồng. Tôn tượng và đặc tính của Ngài Đại Hắc Thiên có rất nhiều cách diễn tả khác nhau như: Đại Hắc Thiên hai tay chủ yếu là hộ trì cho những hành giả tu Hỷ Kim Cang. Đại Hắc Thiên bốn tay chủ yếu hộ trì cho hành giả tu Đại Thủ Ấn. Đại Hắc Thiên sáu tay chủ yếu hộ pháp cho phái Hương Ba Cát Cừ và Cách Lỗ. Đại Hắc Thiên sáu tay màu trắng chủ yếu hộ pháp của phái Tát Ca Cừ, trong đó Bạch Ma Ca La còn có tên là Bồn Tôn Tài Thần. Ngoài ra vị Trời này còn là Tài Phước Thần, Ty Âm Thực.

Trong Nam Hải Ký Quy Nội Pháp truyện, quyển 1 Thọ Tế Quỷ Tắc có đề cập: “Tất cả các đại tự viện ở phía tây, bên cột nhà bếp hoặc trước các kho tàng, đầu cột có điêu khắc hình tượng Đại Hắc Thiên màu đen.

Tương truyền vào thời cổ đại, Đại Hắc Thiên là thuộc hạ của Hỏa Thiên, rất kính ái Tam Bảo, hộ trì năm chúng (ngũ chúng) để khỏi bị hao tổn, phạm có người cầu đều được xứng nguyện. Mỗi khi đến giờ ăn cơm, vị thầy đặc trách nhà bếp thường dâng cúng lên ngài Đại Hắc Thiên hương đèn, đồ ăn trước. Trong văn bản cũng có đề cập đến chùa, miếu ở Hoài Bắc, tuy nhiên không có phong tục cúng dường ngài Đại Hắc Thiên. Phạm có người cầu xin đều có ứng nghiệm một cách lạ lùng.

Ngoài những điều này, ở Nhật Bản các chùa đều căn cứ vào Nam Hải Ký Quy truyện có nói: “Thịnh hành nhất là các nhà kho ở nhà bếp đều an trí tượng ngài Đại Hắc Thiên hai tay”. Trong Nam Hải truyện cũng có viết về sự tích ứng hóa của Đại Hắc Thiên.

Có một ngôi chùa tên là Đại Niết Bàn Thiên Na Tự, thường ngày ở trong chùa có khoảng 100 tăng sĩ, nhưng hằng năm đến mùa lễ bái thì có nhiều tăng sĩ các nơi hội về. Điều này làm ban ẩm thực ở chùa gặp nhiều khó khăn. Có một lần, vào buổi trưa có khoảng 500 tăng khách đến đây lễ bái, chùa không còn khả năng cung cấp đồ ăn uống trong lúc này, nhưng cũng không thể để cho 500 vị tăng khách nhịn đói. Trong khi tất cả mọi người trong chùa không biết giải quyết bằng cách nào, thì có một bà già nói: “Chuyện này là thường xảy ra, đại chúng đừng nên lo lắng.” Chỉ thấy bà lão đốt một nắm hương lớn, hướng về ngài Đại Hắc Thiên, thành kính bạch rằng: “Đại thánh! Chư tăng bốn phương đến đây để dâng lễ bái thánh tích. Kính mong ngài đừng

để cho đại chúng thiếu đồ ăn.” Khi lời cầu nguyện này chấm dứt, liền khiến cho đại chúng lấy số thực phẩm trước đây dự trữ để cung cấp cho tất cả đem ra, nhưng lạ thay, số người ăn so với số bình thường hơn nhau mấy trăm người, nhưng thức ăn vẫn không thiếu. Đại chúng vô cùng cảm kích và kính dị.

Người Nhật cũng lấy ngài Đại Hắc Thiên là một trong bảy vị Phước Thần. Vị Đại Hắc Thiên được công nhận giúp cho thế gian quan vị và phú quý, đã được nhân gian sùng tín rộng rãi. Đông Mật tương truyền ngài Đại Hắc Thiên nguyên là Đại Nhựt Như Lai thị hiện hình tướng của thần Dược Xoa phần nộ để hàng phục ác ma. Tạng Mật lại truyền là Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện hóa làm vị Đại Hộ Pháp. Có sự tương đồng giữa hai hệ phái Mật Tông Nhật Bản và Tây Tạng đều xem trọng pháp tu của Bốn Tôn.

Do tôn này thống lãnh vô lượng quỷ thần quyền thuộc, lại còn thêm kỹ thuật phi hành và ả hình lâu, cho nên trong chiến tranh thường gia hộ cho các sở cầu của chúng sanh khiến cho thực phẩm được đầy đủ. Do đây mà các tu viện ở Ấn Độ và Trung Quốc, tỉnh Giang Nam người dân thường thờ cúng trong nhà bếp. Người ta cũng thờ cúng vị Đại Hắc Thiên trong nghĩa địa. Cũng tương truyền rằng vị Thần này cùng với quyền thuộc của Thất Mẫu Nữ Thiên thường cứu giúp người nghèo khó. Do đó mà Đại Hắc Thiên được thông dụng gọi bằng bốn tên: Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần (nhà bếp), Trung gian Thần (Nghĩa Địa), Phước Đức Thần. Đó là bốn đặc tính của Đại Hắc Thiên rất được sùng ngưỡng.

Đại Hắc Thiên Hình Tướng

Liên quan đến tôn tượng của Ngài, trong Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 10, mô tả tượng Ngài có tám tay, thân Ngài màu mây đen xanh. Hai tay ôm ngang bụng cầm cái kích chia ba, tay phải thứ hai cầm con dê màu đen xanh, tay trái thứ hai nắm đầu tóc của một ngạ quỷ, tay phải thứ ba cầm kiếm, tay trái thứ ba cầm Khiết Trá Cang Ca tức là cái chuông đầu lâu; dấu hiệu phá hoại, tai họa. Hai tay sau, mỗi tay để ở trên vai đỡ một tấm da voi trắng như trong thế mặc áo. Dùng rắn độc làm dây khâu đầu lâu làm chuỗi hạt. Phía trên nhe răng cộp ra tạo nên hình tướng rất hung dữ. Dưới có Địa Thần Nữ Thiên đang dùng hai tay đỡ đỡ chân Ngài.

Ngoài những điều tương tự mà sách Đại Hắc Thiên Thần Pháp đã ghi, còn có hình ngài là ba mặt sáu tay màu xanh. Tay trái và tay phải của mặt trước để ngang và cầm kiếm, tay trái thứ nhất cầm búi tóc của người nâng lên, tay mặt thứ nhứt cầm một con dê cái, hai tay thứ hai để sau lưng trùm 1 tấm da voi. Cổ đeo chuỗi hạt đầu lâu. Trong tranh Mạn Đà La có tôn hình và hình tượng này giống nhau, chỉ trừ con dê và đầu người là khác nhau. Nhưng trong Tỏi Thắng Tâm Kinh nói rằng ngài Đại Hắc Thiên mặc da voi, cầm ngang một cây thương, một đầu đâm thẳng vào một đầu người, đầu kia đâm vào một con dê. Trong Nam Hải Ký Quy truyện nói hình của vị này đeo túi vàng, ngồi trên một giường nhỏ và thông một chân.

Nói tóm lại, liên quan đến tôn hình của ngài thông thường có hai loại, một loại hiện phần nộ thân màu đen, ngồi trên tòa hình tròn, trên tóc phát ra lửa dựng đứng, ba mặt sáu tay, tay phải thứ nhất cầm dao hình mặt trăng lật ngửa, tay thứ nhì cầm tràng hạt bằng xương, tay thứ ba cầm trống nhỏ. Tay trái thứ nhất cầm thiên linh cái, tay trái thứ hai cầm chia ba, tay trái thứ ba cầm dây xích Kim Cang, phía trên hai bên trái phải hai tay nắm một miếng da voi căng rộng.

Một loại khác tạo hình theo Phước Thần, làm theo hình dáng của phàm nhơn, đầu đội mũ tròn, vai mang một cái bị, cầm một cái chày nhỏ, chân đạp bị gạo.

Trong lúc tu pháp điều phục, hình phần nộ được dùng nhiều trong pháp hàng ma. Phước thần được dùng trong pháp tu cầu phước đức.

Người tu tập về Đông Mật hoặc Tạng Mật, đối với ngài Đại Hắc Thiên có phần quan trọng. Hành giả thờ Ngài để cầu đảo, trừ ma, thành tựu thắng lợi và công đức.

Tự chủng: **Ma**

Chơn Ngôn:	Om	Maha-Kalaya	svaha
Âm Hán Việt:	Qui mạng,	Đại Hắc	thành tựu

Chơn ngôn:	Om	Micch - micch	s'vare	taragate	svaha
Âm Hán Việt:	Qui mạng	hàng phục	tự tại	cứu độ	thành tựu.

7. Kim Cang Tát Đồa

Hạnh Nguyên: Kim Cang Tát Đồa tượng trưng diệu ý phiền não tức Bồ Đề và sự kiên cố bất hoại của Bồ Đề Tâm. Có thần chú Bách Tự Minh có khả năng sám hối, tiêu trừ tội chướng, làm cho ba nghiệp thân, khẩu, ý của hành giả thanh tịnh.

Kim Cang Tát Đồa tiếng Phạn là Vajrasattva. Vajra âm Hán Việt là Phọc Viết La ý là kim cương. Sattva là Tát Đồa, là hữu tình dũng mãnh. Tên tiếng Tây Tạng là Rdo-rje semsdpah, là tâm Kim Cang dũng mãnh. Kim Cang Tát Đồa còn gọi là Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cang Bí Mật Thủ, Trì Kim Cang Cụ Tuệ Giả, Kim Cang Thượng Thủ, Đại Dược Kim Cang, Nhứt Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Tát Đồa, Phổ Hiền Kim Cang Tát Đồa, Kim Cang Thắng Tát Đồa, Kim Cang Tạng, Chấp Kim Cang, Bí Mật Chủ, Kim Tát. Mật Hiệu Chơn Như, Kim Cang, hoặc Đại Dũng Kim Cang đều lấy Tâm Bồ Đề thanh tịnh, kiên cố, và bất động để hàng phục tất cả loài hữu tình ngoại đạo. Vì vậy nên được gọi là đại dũng có tịnh tâm Bồ Đề là căn bản y thể của hăng sa công đức nên có tên là Chơn Như.

Vậy Kim Cang Tát Đồa tượng trưng cho tâm Bồ Đề kiên cố, bất hoại và diệu lý của phiền não tức Bồ Đề. Danh xưng này trong Phật giáo có bốn ý nghĩa:

1. Vị Tổ thứ hai truyền pháp Mật pháp.
2. Trong Mạn Đà La Kim Cang giới, Ngài là một trong 37 tôn vị ở Bộ Viện Kim Cang.
3. Trong Lý Thú Hội Mạn Đà La Kim Cang giới Ngài là Chủ tôn của 17 tôn vị.
4. Trong Lý Thú Hội Mạn Đà La Kim Cang giới Ngài là Chủ tôn Đại Trí Kim Cang bộ của Kim Cang Bộ Viện.

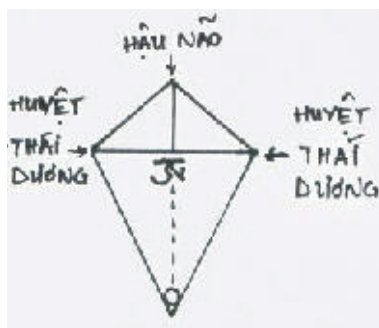
Ngoài bốn ý trên, căn cứ kinh Đại Giáo Vương, quyển 8 nói rằng: Ngài Kim Cang Tát Đồa đã giáng xuống hội Tam Thế Yết Na, trong hình tướng của Tam Thế Minh Vương tám tay ba mặt, làm Giáo Lịnh Luân thân của A Súc Như Lai. Cho nên tôn hệ này đã phụng giáo sắc của Như Lai để hàng phục số cứng đầu khó hoá độ của Đại Tự Tại Thiên Chúng, nên đã thị hiện tướng Minh Vương.

Tuy đã kể ra các loại Kim Cang Tát Đỏa như trên, nhưng trong Mật Tông thường dùng Kim Cang Tát Đỏa là Tâm Bồ Đề. Trong 4 gia hạnh của Mật Tông Tây Tạng, Chú Bách Tụ Minh là phương pháp sám hối quan trọng nhất. Bách Tụ Minh còn có tên là Bách Tụ chơn ngôn, Bách Tụ Mật Ngữ, Kim Cang Bách Tụ Minh, hoặc Kim Cang Tát Đỏa Bách tụ minh.

Bách Tụ Minh là có hai loại: Trường chú và tâm chú. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, nên trì bảy (7) biến để sám hối những lỗi lầm trong ngày đã phạm. Khi kết một nghi thức hành pháp cũng thường tụng chú Bách Tụ Minh này để bổ khuyết những điều thiếu sót. Những hành giả Mật Tông thường nhận lãnh Quán Đảnh nhiều tôn, do đó nếu không có pháp để hoàn tất toàn bộ pháp tu của các tôn, thì một mặt đem các tôn dồn vào Bốn tôn mà tu, mặt khác mỗi tối phải nên niệm chú Bách Tụ Minh để bổ khuyết.

Ngoài ra người lớn tuổi nếu sợ chú Bách Tụ Minh quá dài trong Tứ Gia Hạnh (Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đề Nhất), mà muốn sớm đạt được viên mãn công đức của 100,000 biến, đầu tiên có thể y theo Bách Tụ Minh quán tưởng và trì chữ Ah (100,000 biến). Còn người trẻ tuổi thì dùng theo phương pháp này mà phải theo đúng nghi quỹ để tu hành. Trì Bách Tụ Minh 100,000 biến là pháp tu căn bản.

Trì tụng chơn ngôn có thể chọn Phạm hoặc Tạng văn. Nếu không phát âm được Phạm văn và Tạng văn thì có thể tụng nghĩa bằng Trung (Hoa) văn (Có thể tụng bằng Việt âm). Theo sự truyền thừa của Bạch giáo ở Tây Tạng, Bạch giáo đồ đã tu trì pháp Kim Cang Tát Đỏa cộng thêm phần quán vào phần giữa của cái đầu (trung mạch) thành một tam giác cân đáy lên trên, mũi chỉ xuống miệng như một cái phễu, phân rõ thành hai huyết thái dương và trung tâm của hậu não, từ từ hút vào yết hầu (mũi của tam giác). Đồng thời ở giữa phần trên đỉnh đầu quán thêm một chữ Ah màu trắng.



Hầu (họng)

Ngoại trừ đã quán tưởng trên đỉnh đầu Kim Cang Tát Đỏa Phụ Mẫu Cam Lồ quán đảnh, chữ Ah màu trắng này cũng chảy xuống cam lồ trắng.

Chú Bách Tụ Minh:

Om

Vajra -sattva

Samaya

Manu palaya

Vajra Sattvenopathistha

Dridhome bhava

Sutosyomebhava

Supossyamebhava

Dịch nghĩa

Qui mạng

Kim Cang Tát Đỏa

Tam muội da

Nguyện thủ hộ ngã

Vì Kim Cang Tát Đỏa vị

Vì Kiên Lao ngã

Ư ngã khả hoan hỷ

Kim ngã tùy Tâm dư

Anuraktomebhava	Kim ngã thiện tăng ích dã
Sarva Siddhim Meprayassca	Thọ dữ ngã nhất thiết tất địa
Sarva Karmesu came	Cập chư sự nghiệp
Cittam Siyam	Linh ngã an ổn
Kuru	Tác
Hum	Hồng
Ha ha haha	Tứ vô lượng Tâm
Ho	Hỷ lạc chi thanh
Bhagavam	Thế tôn
Sarva tathagata	Nhứt Thiết Như Lai
Vajra ma me munca	Nguyện Kim Cang mặc xả ly ngã
Vajra bhava	Linh ngã vi Kim Cang
Maha samaya sattva.	Tam muội da Tát Đỏa
Ah	Ah

Tâm chú: Om Vajra Sattva, Ah . Nếu thời gian không đủ, hành giả có thể tụng tâm chú

8. Phổ Ba Kim Cang

Ngài Phổ Ba Kim Cang có đầy đủ oai lực và lòng từ bi không gì so sánh được, có khả năng đoạn trừ những bức hại của quỷ thần, phi nhơn, thiên ma, ác thú (trù yểm). Đồng thời cũng có khả năng hàng ma, chấm dứt tai họa và tiêu trừ các khó khăn nguy hiểm. Phổ Ba Kim Cang, dịch âm Hán là Đa Kiệt Thuần Nỗ, ý là Kim Cang Nhự Đồng.

Theo âm Tây Tạng, Phổ Ba là cái “Cọc gỗ”. Sở dĩ có âm này là vì trong tay Ngài có một pháp khí chủ yếu. Đó là một vật hình tam giác có đỉnh rất nhọn, được gọi là “Cọc Kim Cang” hay “Kim Cang Quyết”. Ngày nay còn gọi là “chày Phổ Ba”. Chữ “Phổ” là Tánh không. Phổ Ba là sự kết hợp giữa Tánh Không và Trí huệ mà thành chớ không phải ý của hai thể tánh.

Những hành giả Tây Tạng tu theo Mật Tông ngày xưa thường chọn ngài Phổ Ba là Bổn tôn. Theo sự truyền thừa ở Tây Tạng, các phái Cát Cự Ba, Ninh Mã Ba, Cách Lỗ Ba, và Tát Ca Ba cả bốn dòng phái đều có Phổ Ba Kim Cang Pháp, tuy nhiên chỉ có hai phái Ninh Ma Ba và Tát Ca Ba đặc biệt coi trọng.

Phổ Ba Kim Cang có đầy đủ đại bi oai lực không gì sánh bằng, bên ngoài hiện tướng phần nộ để loại trừ tất cả những bức hại của chú yểm, Thiên Ma, phi nhơn, quỷ thần... và hàng phục được ma quân để tiêu trừ tai nạn và nguy hiểm. Ngoài ra còn có khả năng để đối trị sự chấp trước, tham lam, phiền não của tự ngã, dứt trừ mọi chương ngại từ trong nội tâm đến ngoại tướng.

Nhân duyên ngài Phổ Ba Kim Cang thị hiện được tương truyền như sau: Ngày xưa trong rừng Tử Đà Lâm (Rừng bỏ thây người chết) có một Đại Quỷ Thần trú ngụ tên là Ma Đương Lỗ Trác. Quỷ thần này có ba đầu, sáu tay, bốn chân, sau lưng có một đôi cánh thường đem nguy hại đến loài hữu tình trong tam giới. Trong lúc đó ngài Kim Cang Tát Đỏa hiện thân phần nộ Cát Mã Hắc Lỗ Ca. Để hàng phục vị Đại quỷ thần này, ngài hóa thân thành Phổ Ba Kim Cang, thị hiện với hình tướng và sức mạnh như là Đại quỷ thần và không có sức mạnh hay oai thần nào sánh kịp.

Một thuyết khác lại nói rằng, ở giữa biên giới Ấn Độ và Nepal có một động đá tên là Lại Thư. Ngày xưa ngài Liên Hoa Sanh và công chúa Nepal là Thích Ca Đức Hoa trong lúc tu đạo thù thắng, có ba con quỷ đến gây chướng ngại làm gián đoạn sự tu hành; đồng thời gây hạn hán cho vùng đất ấy trong ba năm không một hạt mưa; binh dịch hoành hành, và binh đói kém kéo dài nhiều năm. Vì thế mà ngài Liên Hoa Sanh đã phái hai sứ giả đến Ấn Độ, mang theo phép trừ gián đoạn tên là Phổ Ba để truyền lại rồi trở về. Trong khi sứ giả đang hành pháp để chống lại thì ba vị quỷ này đều tự động tránh xa, lập tức trời mưa xuống và binh dịch cũng chấm dứt.

Lại tương truyền rằng: Ngày xưa, ngài Liên Hoa Sanh cùng đệ tử đi từ Tây Tạng vào xứ của Dạ Xoa, trên đường đi ngang qua một vùng tên là Không Than Lạp, một con đường mòn lồi xuống giữa hai hòn núi. Ngài Liên Hoa hóa thành hai thân người: một là Phổ Ba Kim Cang với thân thể sáng chói, còn thân kia vẫn là thân củ của Ngài.

Ngài Liên Hoa Sanh hỏi các đệ tử: “Các con sẽ hướng về ai để đánh lễ.” Các đệ tử đều trả lời: “Trước đây chúng con mỗi ngày đều thấy Liên Sư, mà chưa thấy được Bồn tôn Phổ Ba Kim Cang, đến ngày hôm nay mới được thấy Ngài, cho nên chúng con cần hướng về ngài Phổ Ba Kim Cang mà đánh lễ.”

Trong số đó có một đệ tử tên là Di Hỷ Tha Gia thưa rằng: “Từ trước đến nay con kính lễ Thượng Sư của con, hôm nay con cũng vẫn hướng về Thượng Sư của con mà đánh lễ.” Vì thế mọi người trừ Di Hỷ ra đều hướng về Phổ Ba Kim Cang mà đánh lễ.

Ngay sau đó, ngài Liên Hoa Sanh niệm: “Ban Tra Mãnh” lập tức thấy Phổ Ba kim Cang nhập vào thân của ngài Liên Hoa Sanh. Sự kiện này cho thấy rằng Bồn tôn chính là Thượng Sư hiện ra, mà chỉ có Di Hỷ Tha Gia đã đặc biệt được Phổ Ba Kim Cang gia trì. Pháp Phổ Ba Kim Cang truyền thừa cho đến ngày hôm nay là từ ngài Di Hỷ Tha Gia. Đây là một lối nhận được sự truyền thừa từ phép gia trì đặc biệt.

Hình Tượng

Phổ Ba Kim Cang thân màu đen lam, có ba đầu mỗi đầu có ba con mắt, sáu tay, và bốn chân. Giữa một đầu màu lam, đại biểu tướng phần nộ của ngài Đại Thế Chí (Kim Cang Thủ), đại biểu ý của chư Phật, mặt bên phải màu trắng đại biểu phần nộ tướng của ngài Văn Thù Bồ Tát (Đại Oai Đức Kim Cang) đại biểu thân của chư Phật. mặt phía bên trái màu đỏ, đại biểu A Di Đà Phật (có thuyết nói là Quan Thế Âm Bồ Tát) hiện tướng phần nộ (Mã Đầu Minh Vương) đại biểu “Ngũ” của chư Phật. Trong miệng của mỗi đầu có hai cái răng lộ ra xỉ lên trên và hai răng xỉ xuống dưới.

Sáu tay gồm có:

Tay thứ nhất cầm chày Kim Cang Thiên chế chín (9) cánh bằng sắt biểu lộ sự phần nộ, chín cánh biểu lộ cho tất cả chúng sanh trong tam (3) giới chín (9) thừa.

Tay thứ hai: Cầm chày Kim Cang năm (5) cánh chế bằng vàng biểu thị sự vui vẻ, năm cánh biểu thị chuyển ngũ độc thành trí tuệ.

Tay bên trái thứ nhất: cầm ngọn lửa trí tuệ bát nhã, biểu trưng cho sự thiêu đốt hết các phiền não.

Tay bên trái thứ nhì: cầm kích chia ba (tên tiếng Tây Tạng là khách chương ca) biểu tượng Không Hạnh Mẫu nhiếp hóa hết chúng sanh trong tam giới. Nguyên bản hai tay chấp lại đỡ cọc Kim Cang, biểu thị sự trừ sạch tất cả các chướng ngại và phiền não.

Sau lưng có hai cánh nhọn như lưỡi kiếm bén.

Hai chân bên phải đạp trên lưng hai con ma (nam) đàn ông, hai chân bên trái đạp vào ngực của hai con ma nữ (đàn bà).

Đứng yên trong ngọn lửa trí tuệ bát nhã. Ôm Phật Mẫu Kha Lạc Khiết Điện, thân màu lam nhạt, tay phải cầm hoa sen xanh (thanh liên hoa), còn có truyền thuyết khác là cầm cây thiên trượng (gậy của trời), tay trái bưng dụng cụ đầu lâu, lưng mặc quần da báo.

Phổ Ba Kim Cang Phật Mẫu có hai vị: Một vị là Khẩu Lạc Cấp Đẳng Ma, tướng rất vui vẻ, vị thứ hai là A Tùng Ma, tướng phần nộ. Tôn hình trình bày trong cuốn Tiêu Tai Tăng Phước Bồn Tôn trang 267 là đang ôm Ngai Phật Mẫu thứ nhất. Tay phải Phật Mẫu cầm Khách Chương Ca (kịch chia ba) biểu thị đệ nhị Phật Mẫu A Tùng Ma.

Ngai mặc ba chiếc áo bằng ba loại da khác nhau: da voi biểu thị sự hàng phục ngu si, da người biểu thị sự hàng phục tham ái, da cạp biểu thị sự hàng phục sân hận. Đầu đội mũ bằng năm cái đầu lâu (ngũ khô lâu) biểu thị ngũ Phật trí. Cổ đeo ba vòng đầu người có tóc, trang sức bằng xương, và mang năm loại rắn để biểu thị năm loại rồng, có khả năng thống trị tất cả các loại có sức mạnh ghê gớm nhất.

Phổ Ba Tự Chứng và Chơn Ngôn:

Tự chứng: Hùm

Chơn ngôn:

Án, ban tạp, ki lợi, ki lạp nha, sa nhĩ ngĩa (oa), tỷ ca niệm, bảnh, hồng phôi

Án: (Ông) = chỉ Phổ ba tự tướng

Ban tạp = Phổ Ba Kim Cang Phật Mẫu

Ki lợi (lì) = Phổ Ba Kim Cang thị hiện thành mười (10) tướng nam phần nộ

Ki lạp = Phổ Ba Kim Cang thị hiện thành mười (10) tướng nữ phần nộ

Nha = Đầu chày Phổ Ba (loại một mặt)

Sa nhĩ ngĩa = Có tất cả trong đàn thành

Tỷ (tất) ca niệm = oán địch, quỷ linh, thần kỳ

Bảnh (bang) = oán địch, quỷ thần v.v...

Hồng = Tự chứng của Phổ Ba Kim Cang và oán địch, quỷ thần hiệp lại thành một

Phôi = khử tịnh thổ (làm cho đất sạch = tẩy uế)

9. Cát Tường Thiên

Cát Tường Thiên là một vị năng trừ tất cả phiền não của chúng sanh, tiêu diệt hết tội chướng, gọi lên tất cả các phước đức, xua đuổi những điều bất tường. Cát Tường Thiên có Phạm danh là Sri-Maha-Devi, là Thần hộ pháp của Phật Giáo, bảo vệ tất cả chúng sanh được cát tường, an lạc. Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu đã kê ra những danh hiệu của Ngài gồm có như sau: Cát Khánh, Cát Tường Liên Hoa, Nghiêm Sức, Cụ Tài, Bạch Sắc, Đại Danh Xưng, Liên Hoa Nhân, Đại Quang Diệu, Thí Thực Giả, Thí Âm Giả, Bảo Quang, Đại Cát Tường... Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ cũng đã đưa ra 108 danh xưng. Ngoài trừ những danh xưng này ra còn có Bảo Tạng Thiên Nữ hoặc Đệ Nhứt Oai Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên.

Hình Tượng Của Cát Tường Thiên

Các kinh sách diễn tả không giống nhau về tôn tượng của Cát Tường Thiên. Theo “Chư Thiên Truyện” quyển hạ đã tường thuật như sau:

Thân ngài đoan chánh, có hai tay màu trắng, đỏ. Tay trái cầm ngọc Như Ý, tay phải kết ấn Thí Vô Úy. Ngài ngồi trên một bảo đài, bên trái có Phạm Thiên tay cầm bảo kính, bên phải có Đế Thích rải hoa cúng dường. Sau lưng Ngài có bảy (7) ngọn núi báu, trên đầu Ngài có một vàng mây ngũ sắc, trên vàng mây có sáu (6) thốt voi ngà trắng, voi voi nâng bình mã não, tự trong bình tuông ra đủ các loại đồ vật, tưới công đức xuống đầu Ngài. Sau lưng Thiên Thần có trăm rừng hoa báu, trên đầu Ngài có thiên diệp bảo cái, trên những lọng của chư Thiên có kỳ nhạc, rải hoa cúng dường.

Lợi Ích

Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu dạy rằng: Nếu có chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc hay ưu bà di... cho đến tất cả những loại hữu tình thường niệm 12 danh hiệu Ngài, hoặc thọ trì đọc tụng, tu tập cúng dường, vì kẻ khác mà tuyên thuyết, làm được như vậy thì các nghiệp chướng bản hàn, nghèo khổ đều được tiêu trừ và sẽ được giàu sang phú quý. Lại nói, Đà La Ni này và 12 danh hiệu năng trừ bản cùng và tất cả những điều bất tường, làm cho tất cả những nguyện cầu đều được viên mãn, hoặc thường xuyên thọ, trì, đọc, tụng, phát tâm tinh tấn không gián đoạn, tùy sức thành tâm cúng dường Đại Cát Tường Thiên Nữ Bồ Tát, đều được tất cả tài bảo mong cầu và cát tường an lạc.

Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ còn nói, trì Đại Kiết Tường chơn ngôn và 108 danh hiệu, năng trừ tất cả phiền não, tội chướng, mang lại những công đức, khử trừ tất cả những điều không lành.

Phương Pháp Tu Hành Để Cầu Ngài Cát Tường Thiên

Trong Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, Phẩm 17 “Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật” đã dạy rằng: “Ngài Cát Tường Thiên Nữ đã vì chúng sanh mà phát nguyện phương pháp cứu giúp để tăng trưởng tài vật theo sở cầu” như sau:

“Bạch Đức Thế Tôn! Thành Thiên Vương Bệ Thất La Mạt Noa ở phương Bắc có tên là Tài, cách thành không xa có vương tên là Diệu Hoa Phước Quang, trong vườn có nhiều cung điện xây bằng bảy báu. Bạch Đức Thế Tôn! Con (Cát Tường Thiên Nữ) thường ở đó. Nếu có người muốn cầu ngũ cốc ngày ngày được tăng thêm, kho lẫm luôn đầy đủ, nên phát tâm kính tin, quét dọn sạch sẽ một căn phòng, dùng cù ma quét phủ trên mặt nền, vẽ tượng hình của con, trang sức đầy đủ các loại tràng hạt trang nghiêm. Tắm gội, mặc áo quần sạch sẽ, thoa dầu thơm đi vào phòng, phát tâm vì con mỗi ngày ba thời, niệm danh hiệu Phật và tên của kinh này, thành tâm đánh lễ:

Nam Mô Lưu Ly Kim Sơn Bảo Hoa Quang Chiếu Cát Tường Công đức Hải Như Lai và cúng dường các loại hương, hoa, trai phẩm tinh khiết, sạch sẽ nhất. Cũng dùng hương hoa, trai phẩm cúng dường lên Tôn tượng của con, rồi lấy đồ cúng đó mà rải ra các hướng để bố thí chư Thần, dùng lời chân thật triệu thỉnh Đại Cát Tường Thiên để cầu nguyện. Nếu lời kỳ nguyện là chân thật, thì con sẽ ứng hiện giúp đỡ ngay.

Trong lúc Cát Tường Thiên Nữ cảm ứng biết được sự cầu xin liền sanh lòng thương xót, phò giúp cho gia trạch có thêm tài, vật. Trong khi tụng chú để cung thỉnh con, trước hết phải niệm danh hiệu Phật và Bồ Tát với một lòng chí thành chí kính:

Nam Mô Như Thích Thập Phương Tam Thế Chư Phật.

Nam Mô Bảo Kế Phật.

Nam Mô Vô Cầu Quang Minh Bảo Tràng Phật.

Nam Mô Kim Quang Phật.

Nam Mô Bách Kim Quang Tạng Phật.

Nam Mô Kim Cái Bảo Tích Phật.

Nam Mô Đại Bảo Tràng Phật.

Nam Mô Đông Phương Bất Động Phật.

Nam Mô Nam Phương Bảo Tràng Phật.

Nam Mô Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật.

Nam Mô Bắc Phương Thiên Cổ Âm Vương Phật.

Nam Mô Diệu Tràng Bồ Tát

Nam Mô Kim Quang Bồ Tát.

Nam Mô Kim Tạng Bồ Tát.

Nam Mô Thường Đề Bồ Tát.

Nam Mô Pháp Thượng Bồ Tát.

Nam Mô Thiện An Bồ Tát.

Sau khi đánh lễ xong, tụng tiếp Thần Chú Triệu Thỉnh con (Đại Cát Tường Thiên Nữ). Do uy lực của chú này mà sự việc mình muốn cầu được thành tựu.

Kế đó Ngài Cát Tường Thiên Nữ tuyên thuyết Thần Chú như sau:

Nam mô thất lợi ma ha Thiên Nữ, sát diệt tha, bát lợi bộ luật chiết lệ, tam mạn đa, sát lợi thiết ne ma ha tỳ la yết đế, tam mạn đa tỳ đàm mật nê, ma ha ca lị giả, bát lạc đế sắc sát bát nê, tát bà át, tha bà đàn nê, tô bát lạt đề bộ lệ, ha da na đạt ma đa mạc ha tỳ câu tỳ đế, mạc ha mê đốt lỗ, ô ba tăng tứ đề, mạc ha hiệt lợi sử tô tăng cận lị tứ đề, tam mạn đa pha tha, a nô pha lạt nê, sa ha.

Ngài lại nói: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người trì tụng Thần chú này để triệu thỉnh con, khi con đã nghe, liền đến nơi đó để làm toại nguyện lời cầu xin của kẻ ấy. Trong kinh lại nói: Sau khi được sự phù hộ của Thiên Nữ, nên lấy phước đức này mà bố thí, cúng dường, cứu giúp những người nghèo khổ.

Liên quan đến sự thù thắng của phép tu này, trong kinh còn dạy: “Từ đây về sau, trong giấc ngủ mà mộng thấy con (Cát Tường Thiên Nữ), tùy theo sự cầu xin, thành thật mà nói với con thì dù ở đâu con cũng theo sở cầu mà giúp đầy đủ về tiền bạc, vật quý báu, súc vật, gạo lúa, thực phẩm, áo quần đều tùy tâm mà thọ hưởng mọi sự sung sướng. Đó là quả báo rất huyền diệu do lúc phân lễ phẩm cúng dường lên Tam Bảo và con. Chúng sanh nên thường tổ chức Pháp hội, thiết lễ hương hoa, phẩm vật để cúng dường, sau khi cúng xong lại dùng phẩm vật ấy và bố thí cho kẻ nghèo đói.

Con ở chỗ này suốt đời để giúp đỡ cho những người khôn khổ thoát khỏi cảnh thiếu thốn, theo điều cầu mong của họ mà thỏa mãn đầy đủ. Những người được phước nên giúp đỡ kẻ bần hàn, không nên bỏn xẻn, ích kỷ chỉ biết bản thân mình, thường tụng kinh và cúng dường không ngừng nghỉ, đem phước của mình ban rải khắp nơi, hồi hướng về cảnh giới

Phật để mau ra khỏi sanh tử và được giải thoát. Do sự diễn tả trong kinh này mà biết rằng, nếu có người chí tâm y như pháp cầu nguyện Thiên Nữ phò trì, chắc chắn phước đức không thể nghĩ bàn được.

Tự chủng: **S'ri**

Hình Tam Muội Da: **Viên ngọc quý (Bảo châu).** Thủ ấn: **Ấn Thí Vô Úy**

10. Hoàng Tài Thần

Hoàng Tài Thần là một trong năm họ Tài Thần chủ về tài phú, có khả năng giúp cho chúng sanh thoát khỏi cảnh nghèo khổ, thiếu thốn và được tài nguyên thăng tiến phong phú hơn. Trong ngôn ngữ Tây Tạng, Hoàng Tài Thần là **Tạng Ba Lạp Ta Ba**.

Thời gian đầu tiên khi đức Thích Ca giảng kinh Đại Bát Nhã trên núi Linh Thứu, tất cả các loại ma quỷ, thần từ trước đến nay thường gây ra trở ngại đã làm cho núi cao sụp lở, khiến đại chúng kinh hoàng. Lúc này Hoàng Tài Thần liền hiện thân để bảo vệ, sau đó Đức Thế Tôn đã dặn dò ngài Hoàng Tài Thần rằng trong thời vị lai hãy giúp cho tất cả chúng sanh nghèo khổ trong thế gian. Hoàng Tài Thần đã nhận lời ủy thác của Phật và trở thành một Đại Hộ Pháp trong Phật môn.

Bốn tôn hình tướng ngài là bụng to, thân hình nhỏ, hai tay mạnh mẽ sức lực, da màu vàng hoe. Tay mặt Ngài cầm Ma Ni châu, tay trái nắm một con chuột đang nhả viên ngọc quý. Đầu ngài đội mũ Ngũ Phật, thân mặc thiên y trang sức bằng những tràng hạt ngọc quý và hoa sen màu lam. Ngực Ngài đeo tràng hạt ngọc Ô Ba La. Ngài ngồi trên nguyệt luân hoa sen, an nhiên với chân trái co lại, chân phải đạp lên trên những con ốc biển quý báu.

Thành tâm trì tụng tâm chú Hoàng Tài Thần, sẽ được sự bảo vệ và tài nguyên được thăng tiến, tăng trưởng, không bị cảnh nghèo khó, tránh được mọi tình trạng túng quẫn kinh tế. Nếu như phát tâm Vô Thượng Bồ Đề cũng như phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi cảnh nghèo khổ, chắc rằng phước đức vô lượng.

Thần Chú:

Tây Tạng : **Om. Jambhala Jalandraye So Ha**

Hán-việt: **Ấn. Tạng bạt Lạp, trát niệm trát da. Tóa ha**

11. Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu

Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu có khả năng trừ khử tất cả mọi nghiệp chướng, phiền não, phá tan mọi ác đạo đã gây ra cho chúng sanh vô số khổ ách. Ngài làm cho chúng sanh nhận được sự hộ trì, che chở của chư vị Bồ Tát trong cuộc sống hiện tại và không bị những chướng ngại khổ não bệnh tật.

Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu âm Phạn văn là Vijaya, mật hiệu là Trừ Ma Kim Cang, lại còn có tên là Tôn Thắng Phật Mẫu, Trừ Chướng Phật Đảnh. Phật Đảnh, chỉ cho Vô Kiến Đảnh Tướng của Như Lai, người thường không có cách nào hiểu được tướng thù thắng tối thượng ấy. Trong tất cả các Phật đảnh, Tôn Thắng Phật Đảnh có khả năng trừ khử tất cả mọi phiền não nghiệp chướng của chúng sanh, phá tan mọi khổ ách trong ác đạo vì vậy có tên là Tôn Thắng hay Trừ Chướng Phật Đảnh.

Mặt chính giữa của Ngài Phật Mẫu màu trắng, biểu thị cho sự đẹp yên tai chướng, mặt phải của Ngài màu vàng, biểu thị cho các pháp tăng ích, mặt bên trái của Ngài màu lam, biểu thị pháp hàng phục. Tay nâng Ngài Đại Nhật Như Lai làm Thượng Sư, biểu thị hoài ái: cầm mũi tên, đại biểu sự khơi dậy lòng từ bi của chúng sanh, ấn Thí Vô Úy đại biểu việc dẫn chúng sanh ra khỏi tất cả sự sợ hãi, ấn Thí Nguyên biểu thị sự đáp ứng đầy đủ tất cả tâm nguyện của chúng sanh, cầm cây cung biểu thị cho sự chiến thắng tam giới, trên bàn tay kiết ấn Định nâng bình cam lồ, biểu thị làm cho chúng sanh vô bệnh tật, sống lâu. Chày Kim Cang hình Chữ Thập biểu thị hàng ma, trừ tai chướng để sự nghiệp thành tựu, quyển sách (nghĩa đen: lưới của thế gian, được dự pháp thâm nhiếp tất cả chúng sanh của chư Phật, Bồ Tát) đại biểu cho việc hàng phục tất cả chúng sanh khó điều phục.

Hình Tượng Tôn Thắng Phật Mẫu

Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu còn có tên là Đảnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu gọi tắt là Tôn Thắng Mẫu. Hình tượng ngài có ba mặt, tám tay. Trên mỗi mặt có ba mắt.

Ba Mặt

1. Mặt chính giữa màu trắng, khuôn mặt trầm lặng đẹp đẽ.
2. Mặt phải màu vàng sáng, trong dung mạo mỉm cười vui vẻ.
3. Mặt bên trái màu xanh lam của hoa sen xanh, nhìn thấy hàm răng hiện tướng hung nộ, thân như trắng sáng mùa thu không gợn một tí mây, mặt như một cô thiếu nữ tuyết trần.

Tám Tay

1. Tay phải thứ nhất cầm chày Yết Ma Kim Cang chữ thập bốn màu để trước ngực.
2. Tay phải thứ nhì nâng Ngài A Di Đà (hay Đại Nhật Như Lai) ngồi trên toà sen.
3. Tay phải thứ ba cầm mũi tên.
4. Tay phải thứ tư kiết ấn Thí nguyện, đặt phía trước đùi chân phải.
5. Tay trái thứ nhất kết ấn Phần Nộ Quyền cầm quyển sách.
6. Tay trái thứ hai kiết ấn Thí Vô Úy.
7. Tay trái thứ ba cầm cung.
8. Tay trái thứ tư kiết Định ấn nâng bình Cam Lồ.

Căn cứ vào những lời tường thuật trong nghi quỹ, Tôn Thắng Phật Mẫu dùng Ngài Bồ Tát Bạch Sắc Liên Hoa Thủ Quan Âm và Ngài Bồ tát Lam Sắc Tịch Tĩnh Kim Cang Thủ làm tả, hữu thị giả, Tứ Đại Thiên Vương làm hộ pháp. Phía đông là Bất Động Minh Vương tay cầm bảo kiếm, phía Nam là Ái Nhiễm Minh Vương tay phải cầm móc sắt, phía Tây là Trì Bồng Minh Vương tay phải cầm gậy màu lam, phía Bắc là Đại Lực Minh Vương tay phải cầm chày Kim Cang. Tất cả bốn Minh Vương thân đều màu lam, tay trái đều kết ấn Phần Nộ Quyền để trước ngực. Tóc, lông mi, và râu của bốn vị Minh Vương như hình lửa cháy, hàm răng lớn phần nộ nghiêng lại. Tất cả đều mặc quần da cạp, đeo răn làm chuỗi hạt, hai chân trái thẳng, chân phải cong lại, đứng oai vệ như lực sĩ.

Tôn Thắng Phật Mẫu tâm chú:

Om. Brum So Ha

Om Amrita Ayuh Dade So Ha

Âm hán Việt:

Án, A mật lật đô đổ bà, bà bà ha.

12. Đại Tùy Cầu Bồ Tát

Hạnh nguyện của Ngài Đại Tùy Cầu Bồ Tát là theo sát chúng sanh để biết được lời cầu nguyện mà giải trừ tất cả khổ ách, tiêu diệt ác đạo, làm cho những mong cầu của chúng sanh được thành tựu viên mãn. Lại còn bảo vệ cho quốc gia, khiến cho mưa thuận gió hòa, hoa trái mùa màng được tốt đẹp.

Đại Tùy Cầu Bồ Tát tên Phạn ngữ là **Maha Pratisara**, phiên âm Hán Việt là Ma Ha Bát La Đề Tát Lạc, có thuyết cho rằng Ngài là hóa thân của đức Quán Thế Âm. Thường gọi tắt là Tùy Cầu Bồ Tát. Ngài thường làm cho mọi sở cầu của chúng sanh đều được thỏa mãn. Trong Thai Tạng Mạn Đà La, Ngài ngự ở Quan Âm viện. Đây là một Bồ Tát thường theo sát những điều mong cầu của chúng sanh để tiêu trừ khổ ách, diệt ác đạo, làm cho mọi mong cầu như ý, vì thế mà tên gọi là Đại Tùy Cầu.

Hình Tượng Ngài Đại Tùy Cầu

Thân ngài màu vàng, một mặt tám tay, làm thành hình trạng vô úy. Ngài đội mũ trong có Hóa Phật, mỗi tay của Ngài đều kiết Khế Ấn. Sở dĩ có tám loại ấn là để tương ứng với tám loại chơn ngôn theo từng ấn. Trong Phật Giáo Mật Tông Nhật Bản, Phật tử thường tu pháp của Ngài để cầu con và cầu cho sản phụ sanh được bình an. Tám tay cầm các vật khác nhau như:

Tay phải thứ nhất cầm chày Kim Cang
Tay phải thứ hai cầm bảo kiếm
Tay phải thứ ba cầm phủ (búa)
Tay phải thứ tư cầm kích ba chia
Tay trái thứ nhất cầm hỏa diệm kim luân
Tay trái thứ hai cầm luân sách
Tay trái thứ ba cầm bảo tràng
Tay trái thứ ba cầm hộp kinh

Mật hiệu là Dữ Nguyên Kim Cang. Hình Tam muội Da là Phạm khiếp (Phạm Khiếp hay Phạm khuông là cái hộp gỗ kẹp quyền kinh viết trên lá.)

Tự chủng: **pra**

Đại Tùy Cầu chơn ngôn:

Om. (1) bhara (2) bhara (3) bambhara (4) sambhara (5) indriya (6) visodhani hum hum ruru (7) cale (8) Svaha (9)

Âm Hán Việt:

Án (1) bạt ra (2) bạt ra (3) tam bạt ra (4) tam bạt ra (5) án nại lệ giả (6) tỳ tuất đà nảnh hồng hồng lỗ lỗ (7) tả lệ (8) bà phộc ha (9)

13. Lục Độ Mẫu

Hạnh Nguyên: Làm tăng trưởng phước đức, thành tựu tất cả mọi sự tốt lành, giàu sang, phú quý, khiến cho người tu hành an trú vui vẻ trong phước điền, được an nhiên tự tại. Phàm những người cầu tài bảo đều tùy nguyện được viên mãn.

Lục Độ Mẫu tên xưng đầy đủ là Thánh Cứu Độ Mẫu, là hóa thân của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, là Phật mẫu trong Bộ Quan Âm Mật Giáo. Lại còn xưng là Thánh Đala Bồ Tát, Đa La Tôn, Đa La Tôn Quan Âm, Đa La Quan Thế Âm, Lục Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu, Thánh Cứu Độ Phật Mẫu, gọi tắt là Độ Mẫu. Cộng tất cả là 21 tôn, gọi là 21 Độ Mẫu đều do ngài Quan Thế Âm Bồ Tát hóa thân.

Căn Cú theo Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi kinh, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát nói rằng: Trong khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát an trú trong Phổ Quang Minh Đa La Tam Muội, dùng Tam Muội lực, trong mắt phóng ra đại quang minh, Đa La Bồ Tát tức theo ánh sáng mà hóa sanh thành một thiếu nữ xinh đẹp, dùng ánh sáng trong mắt chiếu khắp chúng sanh, thương xót chúng sanh như người mẹ hiền, thệ nguyện độ hết tất cả chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử.

Tu trì theo pháp của Ngài Lục Độ Mẫu đoạn trừ được sinh tử luân hồi. tiêu trừ tất cả mọi chướng ngại, bệnh, khổ... cũng trừ được tai nạn, tăng phước sống lâu, mở rộng trí huệ, phàm có cầu nguyện đều được thành tựu.

Trong kinh Thánh Đa La Bồ Tát Nhứt Bách Bát Danh Đà La Ni: Nếu hành giả phát tâm chí thành trì niệm 108 danh hiệu và tụng Đà La Ni này một (1) biến, bảy (7) biến, cho đến 21 biến, trong lúc tụng niệm không được bỏ sót chữ hoặc câu, người tu hành làm được như vậy sẽ gặt hái được mọi sự tốt lành và phú quý cũng như thành tựu được pháp này, tùy nguyện của mình mà vĩnh viễn không có trở ngại. Ngoài ra trong kinh Tán Dương Thánh Đức Đa La Bồ Tát Nhứt Bách Bát Danh cũng có đề cập như sau: Nếu có người theo đúng Pháp mà thọ trì Đa La Bồ Tát Nhứt Bách Bát Danh, sẽ được tăng phước, nổi danh, tiền của nhiều, tốt lành an trú trong ruộng phước, tài sản tăng lên và được tự tại. Kinh Cứu Độ Phật Mẫu Nhị Thập Nhứt Chúng Lễ Tán nói: Cầu tiền của, địa vị được tăng lên, đều được vào viên mãn theo ý nguyện.

Hình Tượng:

Vị tôn này hiện tượng một thiếu nữ toàn thân màu lục. Một mặt, hai tay, hiện tượng rất hiền lành. Đầu đội mũ Ngũ Phật. Thân mang các tràng hạt quý, mặc Thiên y. Hạ thân quàng váy. Thân tướng trang nghiêm, ngồi trên nguyệt luân Bồ Tát tòa. Chân phải ở trong tư thế đạp ra, chân trái co lại, tay phải hướng ra ngoài đặt trên đầu gối phải, bắt Ấn Thí Nguyên, cầm hoa sen xanh. Tay trái để trước ngực cũng cầm hoa sen xanh.

Chơn ngôn:

Om. Tare Tuttare Ture Ye So ha
(Om. Ta-rê Tút-Ta-Rê Tu-rê Ye, So Ha)

Âm Phạn đọc theo Hán Việt:

Án, đa lệ, xuất đa lệ, đô lệ, ta ha

Âm Tạng đọc theo Hán Việt:

Úm, đạt liệt đô, đạt liệt, đô liệt, thoan cáp.

14. Di Lạc Bồ Tát

Ngài Di Lạc Bồ Tát luôn luôn tu trì từ tâm Tam Muội, phát nguyện chính yếu của Ngài là làm cho tất cả chúng sanh được an trú trong sự sung sướng, hạnh phúc chơn chánh. Thành tâm tu trì pháp này, không những tăng trưởng, cải thiện sự quan hệ với người chung quanh mà còn mang đến sự may mắn cho cuộc đời nữa.

Di Lạc Bồ Tát tiếng Phạn là Maitreya, còn được gọi là Mai Đát Lê Lạc, Mạt đát lệ Da, Di Đế Lễ, Di Đế Lệ hoặc Mai Nhậm Lê, dịch là Từ Thị, danh hiệu này đến từ nguồn gốc bốn nguyện sở hạnh. Dựa trên duyên khởi ấy, Ngài đời đời kiếp kiếp đều tu tập từ tâm Tam muội, hành từ hạnh để cứu độ chúng sanh. Trong Kinh “Hiền Đức” đã chép rằng: Phụ thân Ngài Di Lạc Bồ Tát tên là Tu Phạm Ma, Mẫu thân Ngài là Bà Phạm Ma Đề Bạt. Ngài sinh ra trong một gia đình Bà La Môn ở miền Nam Thiên Trúc (Ấn Độ). Nhân vì sau khi Thân Mẫu hoài thai Bồ Tát, tánh tình đã trở nên rất từ hòa, bi mẫn, cho nên sau khi sanh Ngài đã đặt tên là Từ Thị.

Đức hạnh đặc biệt của Ngài Di Lạc Bồ Tát là hy vọng sau khi tận trừ hết nỗi thống khổ của chúng sanh, lại tiến thêm một bước làm cho chúng sanh an lạc và pháp lạc. “Bi” là trừ đau khổ, “Từ” là cho an vui, Ngài bao gồm cả thế gian và xuất thế gian, giúp cho chúng sanh về phương diện sinh hoạt trên cõi đời được bình hòa và đầy đủ tất cả mọi mặt, trên phương diện xuất thế gian giúp cho chúng sanh đạt được sự an lạc chân thật.

Do bốn nguyện của Ngài Di Lạc Bồ Tát, phát nguyện giúp chúng sanh an lạc. Nên khi các điều kiện sinh tồn được đầy đủ rồi, sẽ giúp cho chúng sanh tăng trưởng, hưng thịnh tài phú, nhu cầu tâm linh càng thâm tín, an lành trong mọi hoàn cảnh. Đây chính là đặc điểm hóa độ chúng sanh của Bồ Tát Di Lạc.

Pháp Kính Ái của Ngài Di Lạc Bồ Tát Quán Từ Tâm

Ngài Di Lạc Bồ Tát luôn luôn tu trì “Đại Từ Tam Muội”, phát nguyện chủ yếu của Ngài là làm cho tất cả chúng sanh cuối cùng phải đạt được an lạc, chính là an trú trong sự sung sướng mãi mãi không thối chuyển. Khiến cho chúng sanh hiện chứng thành Phật, được ở trong biển lớn vô sanh.

Quán Từ Tâm không chỉ là quán “Từ, Bi, Hỷ, Xả”, tứ vô lượng tâm trong thiền định mà còn mong muốn tất cả cảnh giới đều viên đốn, khiến cho tất cả chúng sanh xa lìa mọi tai ương, vĩnh viễn tách khỏi tất cả phiền não khi quán Từ Tâm.

Quán từ tâm chính là giúp cho con người thiền quán được hỷ lạc, tu tập pháp quán từ tâm có thể làm cho chính mình và người khác từ chỗ sâu kín nhất của nội tâm phát sinh ra sự an lạc chân thật, làm cho đời sống của chính mình vốn đã đầy đủ, mỹ mãn, được hạnh phúc thêm.

“Từ” có nghĩa là cho con người an lạc, nên quán Từ Tâm là thiền quán tâm an lạc. Quán Từ Tâm lại còn có tên là Từ Tâm Tam Muội, Bạch Quang Minh Từ Tam Muội, Đại Từ Tam Muội. Do đó mà mang đến đầy đủ cho bản thân và người khác sự an lạc chân chính. Bởi vậy, sau khi tu học Quán Từ Tâm sẽ sinh ra nhiều phước đức, sẽ mang lại cho chính mình và

những người chung quanh sự bình an và hạnh phúc. Cho nên quán Từ Tâm là một loại thiền quán mang lại hạnh phúc cho đời sống.

Sân hận sẽ đưa đến sự đen tối và bất hạnh cho đời mình, do đó mà từ tầng sâu thẳm thẳm nhất của nội tâm có sự vui vẻ, chắc chắn hạnh phúc của cuộc đời chúng ta sẽ được bảo vệ. Sân hận, vô minh sẽ dẫn chúng ta theo sự dữ, tránh điều lành, còn tỉnh thức trong niềm vui vẻ tự nhiên, chắc chắn sẽ đưa chúng ta đến chỗ vạn sự tốt lành. Quán Từ Tâm là phương pháp đầy đủ, hoàn bị để trị liệu các bệnh sân, hận, bất bình của tâm linh chúng ta đồng thời cũng hướng nó đến chỗ sáng suốt, hỷ lạc và hạnh phúc.

Phép Tu Giảm Yếu TỪ TÂM QUÁN

Trước tiên phải quán tưởng trong tâm của chính mình cảm giác sự sung sướng cùng tột không gì sánh bằng, sau đó lại quán tưởng chính mình rất than thiện và thân yêu người đang đứng trước mặt mình cũng đang sung sướng như mình vậy. Sức mạnh của loại sung sướng này sẽ kết hợp lại một chỗ, và loại sức mạnh này là sức mạnh của sự nối tiếp nhau làm cho tất cả mọi người đều rất sung sướng trong sự quan hệ với nhau. Không có bất cứ một sự quan hệ nào giữa con người mà quá sung sướng cả, tốt nhất là mang sự thù hận của chính mình hoặc sự bất như ý đối với người để đi vào quán tưởng, rồi đến cả thế giới đều được sung mãn và an lạc.

Sau khi quán tưởng sự quan hệ với những người không thân thiết một cách rõ ràng, rồi đến sự sung sướng, hạnh phúc trong quan hệ với cả không gian tròn đầy, bắt đầu từ một cá nhân rồi mở rộng đến người trong một nhóm, người trong một tỉnh, người trong một nước, người trong một châu, người trên quả địa cầu này rồi tất cả sinh vật trong thái dương hệ đến cả toàn vũ trụ, tất cả chúng sanh trong pháp giới đều có cảm giác vui sướng vô cùng. Sức mạnh của niềm sung sướng này giống như gợn sóng trên mặt nước, phát sinh ra vì hiệu quả của sự cộng chấn, làm cho trong lòng chúng ta tràn trề niềm hỷ lạc chân thật, và những chúng sanh quanh ta cũng như vậy. Sức mạnh của niềm hỷ lạc này là quà tặng cho chúng ta, nó sẽ tập trung thành niềm hỷ lạc rộng lớn, làm cho chúng ta được mọi người kính ái, vui vẻ.

Hình Tượng Ngài Di Lạc

Ngài Di Lạc Bồ Tát là một trong 16 vị Tôn trong Mạn Đà La Kim Cang Giới thời Hiền kiếp, an trí tại hướng Đông Bắc của Tam Muội Da hội, liên quan đến hình tượng, có rất nhiều thuyết, trong đồ hình Mạn Đà La Thai Tạng Giới thân Ngài màu vàng nhạt, đầu đội mũ báu (Bảo quan) trong mũ có Tốt Đồ Bà, tay trái bắt ấn Thí Vô Úy, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có Bảo bình (Bình báu).

Trong Kinh “Bát Đại Bồ Tát Mạn Đà La” và Kinh “Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Đàn Tràng Nghi Quỹ” lại diễn tả khác nhau: Thân Ngài màu vàng óng, tay trái cầm Quân trì (chiếc bình cầm tay), bàn tay phải lòng bàn tay ngửa lên trên, bắt ấn Thí Vô Úy. Trong Thai Tạng Đồ Tượng và tượng cũ đều y theo thuyết đầu y theo thuyết này mà vẽ ra.

Trong pháp “Từ Thị Bồ Tát Lục Tu Du Nga Niệm Tụng”, quyển thượng, phẩm Quán Môn Nhập Pháp Giới Ngũ Đại, Ngài Từ Thị Bồ Tát làm Trung tôn của Tu Du Mạn Đà La, hình tượng Ngài thân màu vàng nhạt, đầu đội mũ Ngũ Trí Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, trên hoa vẽ Pháp Giới Tháp Ấn. Tay phải có hỏa luân trên móng của ngón cái, các ngón

khác duỗi ra, hơi cong lại như ngọn cờ bị gió thổi, có nhiều tia sang quý, ngòai bán già trên hoa sen, đeo tràng hạt, mặc Thiên y, mang đai màu, vòng, xuyên rất trang nghiêm.

Như sách pháp đã dẫn ở trên, trong phẩm Họa Tượng chép: Đầu đội mũ Ngũ Trí Như Lai, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen trí Pháp Giới Tháp Ân. Tay phải bắt ấn Thuyết Pháp, ngòai kiết già phu tọa.

Trong Kinh Bồ Đà Lạc Hải Hội Quỹ chép rằng: Ngài Từ Thị Bồ Tát ở hướng Đông Bắc, đầu đội mũ Diệu Bảo, thân tướng màu vàng nhạt, bên trái cầm hoa sen “Định” màu đỏ tía, trên hoa có chiếc bình (quân trì), bên phải đầu gối kết tướng “Tuệ Ma”, trang sức với tất cả các loại chuỗi ngọc rất đẹp, làm than cứu thế, an trú trên nguyệt luân lớn.

Trong Hồng Ca Đà Đà Nghi Quỹ, quyển thượng nói rằng: “Ở phương Nam Ngài Di Lạc Bồ Tát tay cầm chày Kim Cang một đầu (độc cổ) và ba múi (tam cổ), đầu đội bảo quan (mũ báu), trang sức tràng hạt, hảo tướng đầy đủ, có bảo tòa liên hoa.” Cùng sách đã dẫn, quyển trung lại nói rằng: Trong Mạn Đà La Tùy Tâm, Ngài Di Lạc Bồ Tát ở Trung Ương, bên trái là Ngài Bồ Tát Pháp Âm Luân, bên phải Ngài Bồ Tát Đại Diệu Tướng.

Riêng Mật Giáo Tây Tạng cũng có truyền Ngài Di Lạc Bồ Tát, thân vàng óng, hai tay kiết ấn Thuyết Pháp, ngòai buông chân, trong tay có dấu in bông cây hoa hồng rồng (Long Hoa) trên lòng bàn tay có Pháp luân và Bảo bình, an trú trên sư tử tòa hoa sen.

Ngoài các hình tượng đã nêu trên, ở Trung Quốc lại dùng hình tượng Phước Thần Bồ Đại Hòa Thượng để tạo hình Ngài Di Lạc. Ngài Bồ Đại Hòa Thượng xuất hiện vào triều đại Vua Đường Hy Tông (năm Công nguyên 860 – 873) gần Châu Ninh, huyện Phụng Hóa, không rõ ngài từ nơi nào đến.

Vị Hòa Thượng này tự xưng là Khế Thử, hình dáng đầy đà, mập mạp, bụng phệ, thuờng mặc áo hở bụng luôn luôn cười lúc đi đứng. Ngài ăn nói thất thường, có vẻ như người đãng trí, lang bạt khắp nơi, cho nên nơi ăn chốn ở cũng không nhất định. Do Ngài thường vác một cây gậy móc một cái dây vải, một tấm chiếu rách đi vào chợ hành khất, vì vậy mà mọi người gọi Ngài là Bồ Đại Hòa Thượng.

Trước khi Ngài thị tịch đã để lại một bài kệ rằng:

Di Lạc chân Di Lạc,
Phân thân trăm bách ức.
Thời thời thị thời nhơn,
Thời nhơn tự bất thức.

Dịch: (Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt)

Di Lạc! Chân Di Lạc,
Phân thân trăm ngàn ức.
Luôn luôn bảo người đời,
Người đời tự chẳng biết.

Cho nên đời sau trong vùng Giang Chiết (Giang Nam và Chiết Giang) đã lưu truyền đồ hình của Ngài Bồ Đại Hòa Thượng, trong các chùa chiền, miếu vũ của Trung Quốc thường thấy tượng Ngài Di Lạc Bồ Tát là cúng dường ngay.

Chủng Tử Tự và Chơn ngôn của Ngài:
Di Lạc

Chủng tử tự: A hoặc Yu hoặc Vam

Chân ngôn:

Na Ma (1) Tam mạn Đa Bột Đà Nẫm (2) Ma Ha Du Đà (3) Du Nghĩ Ninh (4) Du Chỉ
Phước lý (5) Cửu Nhược Li Kê (6) Tóa ha (7)

Mamah (1) Samanta – buddhànàm (2) Mahàyaga (3) Yogini (4) Yogés vari (5)
Khanjarike (6) Svàhà (7)

Quy mạng (1) Phổ biến chư Phật (2) Đại tương ứng (3) Tương ứng giả (4) Tương ứng tự
tại (5) Không sanh tác (6) Thành tựu (7)

Án (1) Muội Đất lệ dã (2) Sa phước gia (3)

Om (1) Maitreyà (2) Svàhà (3)

Quy mạng (1) Từ Thị (2) Thành tựu (3)

